

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DABACO VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu số 2300105790 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 23 tháng 12 năm 2004, thay đổi lần thứ 10 ngày 06 tháng 05 năm 2010)

CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán số/UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày...../...../2010)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI



CÔNG TY CỔ PHẦN DABACO VIỆT NAM

Trụ sở: Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: (0241) 3826077 -3 895111 Fax: (0241) 3826095 – 3821377

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-8) 3 824 2897 Fax: (08) 9330434



CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3 936 6321 Fax: (84-4) 3 936 6311

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Bà Nguyễn Thị Huệ Minh: Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị Công ty Dabaco Việt Nam

Điện thoại: (0241) 3 826077 - 3895111 Fax: (0241) 3826095 – 3821377



CÔNG TY CỔ PHẦN DABACO VIỆT NAM



(Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu số 2300105790 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 23 tháng 12 năm 2004, và thay đổi lần thứ 10 ngày 06 tháng 05 năm 2010)

CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG

1. Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam
2. Mã cổ phiếu	: DBC
3. Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá	: 10.000 VNĐ (Mười nghìn đồng)/cổ phiếu
5. Tổng số lượng chào bán	: 18.164.440 (Mười tám triệu một trăm sáu tư ngàn bốn trăm bốn mươi) cổ phiếu
6. Phương thức phát hành	<ul style="list-style-type: none">- Phát hành cho cổ đông hiện hữu: 16.964.440 cổ phiếu tự do chuyển nhượng- Phát hành cho CBCNV: 1.200.000 cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 2 năm
7. Giá phát hành	: 17.000 đồng/cổ phiếu
8. Tổng giá trị phát hành	: 308.795.480.000 VNĐ (Ba trăm linh tám tỷ bảy trăm chín năm triệu bốn trăm tám mươi ngàn) đồng

1. Tên trái phiếu	: Trái phiếu chuyển đổi Công ty Cổ phần Dabaco
2. Mã trái phiếu	: DBCCB2010
3. Loại trái phiếu	: Trái phiếu chuyển đổi
4. Mệnh giá một trái phiếu	: 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng)
5. Số lượng trái phiếu phát hành	: 2.544.666 trái phiếu
6. Phương thức phát hành	: Phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
7. Giá phát hành	: bằng mệnh giá
8. Kỳ hạn	: 24 tháng
9. Lãi suất định kỳ	: 10%/năm



10. Kỳ hạn trả lãi	: Lãi vay được thanh toán hàng năm
11. Tổng mệnh giá phát hành	: 254.466.600.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ UHY

Địa chỉ: Tầng 5-6, số 136, Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 37557446

Fax: (04) 37557448

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Sông Đà, số 165, Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 62670 491

Fax: (04) 62670 494

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

❖ Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.38.242.897

Fax: 08.38.247.430

Email: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

❖ CN Công ty Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội:

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: 04.39.366.321

Fax: 04.39.366.311



MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
1. Rủi ro về kinh tế.....	1
2. Rủi ro về luật pháp	1
3. Rủi ro đặc thù ngành	1
4. Rủi ro của đợt chào bán cổ phiếu và trái phiếu chuyển đổi ra công chúng	5
5. Rủi ro của dự án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán	5
6. Rủi ro giảm hiệu quả hoạt động và pha loãng giá cổ phiếu do phát hành thêm và sau thời điểm chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	6
7. Rủi ro khác	8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	9
1. Tổ chức phát hành	9
2. Tổ chức tư vấn phát hành	9
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	10
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	11
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	11
2. Cơ cấu tổ chức công ty	19
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	30
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ	34
5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành tham gia góp vốn	36
6. Hoạt động kinh doanh	37
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm 2008 – 2009 và quý II/2010.....	58
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	61
9. Chính sách đối với người lao động	64
10. Chính sách cổ tức	67
11. Tình hình tài chính.....	67
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	75
13. Tài sản.....	87
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2010- 2012	90
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty	98



16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	99
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán.....	99
V. LOẠI CỔ PHIẾU VÀ TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CHÀO BÁN	100
1. Loại cổ phiếu chào bán	100
2. Loại trái phiếu chuyển đổi chào bán	104
3. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:	112
4. Các loại thuế có liên quan	112
5. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu và trái phiếu chuyển đổi:	112
VI. MỤC ĐÍCH CỦA ĐỢT PHÁT HÀNH	113
1. Mục đích chào bán	113
2. Tính khả thi của các dự án BT	113
3. Nhu cầu vốn tài trợ cho các dự án BT	114
4. Cam kết của tổ chức phát hành	115
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	116
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN	121
IX. PHỤ LỤC	122



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Việc Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới WTO ngày 11/01/2007 đánh dấu sự hòa nhập của nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế thế giới. Song hành cùng cơ hội mà các Doanh nghiệp Việt Nam được hưởng lợi do tham gia WTO, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ chịu nhiều tác động hơn từ nền kinh tế toàn cầu. Cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 là một minh chứng cho ảnh hưởng của khủng hoảng trong thời kỳ hội nhập khi nền kinh tế Việt Nam đã sụt giảm sút tốc độ tăng trưởng GDP (6,23%) và tỷ lệ lạm phát cao (19,9%) trong năm 2008(). Sau cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008, nền kinh tế các nước trên thế giới đang có dấu hiệu dần hồi phục. Theo thông cáo báo chí về số liệu thống kê kinh tế - xã hội năm 2009 của Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 5,32%; chỉ số giá tiêu dùng bình quân tăng 6,52%. Trong 6 tháng đầu năm 2010, tổng sản phẩm trong nước tăng 6,16% so với cùng kỳ năm trước; Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2010 tăng 8,69% so với cùng kỳ năm trước và tăng 4,78% so với tháng 12/2009¹.

Sự phát triển của nền kinh tế có ảnh hưởng lớn tới sự phát triển của ngành sản xuất và kinh doanh nông sản, trong đó có lĩnh vực sản xuất gia súc, gia cầm, chế biến thức ăn chăn nuôi,... do biến động về giá đầu vào cũng như nhu cầu tiêu thụ sản phẩm.

2. Rủi ro về luật pháp

Là một công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh chủ yếu từ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các chính sách có liên quan của Chính phủ. Trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của mình, Công ty cũng có trách nhiệm chấp hành các quy định của ngành có liên quan đến vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng. Đây là những vấn đề đã được Công ty từ nhiều năm nay rất chú trọng và xem là chiến lược phát triển lâu dài của Công ty.

Hiện, Công ty đang mở rộng hoạt động sang lĩnh vực bất động sản, các Luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh của các Công ty trong lĩnh vực xây dựng và bất động sản gồm: Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh Bất động sản... Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Rủi ro đặc thù ngành

3.1. Rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào

¹ <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=413&thangtk=06/2010>



Nguyên liệu chiếm một tỷ trọng lớn trong giá thành sản xuất thức ăn chăn nuôi, thông thường chiếm khoảng 90% tổng giá thành sản xuất, do vậy, biến động giá cả nguyên vật liệu tác động rất lớn đến lợi nhuận của Công ty. Khô đậu tương, ngô, bột cá là 3 loại nguyên liệu chính cấu thành nên sản phẩm thức ăn chăn nuôi, đây cũng là những nguyên liệu mà nước ta phải nhập khẩu rất nhiều. Hiện tại, ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi trong nước ngày càng phụ thuộc vào các nguyên liệu nhập khẩu do diện tích và sản lượng các loại hoa màu, đặc biệt là ngô (bắp), trong nước sụt giảm mạnh. Tính chung, diện tích gieo trồng ngô cả nước trong năm 2009 chỉ còn 1,09 triệu héc ta, giảm 4,68% so với năm 2008. Trong số các tỉnh trồng ngô trọng điểm, Điện Biên và Thanh Hóa là hai địa phương giảm mạnh nhất với mức giảm mỗi tỉnh khoảng 3.000 héc ta, tiếp đến là Nghệ An (giảm hơn 2.000 héc ta)². Theo đó, nguồn cung trong nước sụt giảm mạnh.

Không chỉ vậy, biến động giá nguyên vật liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi cả trong nước và thế giới trong thời gian gần đây lại rất phức tạp. Giá ngô nội địa trong năm 2009 trung bình ở mức 3.980 đồng/ki lô gam, thấp hơn 158 đồng/ki lô gam so với giá trung bình năm 2008. Tuy nhiên, trong quý 4-2009 tốc độ tăng giá mặt hàng này ở mức chưa từng có. Chỉ trong vòng chưa đầy sáu tháng (từ tuần đầu tháng 10-2009 đến hết tuần 2 tháng 3-2010), giá ngô trong nước đã tăng 1.950 đồng/ki lô gam, lập kỷ lục giá mới là 5.500 đồng/ki lô gam, thậm chí có doanh nghiệp mua đến 5.700 đồng/ki lô gam. Vào trung tuần tháng 4-2010, giá ngô hạt đứng ở mức 5.100 đồng/ki lô gam, cao hơn 21% so với cùng kỳ năm 2009. Trong khi đó, giá nhập khẩu nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cũng tăng 3 tháng liên tiếp, tháng 04/2010 giá giảm 2,8% so với tháng trước, nhưng vẫn tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước³.

Để hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của giá nguyên liệu đầu vào đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng thu mua nguyên liệu dài hạn với các nhà cung cấp lớn qua đó giúp đảm bảo sự ổn định của các nguồn cung cấp cũng như giá thu mua nguyên vật liệu. Ngoài ra, để chủ động hơn trong nguồn cung nguyên vật liệu, Công ty đã đầu tư xây dựng nhà kho và cơ sở sơ chế nguyên vật liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi tại tỉnh Hoà Bình.

Công ty chủ động trong việc nghiên cứu, phát triển các nguồn nguyên liệu có thể sản xuất ngay trong nước thay vì phải nhập khẩu. Thêm vào đó, Công ty luôn chủ động trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hiệu quả bao gồm kế hoạch sản xuất, kế hoạch mua và dự trữ nguyên vật liệu, đối phó với dịch bệnh và kế hoạch kinh doanh phân phối thành phẩm. Những hoạt động này đã và đang giúp Công ty giảm bớt chi phí nguyên liệu đầu vào, hạ giá thành sản phẩm, qua đó

² Theo Agromonitor – chuyên đề đặc biệt số 9 – 23/06/2010

³ Theo Agromonitor – chuyên đề đặc biệt số 9 – 23/06/2010



góp phần tăng sức cạnh tranh của các sản phẩm thức ăn chăn nuôi của Công ty trên thị trường trong nước.

3.2. Rủi ro tỷ giá

Nguyên liệu của Công ty hiện nay chủ yếu là nhập khẩu, chiếm đến 80% tổng giá trị mua nguyên vật liệu. Nguyên liệu nhập khẩu của công ty được thanh toán chủ yếu bằng đồng Đô la (USD) nên lợi nhuận và hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn từ chính sách điều hành tỷ giá của Việt Nam và chính sách tiền tệ của các quốc gia trên.

Trong năm 2009, khủng hoảng kinh tế trên thế giới diễn ra sâu rộng, giá nguyên vật liệu tăng nhanh, kinh tế Việt Nam phải đối mặt với lạm phát tăng mạnh, nhập siêu ở mức cao... những nhân tố này khiến cho tỷ giá USD/VND cũng tăng mạnh gây khó khăn cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu nói chung và Công ty nói riêng.

Để hạn chế những rủi ro về tỷ giá, bên cạnh việc chú trọng công tác đánh giá, dự báo về thị trường để đưa ra những quyết định kịp thời, Công ty áp dụng chính sách mua nguyên vật liệu qua tổ chức thương mại là chủ yếu để chia sẻ những rủi ro những biến động của tỷ giá gây ra.

3.3. Rủi ro tài chính

Do đặc điểm của ngành sản xuất nông sản, Công ty cần phải có chiến lược dự trữ nguyên liệu nhằm chủ động nguồn nguyên liệu phục vụ cho sản xuất cũng như để ổn định giá thành sản phẩm đầu ra. Vì vậy, lượng hàng tồn kho luôn chiếm tỷ trọng lớn trên tổng tài sản của Công ty. Điều này một phần cũng tác động đến việc Công ty phải sử dụng các nguồn vay nợ để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Bên cạnh đó, trong những năm qua Công ty liên tục đầu tư phát triển để mở rộng sản xuất thông qua việc xây dựng thêm nhiều nhà máy, xí nghiệp mới vì vậy nhu cầu về vốn và vay vốn của Công ty là khá lớn.

Trong cơ cấu nguồn vốn hệ số Nợ/Tổng tài sản năm 2009 chiếm khoảng 60%, trong đó tỷ trọng vốn vay chiếm khoảng 50% nên chi phí lãi vay cao, chiếm khoảng gần 30% lợi nhuận từ việc bán hàng. Do vậy, những biến động thất thường của lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Trong tương lai Công ty cần có những kế hoạch làm giảm bớt sự phụ thuộc vào vốn vay cũng như tái cơ cấu nguồn vốn bằng cách tăng tỷ trọng vốn chủ sở hữu.

3.4. Rủi ro dịch bệnh

Dịch cúm gia cầm (CGC) và lở mồm long móng (LMLM) và lợn tai xanh vẫn còn diễn biến rất phức tạp, do tình hình thời tiết và điều kiện vệ sinh chăn nuôi. Tính đến 31/05/2010, cả nước có 16 tỉnh là Hải Dương, Thái Bình, Thái Nguyên, Hưng Yên, Bắc Ninh, Hải Phòng, Hà Nội, Nam Định, Hà Nam, Lạng Sơn, Nghệ An, Quảng Ninh, Bắc Giang, Hòa Bình, Cao Bằng và Sơn La có dịch Tai xanh chưa qua 21 ngày.



Là một trong những doanh nghiệp có số lượng con giống lớn nhất miền Bắc, Công ty đã thực hiện hàng loạt các biện pháp phòng tránh, ngăn chặn dịch bệnh lây lan từ những nơi khác vào các cơ sở sản xuất của Công ty như: khử trùng, tiêu độc thường xuyên, giám sát chặt chẽ các quy trình chăn nuôi, ngăn cấm người từ bên ngoài ra vào các trại nuôi gia súc, gia cầm,... Nhờ vậy, đàn giống tại các trại chăn nuôi của Công ty đều được bảo vệ an toàn, góp phần không nhỏ trong việc khôi phục và phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm sau khi hết dịch.

Khả năng dịch bệnh xuất hiện trở lại ở nhiều địa phương trong cả nước là không nhỏ tuy nhiên nếu áp dụng các biện pháp phòng chống nghiêm ngặt thì có thể hạn chế tối đa được khả năng này.

3.5. Rủi ro ngành bất động sản

Bước sang năm 2010, Công ty mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực bất động sản, một ngành đem lại lợi nhuận cao. Là một doanh nghiệp mới trong ngành bất động sản, hoạt động của Công ty phải đối mặt với các rủi ro sau:

- *Rủi ro về dự án:*

Đặc thù của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị là nhu cầu vốn lớn, thời gian thi công các dự án, công trình thường kéo dài, vì thế phải duy trì hệ số nợ cao và thời gian chiếm dụng vốn dài. Những đặc thù của ngành có thể sẽ gây ra rủi ro giảm khả năng thanh toán và giảm lợi nhuận dự kiến khi công ty không thu hồi được các khoản nợ hoặc khách hàng lớn của công ty bị phá sản.

- *Rủi ro trong công tác giải phóng mặt bằng:*

Đây là đặc thù của ngành xây dựng đầu tư cơ sở hạ tầng và kinh doanh bất động sản ở Việt Nam. Trên thực tế, nhu cầu về đất xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở... ngày càng gia tăng trong khi quỹ đất lại rất hạn chế. Hiện nay phần lớn đất quy hoạch cho các dự án khu đô thị, khu công nghiệp đều là đất đang được sử dụng, vì vậy công tác giải phóng mặt bằng tại các khu vực này thường rất phức tạp. Mặt khác, khung giá đền bù, bồi thường đất theo quy định của Nhà nước không ổn định. Điều này gây khó khăn cho công tác giải phóng mặt bằng, ảnh hưởng đến tiến độ thi công dự án cũng như tác động trực tiếp đến chi phí đầu tư của doanh nghiệp. Do đó chi phí, doanh thu và lợi nhuận của Công ty có thể bị ảnh hưởng bởi rủi ro này.

- *Rủi ro về cạnh tranh*

Hiện nay, trên địa bàn cả nước có rất nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị. Đặc biệt khu vực Bắc Ninh và các tỉnh lân cận đang tập trung rất nhiều doanh nghiệp lớn như: VINACONEX, HUD,... Những doanh nghiệp này đều là đối thủ cạnh tranh trực tiếp của Công ty. Bên cạnh đó, Việt Nam đã chính thức gia nhập WTO sẽ tạo điều kiện cho các tổ chức và các nhà đầu tư nước ngoài có thương hiệu, uy tín và tiềm lực vào



hoạt động và cạnh tranh khốc liệt với các công ty xây dựng và kinh doanh bất động sản trong nước, trong đó có Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam.

4. Rủi ro của đợt chào bán cổ phiếu và trái phiếu chuyển đổi ra công chúng

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội từ tháng 02 năm 2008. Giá cổ phiếu được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mỗi quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Giá cổ phiếu Công ty không nằm ngoài quy luật chung đó. Do vậy, thông tin về lượng cung chứng khoán tăng lên có thể ảnh hưởng đến sự thành công của đợt chào bán cổ phiếu của Công ty và giá cổ phiếu sau này.

Để đảm bảo thành công của đợt phát hành, Công ty đã ký kết hợp đồng bảo lãnh phát hành trái phiếu chuyển đổi với tổng số tiền dự kiến thu được là 254 tỷ đồng. Trong trường hợp công ty không thu đủ số tiền huy động từ đợt chào bán, Công ty sẽ thu xếp thêm nguồn vay từ các cá nhân và tổ chức có quan hệ tín nhiệm lâu năm với Công ty. Ngoài ra, Công ty sẽ sử dụng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của mình để đảm bảo thành công của dự án (tính đến 30/09/2010, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 158 tỷ đồng và dự kiến là hơn 200 tỷ đồng tính đến hết năm 2010). Phần vốn phát sinh còn lại (nếu có – khoảng 100 tỷ), Công ty sẽ thu xếp từ các ngân hàng, bạn hàng, cá nhân mà công ty có quan hệ tốt để đảm bảo thành công của dự án.

5. Rủi ro của dự án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

**** Rủi ro về triển vọng của các dự án đầu tư***

Mục đích của đợt chào bán lần này là phát hành tăng vốn của Công ty để đảm bảo vốn chủ sở hữu để tài trợ cho các dự án BT mà Công ty được UBND tỉnh Bắc Ninh giao đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật tuyến đường H1, H2 hay xây dựng công trình công viên hồ điều hòa Văn Miếu tại thành phố Bắc Ninh; tuyến đường từ Đền Đô đến đường vành đai III và QL1A, tuyến đường từ nút giao nút khác mức giữa QL1A mới với TL277 (cầu Đại Đình) đến TL295B dọc theo kênh Nam với các dự án vốn đối ứng là Khu đô thị Vạn An và Khu đô thị DV Khúc Xuyên, Phong Khê; Khu đô thị và dịch vụ xã Phù Khê và Phường Đình Bảng. Rủi ro của các dự án BT là công ty phải thực hiện các dự án BT để đổi lấy các dự án đối ứng, thời gian thực hiện các dự án BT kéo dài có thể sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, công ty có thể sẽ phải huy động thêm nguồn vốn để thực hiện các dự án đối ứng.

Theo đánh giá của công ty, các dự án vốn đối ứng dự kiến đều mang lại lợi nhuận cao cho Công ty trong các năm tới. Tuy nhiên trong trường hợp thị trường bất động sản trầm lắng, tiến độ bán các khu bất động sản chậm sẽ ảnh hưởng tới hiệu quả của dự án.

**** Rủi ro về huy động vốn cho dự án:***

Công ty dự kiến phát hành tăng vốn điều lệ nhằm mục đích huy động vốn thực hiện các dự án BT mà được UBND tỉnh Bắc Ninh giao. Sự thành công của đợt phát hành này còn phụ thuộc vào diễn biến của thị trường chứng khoán và sự kỳ vọng của nhà đầu tư. Tuy nhiên, theo phương án đã được phê duyệt, ĐHCĐ đã uỷ quyền cho HĐQT xử lý và phân phối số cổ phần từ chối mua. Qua khảo sát, đánh giá nguồn lực của Công ty và mức giá chào bán hợp lý nên Công ty tin tưởng vào sự thành công của đợt chào bán này.



6. Rủi ro giảm hiệu quả hoạt động và pha loãng giá cổ phiếu do phát hành thêm và sau thời điểm chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu

Các đợt phát hành thường dẫn tới việc pha loãng giá giao dịch cổ phiếu trên thị trường. Hơn nữa, việc gia tăng khối lượng vốn và cổ phiếu, trong khi doanh thu và lợi nhuận của Doanh nghiệp không thể ngay lập tức tăng theo tốc độ tương ứng cũng sẽ gây ảnh hưởng nhất định tới hiệu quả hoạt động của Doanh nghiệp trong ngắn hạn, do đó cũng làm ảnh hưởng nhất định tới giá giao dịch của cổ phiếu trên thị trường.

Giá giao dịch của cổ phiếu sẽ bị pha loãng và được điều chỉnh giảm theo tỷ lệ phát hành và giá phát hành tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá thị trường của cổ phiếu Công ty (DBC) sẽ được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá thị trường (điều chỉnh)} = \frac{PR(t-1) + I_1 * PR_1}{(1 + I_1)}$$

Trong đó:

PR(t-1) là giá giao dịch của Công ty ngày trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền

PR1 là giá phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu.

I1: Tỷ lệ tăng vốn so với vốn điều lệ hiện tại phát hành cho cổ đông hiện hữu

Ví dụ, giả sử giá giao dịch ngày trước ngày chốt danh sách là 40.000 đồng/cổ phiếu, giá cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 17.000 đồng/cổ phiếu với tỷ lệ phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 3:2 và phát hành cho CBCNV với giá là 17.000 đồng/cổ phiếu với số lượng là 1.200.000 cổ phiếu. Như vậy, giá điều chỉnh tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền sẽ tương đương với 30.800 đồng/cổ phiếu.

Đồng thời, Công ty cũng thực hiện phát hành trái phiếu chuyển đổi cho cổ đông hiện hữu. Do vậy, giá tham chiếu của cổ phiếu DBC trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được điều chỉnh trong các trường hợp tổ chức phát hành: Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu; Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá thấp hơn giá thị trường tại thời điểm phát hành; Trả cổ tức bằng tiền mặt; Trả cổ tức bằng cổ phiếu. Giá điều chỉnh của DBC sẽ được điều chỉnh theo công thức:

$$Ptc = \frac{PR(t-1) + (I1 \times PR1) + (I2 \times PR2) + (I3 \times PR3) - TTHcp - Divcp - TTHt - Divt}{1 + I1 + I2 + I3}$$

Trong đó:

Ptc: Giá tham chiếu trong ngày không hưởng các quyền trên



I1: Tỷ lệ tăng vốn theo phát hành quyền mua cổ phiếu

I2: Tỷ lệ tăng vốn do phát hành cổ phiếu thường

I3: Tỷ lệ tăng vốn do phát hành cổ tức bằng cổ phiếu

TTHcp: Giá trị tiền thưởng bằng cổ phiếu

Divcp: Giá trị cổ tức bằng cổ phiếu

TTHt: Giá trị tiền thưởng bằng tiền

Pr1: Giá cổ phiếu bán cho người có quyền mua cổ phiếu

Pr2: Giá cổ phiếu tính cho người được thưởng bằng cổ phiếu

Pr3: Giá cổ phiếu tính cho người được nhận cổ tức bằng cổ phiếu

PR(t-1): Giá cổ phiếu trước thời điểm phát hành

Giả sử: Công ty có kế hoạch trả cổ tức bằng cổ phiếu 10%, phát hành cổ phiếu thưởng 10% vào ngày giả định là 01/07/2011, và giá cổ phiếu DBC phiên trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 40.000đ/cổ phiếu, giá tham chiếu của DBC sẽ được điều chỉnh như sau:

$$40.000 + (0,1 \times 10.000) + (0,1 \times 10.000) - 1.000 - 1.000$$

$$Ptc = \frac{\text{-----}}{1 + 0,1 + 0,1} = 33.333 \text{ đồng}$$

(*): Số lượng phát hành cho CBCNV không ảnh hưởng đến giá tham chiếu của DBC

Ngoài ra, EPS của Công ty cũng bị giảm sau đợt chào bán cổ phiếu và trái phiếu chuyển đổi do tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và doanh thu không tăng kịp với tốc độ tăng trưởng của vốn đầu tư chủ sở hữu. Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

EPS = Lợi nhuận sau thuế/Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân. Trong đó:

$$\frac{X * 12 + Y * t}{12}$$

Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân (giả sử không có cổ phiếu quỹ) =

Trong đó:

X: số lượng cổ phiếu trước khi phát hành

Y: số lượng cổ phiếu phát hành thêm

t: thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm

Bảng 1: Số lượng cổ phần lưu hành bình quân của DBC

Số lượng cổ phiếu tại ngày 01/01/2010 (CP)	Số ngày lưu hành	Tổng số CP dự kiến lưu hành
SLCP tại thời điểm 01/01/2010 25.446.660	360	9.160.797.600
Số lượng phát hành thêm (*)		



Số lượng cổ phiếu tại ngày 01/01/2010 (CP)	Số ngày lưu hành	Tổng số CP dự kiến lưu hành
18.164.440	30	544.933.200
SLCP lưu hành bình quân năm 2010		26.960.363
SLCP tại thời điểm 01/01/2011		
43.611.100	360	15.699.996.000
SLCP được chuyển đổi từ trái phiếu (**)	Thời điểm chuyển đổi	
12.723.330	01/12/2011	30
SLCP lưu hành bình quân năm 2011		44.671.378
SLCP tại thời điểm 01/01/2011		
56.334.430	360	20.280.394.800
SLCP được chuyển đổi từ trái phiếu (**)	Thời điểm chuyển đổi	
12.723.330	01/12/2012	30
SLCP lưu hành bình quân năm 2012		57.394.708

(Nguồn: Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam)

(*) Giá định hết tháng 11/2010, Công ty thu được tiền của các cổ đông

(**): Giá sử các trái phiếu đều được chuyển đổi sang cổ phiếu

Bảng 2: EPS được tính dựa trên lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2010 – 2012

Năm	Số lượng cổ phiếu bình quân (CP)	Lợi nhuận dự kiến (VNĐ)	EPS dự kiến (Đồng/CP)
2010 – Trước phát hành	25.446.660	248.677.697.000	9.773
2010 – Sau phát hành	26.960.363	248.677.697.000	9.224
2011	44.671.378	253.104.101.000	5.666
2010	57.394.708	286.578.417.000	4.993

(Nguồn: Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam)

7. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hoả hoạn, là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là những rủi ro không thể loại trừ, nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về diễn biến tình hình thời tiết, dịch bệnh,... đồng thời lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho hàng hoá và tài sản của Công ty.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN DABACO VIỆT NAM

Ông **NGUYỄN NHƯ SO**

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Bà **NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG**

Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông **NGUYỄN VĂN LĨNH**

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn phát hành

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI

Bà **NGUYỄN THỊ THANH HÀ**

Chức vụ: Giám đốc Tài chính

Giấy ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn số 07/2006/UQ-SSI ngày 22 tháng 02 năm 2006.

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu và trái phiếu chuyển đổi ra công chúng Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam do Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội (SSI) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam cung cấp.



III. CÁC KHÁI NIỆM

UBCKNN	: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
TTCK	: Thị trường chứng khoán
Công ty	: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam
Điều lệ	: Điều lệ Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam
SSI	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
Giấy CNĐKKD	: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
BKS	: Ban Kiểm soát
BGD	: Ban Giám đốc
CK	: Chứng khoán
TSCĐ	: Tài sản cố định
KT – KCS	: Kỹ thuật – Kiểm tra chất lượng sản phẩm
Thuế TNDN	: Thuế Thu nhập doanh nghiệp
CĐ	: Cổ đông
ĐVT	: Đơn vị tính
CBCNV	: Cán bộ, công nhân viên
GPMB	: Giải phóng mặt bằng



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung

- ❖ Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN DABACO VIỆT NAM**
- ❖ Tên tiếng Anh: **DABACO VIETNAM CORPORATION**
- ❖ Tên giao dịch: **DABACO**



- ❖ Logo:
- ❖ Email: contact@dabaco.com.vn
- ❖ Website: <http://www.dabaco.com.vn>
- ❖ Trụ sở chính: Đường Lý Thái Tổ, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
- ❖ Điện thoại: (0241) 3826077 – 3895111 Fax: (0241) 3826095 – 3821377
- ❖ Lĩnh vực hoạt động kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2100105790 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp (đăng ký lần đầu ngày 23/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 06/05/2010), Công ty được phép kinh doanh những ngành nghề như sau:

- Sản xuất thức ăn chăn nuôi;
- Sản xuất và kinh doanh thuốc thú y;
- Sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu vi sinh;
- Sản xuất và kinh doanh giống gia súc, gia cầm, thủy cầm, giống thủy sản;
- Sản xuất tinh lợn, trâu, bò;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, hoá chất phục vụ sản xuất nông - công nghiệp, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi và thuốc bảo vệ thực vật;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải, hàng nông sản và thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y;
- Đại lý và kinh doanh xăng dầu, cảng bốc xếp và vận tải hàng hoá;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở và đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị mới, khu công nghiệp vừa và nhỏ;
- Nuôi giữ, lai tạo đàn giống gốc: gia súc, gia cầm, thủy cầm;
- Giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm, thủy cầm;
- Sản xuất, chế biến thức ăn thủy sản;



- Sản xuất, chế biến, kinh doanh nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi: gia súc, gia cầm, thủy cầm, thủy sản;
 - Kinh doanh hoạt động thương mại bao gồm: khách sạn, nhà hàng, siêu thị, đại lý ô tô, kinh doanh dịch vụ ăn uống, đồ dùng cá nhân và gia đình;
 - Khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng.
 - Hoạt động thú y, chuẩn đoán bệnh động vật đưa ra phác đồ điều trị, dịch vụ kiểm tra, khám bệnh động vật, tiêm chủng, dịch vụ thú y lưu động;
 - Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì nhựa PP, PE, composite;
 - Kinh doanh các loại hóa chất, nguyên liệu, vật tư, máy móc thiết bị phục vụ cho ngành nhựa, ngành in;
 - Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, các công trình điện và trạm điện đến 35KV;
 - Trang trí nội, ngoại thất công trình, phá dỡ, san lấp mặt bằng, hoàn thiện các công trình xây dựng; lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước; lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp;
 - Hoạt động bệnh viện, hoạt động chăm sóc, điều dưỡng tập trung, kinh doanh vật tư trang thiết bị y tế, thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải y tế;
 - Dịch vụ và quảng cáo truyền thông.
- ❖ **Vốn điều lệ:** 254.466.600.000 VNĐ (*Hai trăm năm tư tỷ bốn trăm sáu sáu triệu sáu trăm ngàn đồng*)

Bảng 3: Quá trình tăng trưởng vốn điều lệ của công ty

Thời gian	Vốn điều lệ (VNĐ)	Giá trị tăng (VNĐ)	Ghi chú
23/12/2004	70.000.000.000	-	Công ty chính thức được chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần theo quyết định số 1316/QĐ-CT ngày 10/08/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh.
19/02/2008	94.500.000.000	24.500.000.000	Chào bán 2.450.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu, thành viên HĐQT, cán bộ chủ chốt và người lao động mới tuyển dụng trong Công ty tương đương 24,5 tỷ đồng.
06/02/2009	177.000.000.000	82.500.000.000	Chào bán 8.250.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu, Thành viên HĐQT và người lao động mới tuyển dụng trong Công ty tương đương 82,5 tỷ đồng.

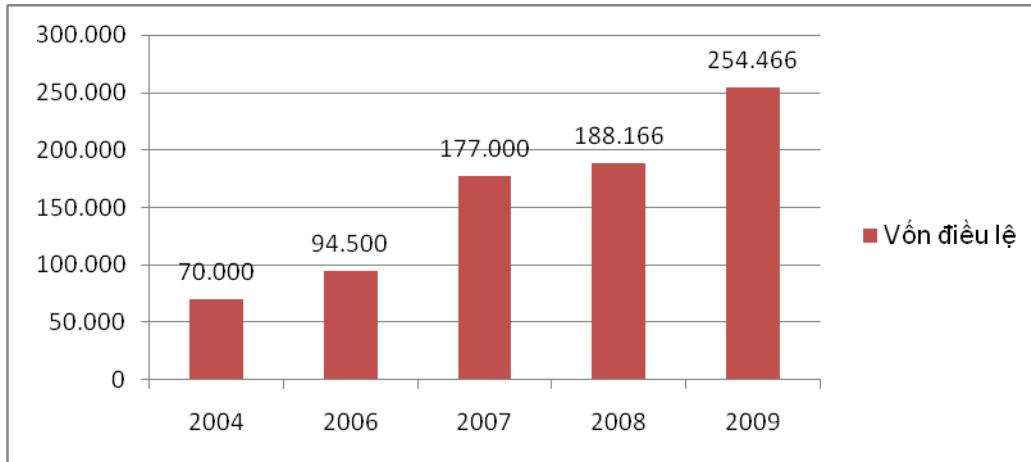


Thời gian	Vốn điều lệ (VNĐ)	Giá trị tăng (VNĐ)	Ghi chú
14/07/2009	188.166.600.000	11.166.600.000	Phát hành 1.116.660 cổ phiếu cho đối tượng là cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Thương mại Hiệp Quang để hoán đổi lấy 1.674.990 cổ phiếu của Công ty cổ phần Thương mại Hiệp Quang và Công ty Dabaco Việt Nam sở hữu 100% sau khi hoán đổi cổ phiếu.
26/11/2009	254.466.600.000	66.300.000.000	Phát hành riêng lẻ 6.630.000 cổ phần cho 12 đối tác chiến lược, thặng dư vốn thu được từ đợt phát hành là 149,775 tỷ đồng.

(Nguồn: Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam)

Tiền thu được từ các đợt phát hành, Công ty đã sử dụng như sau:

- ❖ Đợt 1: tăng vốn điều lệ thêm 24,5 tỷ đồng. Số tiền thu được là 41,478 tỷ đồng và được Công ty sử dụng như sau:
 - Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thịt gia súc gia cầm: 17.277 triệu đồng
 - Đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Dabaco Tân Chi: 5.000 triệu đồng
 - Góp vốn thành lập Công ty CP Dabaco Sông Hậu để đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản tại tỉnh Đồng Tháp: 10.000 triệu đồng
 - Bổ sung vốn lưu động: 9.373 triệu đồng
- ❖ Đợt 2: tăng vốn điều lệ thêm 82,5 tỷ đồng. Số tiền thu được là 124,706 tỷ đồng và được Công ty sử dụng như sau:
 - Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Dabaco 2: 42.292 triệu đồng
 - Góp vốn thành lập Công ty cổ phần Dabaco Sông Hậu để đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thức ăn tại tỉnh Đồng Tháp: 35.000 triệu đồng
 - Bổ sung vốn lưu động: 47.708 triệu đồng
- ❖ Đợt 4: tăng vốn điều lệ thêm 66,3 tỷ đồng. Số tiền thu được là 216,097 tỷ đồng và được Công ty sử dụng vốn như sau:
 - Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCN Quê Võ 3: 115.000 triệu đồng
 - Bổ sung vốn lưu động: 101.097 triệu đồng

**Biểu 1: Quá trình tăng trưởng vốn điều lệ**

(Nguồn: Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam)

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Năm 1996:

- ❖ Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam tiền thân là Công ty Nông sản Hà Bắc được thành lập năm 1996 theo Quyết định số 27/QĐ-UB ngày 29/03/1996 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Bắc về việc đổi tên Công ty Dầu tầm tơ Hà Bắc thành Công ty Nông sản Hà Bắc. Kể từ năm 1997, Công ty được đổi tên là Công ty Nông sản Bắc Ninh.

Giai đoạn 1996 – 1997:

- ❖ Công ty đã đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thức ăn gia súc DABACO với công suất 5 tấn/giờ tại xã Võ Cường, Bắc Ninh và Xí nghiệp gà giống công nghiệp Lạc Vệ tại huyện Tiên Du, Bắc Ninh.

Năm 1998:

- ❖ Để phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm, Công ty đã thành lập Chi nhánh Công ty tại Hà Nội. Đồng thời, Công ty cũng khai trương Cửa hàng xăng dầu tại xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh.

Năm 2000:

- ❖ Công ty tiến hành sáp nhập Xí nghiệp giống gia súc, gia cầm Thuận Thành vào Công ty trên cơ sở đó Công ty đã mở rộng thêm lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Năm 2002:

- ❖ Công ty khánh thành Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp TOPFEEDS với công suất 250.000 tấn/năm. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục đầu tư xây dựng mới Xí nghiệp gà giống gốc ông bà siêu trứng tại xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh.

Năm 2003:



- ❖ Công ty hoàn thành việc xây dựng Xí nghiệp lợn giống hướng nạc Thuận Thành trên khu đất Xí nghiệp giống gia súc, gia cầm Thuận Thành. Cũng trong năm 2003, Công ty đã thành lập Xí nghiệp đầu tư xây dựng hạ tầng và Cửa hàng giới thiệu sản phẩm tại Khu công nghiệp Khắc Niệm, Tiên Du, Bắc Ninh.

Năm 2004:

- ❖ Công ty đã hoàn thành việc xây dựng Trụ sở của Công ty tại đường Lý Thái Tổ, Bắc Ninh. Đồng thời, Công ty thành lập Xí nghiệp ngan giống Pháp tại xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh. Công ty cũng tiến hành xây dựng khu nhà ở để bán tại đường Huyền Quang, Bắc Ninh.

Năm 2005:

- ❖ Công ty tiếp tục đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh với việc đưa vào sử dụng Nhà máy chế biến thức ăn đậm đặc cao cấp tại xã Khắc Niệm, Tiên Du, Bắc Ninh. Cũng trong năm này, Công ty đã thành lập Văn phòng đại diện tại thành phố Vinh, Nghệ An và tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, đồng thời hoàn thành Nhà kho và Nhà xử lý nguyên liệu tại xã Khắc Niệm, Tiên Du, Bắc Ninh.
- ❖ Kể từ ngày 01/01/2005, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo quyết định số 1316/QĐ/CT ngày 10/8/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh.

Năm 2006:

- ❖ Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư phát triển. Riêng trong năm này, Công ty đã thành lập mới 4 đơn vị trực thuộc bao gồm: Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Kinh Bắc; Trung tâm dịch vụ ăn uống; Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và phát triển chăn nuôi gia công; và Xí nghiệp giống lợn Lạc Vệ.

Năm 2007:

- ❖ Công ty đã thành lập Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ và thương mại Bắc Ninh, công ty TNHH một thành viên Dabaco Tân Chi. Cũng trong năm này, Công ty tiếp tục triển khai xây dựng Nhà máy chế biến thịt gia súc, gia cầm xuất khẩu tại xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh; Cảng bốc xếp hàng hoá tại xã Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh; Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp DABACO II tại cụm công nghiệp Khắc Niệm, Tiên Du, Bắc Ninh; Khu nhà ở tại xã Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh; Khu thương mại và đại lý xe ô tô tại thành phố Bắc Ninh.
- ❖ Nhằm khai thác và phát triển nguồn nguyên liệu tại các tỉnh phía Tây Bắc Bộ, Công ty đã thành lập Công ty TNHH một thành viên Dabaco Tây Bắc và dự kiến đầu tư xây dựng cơ sở thu mua, sơ chế nguyên liệu nhằm ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi hạ giá thành sản phẩm, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.



- ❖ Ngoài ra, công ty đã tham gia góp vốn thành lập Công ty cổ phần Dabaco Sông Hậu để đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thức ăn thủy sản công suất 20 tấn/giờ tại Khu công nghiệp Sông Hậu, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp và Công ty cổ phần Dabaco Tiền Giang để xây dựng Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản công suất 10 tấn/h tại xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Hai nhà máy sẽ cung cấp thức ăn cho thủy, hải sản tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ.

Năm 2008:

- ❖ Thành lập Công ty TNHH lợn giống Dabaco (vốn điều lệ 6 tỷ đồng) tại xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; Công ty TNHH Đầu tư phát triển chăn nuôi lợn Dabaco (vốn điều lệ 5 tỷ đồng) và Công ty TNHH chế biến thực phẩm Dabaco (vốn điều lệ 12 tỷ đồng) tại xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.
- ❖ Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức ngày 29/04/2008, ĐHCĐ đã thông qua quyết định đổi tên Công ty cổ phần Nông sản Bắc Ninh thành Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam.

Năm 2009:

- ❖ Tháng 4 – 2009, khánh thành Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi Dabaco công suất 25tấn/h tại Khu công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh.
- ❖ Tháng 6 – 2009, hoán đổi cổ phiếu và chuyển hình thức sở hữu của Công ty cổ phần thương mại Hiệp Quang sang Công ty TNHH một thành viên do Dabaco sở hữu để đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất bao bì. Hiện nay, Nhà máy sản xuất bao bì đã đi vào sản xuất cung cấp bao bì cho các nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi của Công ty và các tỉnh phía Bắc.
- ❖ Tháng 11 – 2009, khánh thành Siêu thị Dabaco tại phố Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Năm 2010:

- ❖ Đầu năm 2010, Công ty đã tổ chức chạy thử Nhà máy chế biến thịt gà và khai trương quầy thực phẩm DABACO với sự tham gia của Đại diện Lãnh đạo UBND tỉnh và các sở, ban ngành liên quan gồm: Sở y tế, Sở Nông nghiệp & PTNT, Sở Công thương tại xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.
- ❖ Để nâng cao sản lượng sản xuất và tiêu thụ thức ăn chăn nuôi, Công ty đã thành lập Công ty TNHH NUTRECO với số vốn điều lệ 50 tỷ đồng để quản lý, khai thác Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp tại KCN Đại Đồng – Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.
- ❖ Công ty đã thành lập các Công ty TNHH hoạt động trong các lĩnh vực có tiềm năng phát triển gồm Công ty TNHH Bất động sản Dabaco với hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ môi giới, tư vấn, đấu giá; xây dựng nhà các loại,



cao ốc văn phòng; dịch vụ quản lý cho thuê mặt bằng; tư vấn lập và quản lý dự án đầu tư tại đường Lý Thái Tổ, thành phố Bắc Ninh với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng; Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Phát triển hạ tầng Dabaco để đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị, công trình giao thông với số vốn điều lệ 20 tỷ đồng..

- ❖ Cũng trong năm này, Công ty tiến hành tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị trực thuộc theo hướng chuyển các đơn vị hạch toán phụ thuộc sang hạch toán độc lập, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sản xuất kinh doanh của các đơn vị, bao gồm: đã thành lập Công ty TNHH Lợn giống hạt nhân Dabaco để chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ chăn nuôi; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt ở xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh với vốn điều lệ là 15 tỷ đồng (trên cơ sở Xí nghiệp giống gia súc gia cầm Thuận Thành); Công ty TNHH 1 thành viên lợn giống Lạc Vệ với số vốn điều lệ 10 tỷ đồng (trên cơ sở của Xí nghiệp giống Lợn Lạc Vệ); Công ty TNHH 1 thành viên gà giống Dabaco với số vốn điều lệ 10 tỷ đồng (trên cơ sở Xí nghiệp gà giống công nghiệp); Sáp nhập Xí nghiệp ngan giống Pháp vào Công ty TNHH ĐTPT chăn nuôi gia công để chăn nuôi gà giống, gà thịt. o với hoạt động kinh doanh chính là chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ chăn nuôi; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt ở xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh với vốn điều lệ là 15 tỷ đồng.

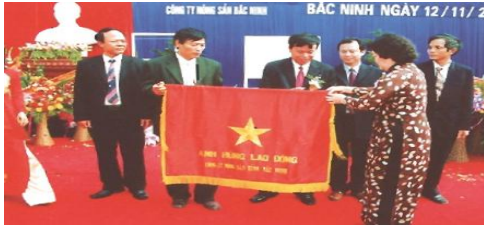
Với sự phát triển liên tục về quy mô hoạt động của Công ty, những thành tích cao mà Công ty đạt được trong sản xuất kinh doanh cũng như những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước trong những năm qua, Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam đã vinh dự được Đảng, Nhà nước, Chính phủ và các ngành, các cấp trao tặng nhiều danh hiệu, phần thưởng cao quý:

- Danh hiệu “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới” được Chủ tịch nước trao tặng (năm 2004) và cho cá nhân Chủ tịch HĐQT – Tổng giám Đốc Nguyễn Như So (năm 2008);
- Huân chương lao động hạng Ba được Chủ tịch nước trao tặng (năm 2000);
- Huân chương lao động hạng Nhì được Chủ tịch nước trao tặng năm 2007;
- Cờ thi đua của Chính phủ (năm 2001, 2002, 2003);
- Giải thưởng Chất lượng Việt Nam trong 7 năm liên tục (từ năm 2000 đến 2006);
- Huy chương vàng thức ăn cho vịt đẻ trứng (năm 2002);
- Giải thưởng Sao vàng đất Việt (năm 2004);
- Bằng khen của Ủy ban Quốc gia về Hợp tác Kinh tế Quốc tế vì Công ty đã có thành tích xuất sắc trong phát triển sản phẩm và thương hiệu tham gia hội nhập kinh tế quốc tế (năm 2004);
- Cúp vàng Thương hiệu và Nhân hiệu (năm 2005);



- Cúp vàng sản phẩm uy tín chất lượng cho sản phẩm thức ăn chăn nuôi (năm 2005);
- Bằng khen của Bộ Khoa học và Công nghệ vì Công ty đã có nhiều thành tích trong hoạt động quản lý chất lượng thập niên chất lượng 1996 – 2005;
- Cúp vàng TOPTEN Thương hiệu Việt uy tín chất lượng (năm 2006);
- Danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2007”;
- Giải thưởng Bông lúa Vàng - Chất lượng vàng Việt Nam (năm 2007, 2008, 2009);
- Cúp vàng thương hiệu Việt hội nhập WTO do Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam trao tặng;
- Giải thưởng “Doanh nhân, Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam Vàng năm 2007, 2009”;
- Giải thưởng “Thương hiệu Việt hội nhập WTO 2008 – Cúp vàng top 100 thương hiệu hội nhập WTO năm 2008”;
- Giải thưởng “Nhãn hiệu cạnh tranh lần thứ III năm 2008” do Cục Sở hữu trí tuệ, Viện Sở hữu trí tuệ và Đài truyền hình Việt Nam trao tặng;
- Cúp vàng “Sản phẩm An toàn và an sinh xã hội” năm 2008’
- Cúp vàng “Thương hiệu chứng khoán uy tín” và “Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam” Năm 2008, 2009
- Giải thưởng hàng nông lâm sản Việt Nam chất lượng cao và uy tín thương mại năm 200, 2008;
- Chứng nhận 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2008;
- Giải thưởng “Doanh nghiệp hội nhập và phát triển” năm 2007
- Giải thưởng Bông lúa Vàng Việt Nam – Thương hiệu vàng chất lượng” năm 2009;
- Giải thưởng “Cúp vàng Nông nghiệp” năm 2009;
- Giải thưởng “1000 doanh nhân tiêu biểu” năm 2009;
- Giải thưởng “ 1000 doanh nghiệp tiêu biểu” năm 2009.

Ngoài các danh hiệu trên, Công ty cũng được trao tặng nhiều bằng khen, giấy khen, danh hiệu thi đua xuất sắc. Đây là sự công nhận xứng đáng đối với những cố gắng, nỗ lực to lớn của toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty trong suốt những năm vừa qua.



(Phó Chủ tịch nước Trương Mỹ Hoa trao tặng Danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới)



(Ảnh: Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đến thăm và làm việc với Công ty)



(Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng thăm quan dây chuyền đóng bao thức ăn gia súc tự động của Công ty)

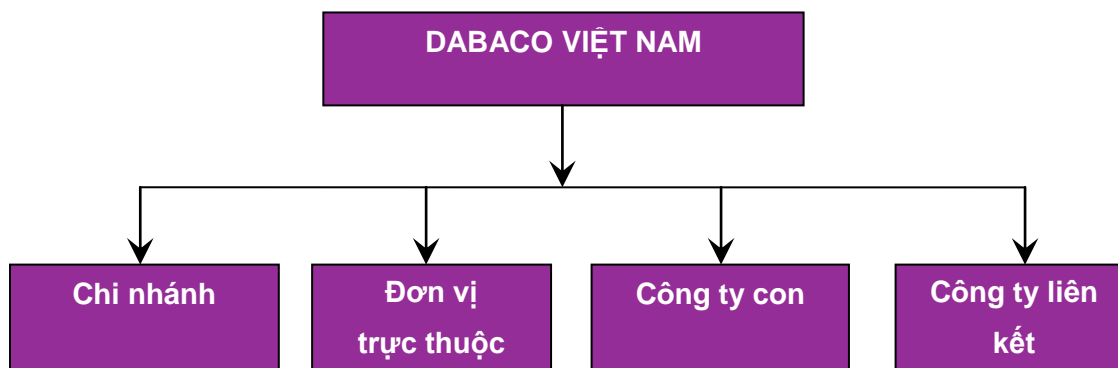


Chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000

(Nguồn: Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam)

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức công ty



(Nguồn: Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam)

- **Trụ sở chính:**
- Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
- Điện thoại: (0241) 3820712 – 3826077 Fax: (0241) 3821377 – 3825496
- **Chi nhánh**



- **Chi nhánh Công ty tại Hà Nội**

- Địa chỉ: Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (04) 8524599 Fax: (04) 8524599
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 0113008380 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2005 và thay đổi lần 1 ngày 23/06/2008.
- Ngành nghề kinh doanh: Chế biến nông sản xuất khẩu, sản xuất thức ăn gia súc, thu mua kén tằm để sản xuất tơ xuất khẩu; Nuôi gà bố mẹ để sản xuất gà giống công nghiệp; Sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, kinh doanh vật tư, thiết bị hoá chất phục vụ sản xuất nông nghiệp, sản xuất tơ tằm, nông sản qua chế biến, nhập khẩu nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu chế biến thuốc bảo vệ thực vật, vật tư, thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp và phương tiện vận tải, xuất khẩu vật liệu xây dựng, thủ công mỹ nghệ; Đại lý và kinh doanh thuốc thú y.
- Thời gian thành lập: Năm 1998.

- **Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh**

- Địa chỉ: 22 ấp 4, Đường số 18, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 54318385 Fax: (08) 54317382
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận ĐKKD số 2300105790-020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh lần đầu ngày 29/07/2009 và thay đổi lần 1 ngày 26/08/2009.
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh thiết bị vật tư, hóa chất phục vụ sản xuất nông công nghiệp; kinh doanh vật tư, thiết bị, máy móc phương tiện vận tải, hàng nông sản và thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, nguyên liệu chế biến sản xuất thức ăn chăn nuôi (không kinh doanh nông sản, thực phẩm tại trụ sở); kinh doanh hoạt động thương mại bao gồm: khách sạn, nhà hàng, đại lý ô tô, kinh doanh dịch vụ ăn uống (không hoạt động nhà hàng, khách sạn tại trụ sở); khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng; kinh doanh các loại sản phẩm bao bì từ nhựa PP, PE, composite; kinh doanh các loại hóa chất, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ cho ngành nhựa, ngành in.
- Thời gian thành lập: Năm 2009.

- **Văn phòng Đại diện Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam tại Nghệ An**

- Địa chỉ: Số 265, đường Nguyễn Trãi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Điện thoại: (038) 3851522
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: số 2723000015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 13/01/2010 và sửa đổi lần một ngày 30/06/2008.



- Ngành nghề kinh doanh: Giới thiệu và quảng bá sản phẩm thức ăn chăn nuôi của Công ty.
- Thời gian thành lập: Năm 2005.
- **Văn phòng Đại diện Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam tại tỉnh Quảng Trị:**
 - Địa chỉ: Số 60 Lê Duẩn, Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: số 2300105790-021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp ngày 28/7/2010.
 - Ngành nghề kinh doanh Lĩnh vực hoạt động: Giới thiệu và quảng bá sản phẩm thức ăn chăn nuôi của Công ty.
 - Thời gian thành lập: Năm 2010.
- **Đơn vị trực thuộc:**
 - **Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp DABACO**
 - Địa chỉ: Trãi Cùm CN Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
 - Điện thoại: (0241) 3821243 - 3827829 Fax: (0241) 3822195
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 2300105790-013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 06/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 24/04/2009.
 - Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất thức ăn chăn nuôi; Sản xuất và kinh doanh thuốc thú y; Sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu vi sinh; Kinh doanh vật tư, thiết bị, hoá chất phục vụ sản xuất nông - công nghiệp, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi và thuốc bảo vệ thực vật; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải, hàng nông sản và thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y.
 - Thời gian thành lập: Năm 1996.
 - **Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi NUTRECO**
 - Địa chỉ: Đường Nguyễn Trãi, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
 - Điện thoại: (0241) 3737525 Fax: (0241) 3737526
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 2300105790-019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 22/04/2009.
 - Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất thức ăn chăn nuôi.
 - Thời gian thành lập: Năm 2009.
 - **Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp TOPFEEDS**
 - Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, xã Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
 - Điện thoại: (0241) 3829434 - 3829799 Fax: (0241) 3822402



- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 21.13.000051 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 06/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 05/05/2008.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất thức ăn chăn nuôi; Sản xuất và kinh doanh thuốc thú y; Sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu vi sinh; Kinh doanh vật tư, thiết bị, hoá chất phục vụ sản xuất nông - công nghiệp, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi và thuốc bảo vệ thực vật; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải, hàng nông sản và thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y.
- Thời gian thành lập: Năm 2005.
- **Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi Kinh Bắc**
 - Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, xã Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
 - Điện thoại: (0241) 3829949 - 3825116 Fax: (0241) 3829949
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 2113000049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 06/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 05/06/2008.
 - Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất thức ăn chăn nuôi.
 - Thời gian thành lập: Năm 2006 và chính thức đi vào hoạt động kể từ năm 2007.
- **Cửa hàng xăng dầu Lạc Vệ:**
 - Địa chỉ: Cụm công nghiệp Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
 - Điện thoại: (0241) 3830997 Fax: (0241) 3830997
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 2113000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 06/01/2005.
 - Ngành nghề kinh doanh: Đại lý và kinh doanh xăng dầu.
 - Thời gian thành lập: Năm 1998.
- **Trung tâm dịch vụ ăn uống:**
 - Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
 - Điện thoại: (0241) 3828877
 - Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ ăn uống.
 - Thời gian thành lập: 2008.
- **Siêu thị Dabaco Smart – Lạc Vệ:**
 - Địa chỉ: Phố Lạc Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
 - Điện thoại: 0241.3720789 Fax: 02413.720979
 - Ngành nghề kinh doanh: Siêu thị
 - Thời gian thành lập: Năm 2009.
- **Trung tâm Chuẩn đoán Thú y:**



- Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
- Điện thoại: (0241) 3717358 Fax: (0241) 3717359
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 21.13.000146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bắc Ninh cấp ngày 08/9/2008.
- Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động thú y, chẩn đoán bệnh động vật đưa ra phác đồ điều trị, dịch vụ kiểm tra, khám chữa bệnh động vật, tiêm chủng, dịch vụ thú y lưu động..
- Thời gian thành lập: 2008.
- **Công ty con**
 - **Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Chăn nuôi gia công**
 - Địa chỉ: Cụm công nghiệp Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
 - Điện thoại: (0241) 3216856 Fax: (0241) 3216856
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 2104000011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 13/11/2006 và sửa đổi lần 1 ngày 05/06/2008.
 - Ngành nghề kinh doanh: Chăn nuôi; Các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi; mua bán và đại lý.
 - Vốn điều lệ: 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng).
 - Thời gian thành lập: Tháng 11/2006 và chính thức đi vào hoạt động trong tháng 01/2007.
 - Tỷ lệ góp vốn: 100%
 - Tình hình hoạt động hiện nay: Công ty đã thiết lập mạng lưới đối tác nuôi gia công tại nhiều tỉnh, thành phố ở phía Bắc như Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương... mỗi năm cung cấp cho thị trường khoảng 4.500 tấn gà thịt, đạt doanh thu khoảng 100 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty còn cung cấp gà nguyên liệu cho Nhà máy chế biến thịt gia cầm của Công ty hoạt động ổn định.
 - **Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh**
 - Địa chỉ: Cụm công nghiệp Khắc Niệm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
 - Điện thoại: (0241) 3822696 Fax: (0241) 3822696
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 2104000016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 10/04/2007, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 21/09/2009.
 - Ngành nghề kinh doanh: Mua bán xuất nhập khẩu nông, lâm sản nguyên liệu động vật sống, lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào; Mua bán xuất nhập khẩu đồ dùng cá nhân và gia đình; Mua bán xuất nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế; Mua bán thuốc hoá chất, tạp phẩm; Mua bán bảo dưỡng và sửa chữa



ô tô xe máy, phụ tùng và các phụ tùng, phương tiện giao thông vận tải; Sản xuất chế biến kinh doanh và bảo quản thịt, thủy sản, rau quả, dầu mỡ, nông lâm hải sản, gia vị, hương liệu, bột cá; Xây sát, sản xuất bột và sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy cầm; Đại lý và kinh doanh xuất nhập khẩu thuốc thú y; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn; Vận tải hàng hóa bằng ô tô; Tổ chức các hoạt động kinh doanh thương mại và dịch vụ dưới hình thức siêu thị, trung tâm thương mại; Dịch vụ quảng cáo và truyền thông.

- Vốn điều lệ: 17.000.000.000 đồng (Mười bảy tỷ đồng).
- Thời gian thành lập: Tháng 04/2007 và chính thức đi vào hoạt động trong tháng 01/2008.
- Tỷ lệ góp vốn: 100%

- **Công ty TNHH Cảng Dabaco Tân Chi**

- Địa chỉ: Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
- Điện thoại: (0241) 3724398 Fax: (0241) 3724399
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 21.04.000025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 30/07/2007 và sửa đổi lần 1 ngày 06/06/2008.
- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác và kinh doanh đá, cát, sỏi; Mua bán vật liệu xây dựng, vận tải hàng hóa; Cho thuê, kinh doanh dịch vụ cầu cảng bến bãi; Đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị mới, khu công nghiệp vừa và nhỏ.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng).
- Thời gian thành lập: Năm 2007.
- Tỷ lệ góp vốn: 100%

- **Công ty TNHH MTV Dabaco Tây Bắc**

- Địa chỉ: Số 24, tiểu khu 9, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
- Điện thoại: (0241) 3826095 Fax: (0241) 3826095
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 25.04.000067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 14/12/2007 và sửa đổi lần 1 ngày 12/06/2008.
- Ngành nghề kinh doanh: Chế biến và bảo quản rau quả, nông sản thực phẩm; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Sản xuất thức ăn gia súc và thủy sản; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng).
- Thời gian thành lập: 2007.
- Tỷ lệ góp vốn: 100%



- Tình hình hoạt động hiện nay: Hiện đang thi công xây dựng Nhà máy, dự kiến quý quý IV năm 2010 đưa vào hoạt động.
- **Công ty TNHH Lợn giống Dabaco**
 - Địa chỉ: xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
 - Điện thoại: (0241) 3721988 Fax: (0241) 3721989
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 2300344333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 14/08/2008 và sửa đổi lần một ngày 25/06/2010.
 - Ngành nghề kinh doanh: Chăn nuôi; Hoạt động hỗ trợ chăn nuôi; Chăn nuôi lợn; Chăn nuôi thịt; Chăn nuôi lợn sữa; Chăn nuôi lợn giống; Sản xuất và kinh doanh mua bán lợn, lợn giống.
 - Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng).
 - Thời gian thành lập: 2008.
 - Tỷ lệ góp vốn: 100%
 - Tình hình hoạt động hiện nay: Bắt đầu tư vào hoạt động cuối năm 2009, mỗi tháng cung cấp cho thị trường 4.500 – 5.000 con lợn giống các loại như Duroc, Piteran, Landat, Yorshre.
- **Công ty TNHH Đầu tư phát triển Chăn nuôi lợn Dabaco**
 - Địa chỉ: Cụm công nghiệp xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
 - Điện thoại: (0241) 3724320 Fax: (0241) 3724321
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 21.04.000167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 14/08/2008.
 - Ngành nghề kinh doanh: Chăn nuôi; Hoạt động hỗ trợ chăn nuôi; Chăn nuôi lợn; Chăn nuôi lợn thịt; Chăn nuôi lợn sữa; Chăn nuôi lợn giống; Chăn nuôi lợn nái, kinh doanh lợn.
 - Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng).
 - Thời gian thành lập: 2008.
 - Tỷ lệ góp vốn: 100%
- **Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Dabaco**
 - Địa chỉ: xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
 - Điện thoại: (0241) 3724320 Fax: (0241) 3724321
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 2300345626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 04/09/2008 và sửa đổi lần 1 ngày 04/09/2009.
 - Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất thực phẩm và đồ uống; Sản xuất, chế biến, bảo quản thịt, sản phẩm từ thịt, rau quả, dầu và mỡ; Giết mổ và chế biến thịt động vật,



gia cầm, gia súc; Chế biến thịt, mỡ đóng gói và đóng hộp (thịt hộp, xúc xích, lạc sườn, patê, dăm bông, thịt hun khói, thịt khô, bóng bì lợn); Giết mổ và chế biến thịt các loại động vật khác; Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản.

- Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng).
- Thời gian thành lập: 2008.
- Tỷ lệ góp vốn: 100%

- **Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang**

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, xã Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
- Điện thoại: (0241) 3717256 Fax: (0241) 3717269
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 2300290159 so Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 31/08/2006 và đăng ký lại lần một ngày 14/07/2009.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì từ nhựa PP, PE, composite; Sản xuất và kinh doanh các loại nguyên liệu, vi lượng, khoáng, các chất bổ sung, hóa chất dùng cho sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản; Kinh doanh các loại hóa chất, nguyên liệu, vật tư, máy móc thiết bị phục vụ cho ngành nhựa, ngành in; Kinh doanh mua bán lương thực, rượu bia, nước giải khát; Kinh doanh hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, dịch vụ ăn uống; Xây dựng các công trình dân dụng; công nghiệp, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng, trang trí nội ngoại thất; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà xưởng; Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng, gas; Kinh doanh ô tô; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Đại lý vé máy bay, vé tàu hỏa; Đại lý bảo hiểm; Dịch vụ môi giới, xúc tiến thương mại; Kinh doanh vận tải đường bộ bằng ô tô.
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng (Hai năm tỷ đồng).
- Thời gian thành lập: 2006.
- Tỷ lệ góp vốn: 100%

- **Công ty TNHH Bất động sản Dabaco**

- Địa chỉ: Tầng 3, Toà nhà Techcombank, đường Nguyễn Đăng Đạo, TP Bắc Ninh
- Điện thoại: (0241) 3875636 Fax: (0241) 3875535
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 2300539244 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 30/03/2010.
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản, đầu tư tạo lập, mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; thuê nhà, công trình xây dựng để



cho thuê lại; đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất để cho thuê đất đã có hạ tầng; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại; Kinh doanh dịch vụ tư vấn, môi giới, đấu giá, định giá, quản lý, quản cáo và sàn giao dịch bất động sản; Xây dựng nhà các loại, cao ốc văn phòng; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, các công trình điện và trạm biến áp đến 35KV, trang trí nội, ngoại thất các công trình; phá dỡ, san lấp mặt bằng, hoàn thiện các công trình xây dựng; lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước; lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp; Dịch vụ quản lý, cho thuê mặt bằng, kho bãi, văn phòng; Tư vấn lập và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; lập hồ sơ mời thầu và tư vấn thủ tục đấu thầu, lựa chọn nhà thầu xây lắp.

- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng).
- Thời gian thành lập: 2010.
- Tỷ lệ góp vốn: 100%
- Tình hình hoạt động hiện nay: Khai trương hoạt động từ ngày 27/5/2010

- **Công ty TNHH Lợn giống hạt nhân Dabaco**

- Địa chỉ: xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
- Điện thoại: (0241) 3770325 Fax: (0241) 3770529
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 2300556899 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 30/06/2010.
- Ngành nghề kinh doanh: Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Sản xuất kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, trâu, bò; Sản xuất, nuôi giữ đàn lợn giống gốc.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng (Mười năm tỷ đồng).
- Thời gian thành lập: 2010.
- Tỷ lệ góp vốn: 100%

- **Công ty TNHH MTV Lợn giống Lạc Vệ**

- Địa chỉ: xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
- Điện thoại: (0241) 3723522 Fax: (0241) 3723522
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày



- Ngành nghề kinh doanh: Chăn nuôi lợn; Chăn nuôi trâu, bò, ngựa, dê, cừu; Chăn nuôi gia cầm; Sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn; ba ba và giống thủy sản khác.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng).
- Thời gian thành lập: 2010.
- Tỷ lệ góp vốn: 100%
- Tình hình hoạt động hiện nay: Thành lập trên cơ sở Xí nghiệp giống lợn Lạc Vệ.
- **Công ty TNHH MTV Gà giống Dabaco**
 - Địa chỉ: xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
 - Điện thoại: (0241) 3723764 Fax: (0241) 3723764
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số... do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày
 - Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động ấp trứng và sản xuất, kinh doanh giống gia cầm; Chăn nuôi gà; Chăn nuôi vịt, ngan, ngỗng và chăn nuôi gia cầm khác
 - Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng).
 - Thời gian thành lập: 2010.
 - Tỷ lệ góp vốn: 100%
 - Tình hình hoạt động hiện nay: Thành lập trên cơ sở Xí nghiệp gà giống công nghiệp.
- **Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Phát triển hạ tầng Dabaco**
 - Địa chỉ: Đường Huyền Quang, phường Ninh Xá, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
 - Điện thoại: (0241) 3813713 Fax: (0241) 3813714
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 2300556899 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 30/06/2010.
 - Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện các công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu đô thị và nông thôn; các công trình điện và trạm điện đến 35KV; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đá (gạch đóng rắn, gạch bờ lốc, đá dăm, đá hộc, base...); Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Kinh doanh vật liệu xây dựng (gạch, ngói, xi măng, đá, cát, sỏi, sơn...) và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa bằng ô tô; Tư vấn lập và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Lập hồ sơ



mời thầu và tư vấn thủ tục đấu thầu, lựa chọn nhà thầu xây lắp; Mua bán ô tô, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Cho thuê xe và máy móc thiết bị ngành xây dựng; Kinh doanh xăng dầu và các nhiên liệu động cơ; Kinh doanh nước sạch.

- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng).
- Thời gian thành lập: 2010.
- Tỷ lệ góp vốn: 100%
- Tình hình hoạt động hiện nay: Mới thành lập tháng 7/2010.

- **Công ty TNHH NUTRECO:**

- Địa chỉ: KCN Đại Đồng – Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
- Điện thoại: (0241) 3847995/ 3847997 Fax: (0241) 3847990
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 30/06/2010.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; kinh doanh nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi.
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).
- Thời gian thành lập: 2010.
- Tỷ lệ góp vốn: 100%
- Tình hình hoạt động hiện nay: Mới thành lập tháng 7/2010

- **Công ty cổ phần Dabaco Sông Hậu**

- Địa chỉ: KCN Sông Hậu, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp
- Điện thoại: 0913259678
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 5103000072 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 28/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28/01/2008.
- Ngành nghề kinh doanh: Nuôi trồng thủy sản; Dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống; Cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, gia súc, gia cầm; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Mua bán thủy sản, thực phẩm; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Môi giới thương mại; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Vận tải hàng hoá đường bộ; Vận tải hành khách (bao gồm cả vận chuyển khách du lịch); Xuất khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.
- Vốn điều lệ: 55.000.000.000 đồng (Năm mươi lăm tỷ đồng).
- Thời gian thành lập: 2007.
- Tỷ lệ góp vốn: 56,7%
- Tình hình hoạt động nhà máy: Đang xây dựng nhà máy



- **Công ty liên kết**

• **Công ty cổ phần Thủy sản CSC Dabaco**

- Địa chỉ: Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 21.03.000432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu vào ngày 18/07/2008.
- Ngành nghề kinh doanh: Nuôi trồng thủy sản; Dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản; Giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm; Kinh doanh hàng nông lâm sản nguyên liệu; Tư vấn, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực môi trường.
- Vốn điều lệ: 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng).
- Thời gian thành lập: 2008.
- Tỷ lệ góp vốn: 35%

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

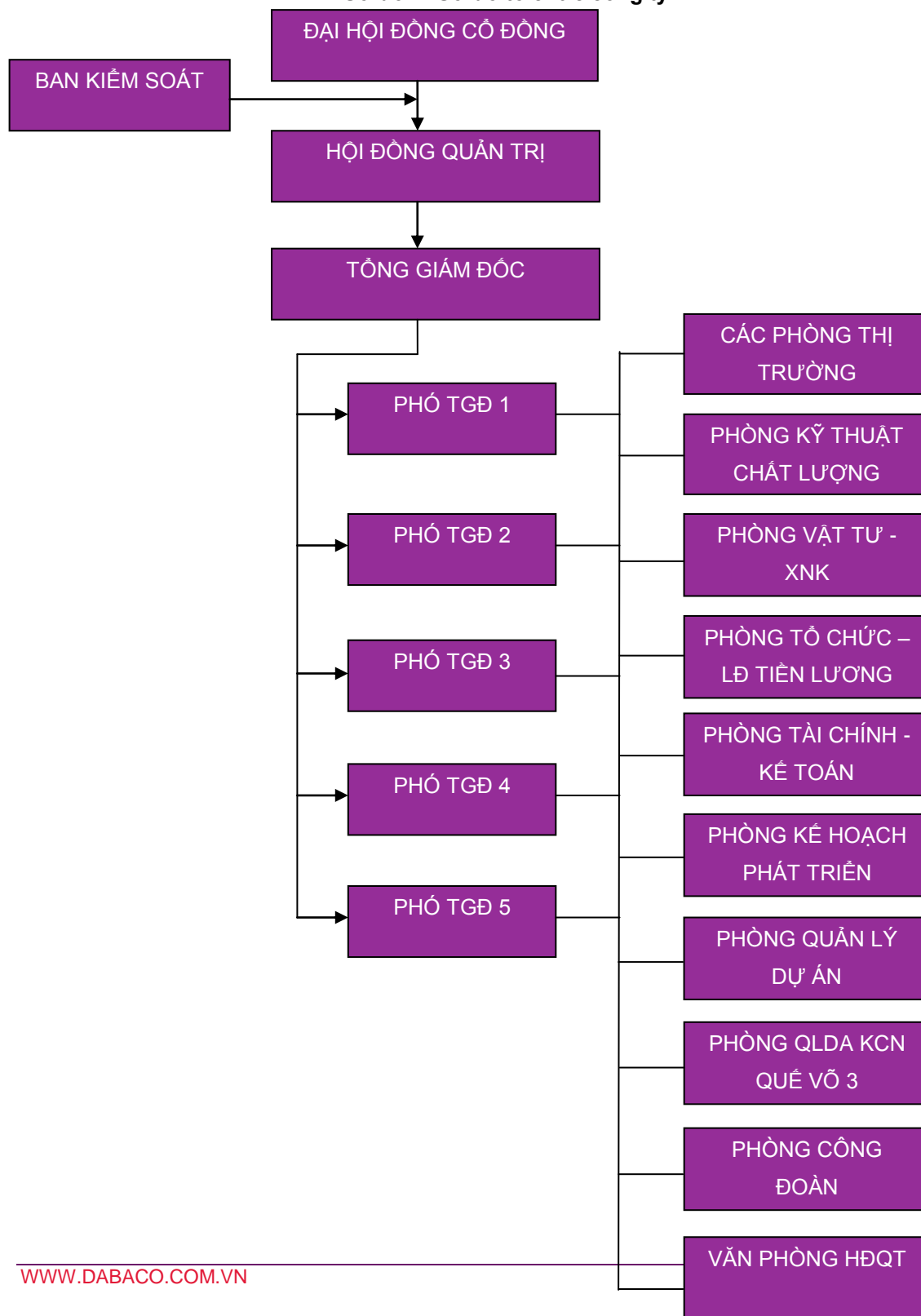
Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có.
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Điều lệ Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 14 tháng 08 năm 2010.

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần như sau:



Sơ đồ 2: Sơ đồ tổ chức công ty





3.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo của Hội đồng quản trị, kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và quyết định bộ máy quản lý và điều hành của Công ty.

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quản lý và chỉ đạo thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh và các công việc khác của Công ty giữa hai kỳ đại hội. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty gồm có 9 thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ 5 năm. Các thành viên bao gồm:

- | | |
|---------------------------|-------------------|
| • Ông Nguyễn Như So | Chủ tịch HĐQT |
| • Ông Nguyễn Văn Quân | Phó Chủ tịch HĐQT |
| • Ông Nguyễn Văn Tuấn | Phó Chủ tịch HĐQT |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hương | Thành viên HĐQT |
| • Ông Nguyễn Hoàng Nguyên | Thành viên HĐQT |
| • Ông Nguyễn Khắc Thảo | Thành viên HĐQT |
| • Ông Nguyễn Thế Tường | Thành viên HĐQT |
| • Ông Tạ Hữu Khôi | Thành viên HĐQT |
| • Ông Nguyễn Văn Mạnh | Thành viên HĐQT |

3.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, kế toán; kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của các báo cáo tài chính. Hiện tại, Ban kiểm soát Công ty gồm có 5 thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ 5 năm, bao gồm:

- | | |
|-----------------------|----------------|
| • Ông Nguyễn Văn Lĩnh | Trưởng BKS |
| • Bà Nguyễn Thị Thùy | Thành viên BKS |
| • Ông Ngô Huy Tuệ | Thành viên BKS |

3.4. Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược và kế hoạch đã



được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hiện tại, Ban Tổng giám đốc của Công ty gồm có 6 thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ 5 năm, bao gồm:

- | | |
|--------------------------|---------------|
| • Ông Nguyễn Như So | Tổng Giám đốc |
| • Ông Nguyễn Khắc Thảo | Phó Tổng GD |
| • Ông Nguyễn Khoáng Cách | Phó Tổng GD |
| • Ông Nguyễn Văn Mạnh | Phó Tổng GD |
| • Ông Nguyễn Văn Quân | Phó Tổng GD |
| • Ông Nguyễn Văn Tuấn | Phó Tổng GD |

3.5. Các phòng, ban trong Công ty

Các phòng, ban trong Công ty thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc được tiến hành một cách hiệu quả. Công ty có các phòng, ban sau:

Các Phòng Thị trường

Chức năng chủ yếu của các phòng này là nghiên cứu và mở rộng thị trường, tổ chức giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm, vv.

Phòng Kỹ thuật Chất lượng

Chức năng chủ yếu của phòng này là đảm bảo kỹ thuật và chất lượng theo tiêu chuẩn đã được đăng ký đối với toàn bộ hàng hoá và sản phẩm của Công ty.

Phòng Vật tư - Xuất nhập khẩu

Chức năng chủ yếu của phòng này là đảm bảo thu mua, cung cấp toàn bộ nguyên nhiên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phòng Tổ chức – Lao động tiền lương

Chức năng chủ yếu của phòng này là tham mưu giúp Tổng giám đốc chỉ đạo và tổ chức thực hiện các công tác: tổ chức bộ máy, cán bộ; tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; lao động tiền lương, thi đua, khen thưởng, kỷ luật; kiểm tra an toàn - bảo hộ lao động; thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động; quản trị hành chính văn phòng,...

Phòng Tài chính - Kế toán

Chức năng chủ yếu của phòng này là quản lý tài chính của Công ty: thực hiện nhiệm vụ về kế toán và thủ quỹ, thống kê, nghiệp vụ ngân hàng, lập các báo cáo quyết toán quý, năm và quyết toán đầu tư.

Phòng Kế hoạch Phát triển

Chức năng tổng hợp tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm để tham mưu, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh trình Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc xét duyệt.

Phòng Quản lý Dự án



Chức năng lập dự án, hồ sơ mời thầu, thiết kế, tư vấn, giám sát,... các dự án; nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng của Công ty.

Văn phòng Hội đồng Quản trị

Có nhiệm vụ tham mưu giúp việc Hội đồng quản trị thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật quy định, công bố thông tin, thực hiện các nghiệp vụ chuyển nhượng cổ phần theo quy định của pháp luật.

Phòng Công đoàn

Phòng này có cán bộ công đoàn chuyên trách riêng (thuộc Liên đoàn lao động tỉnh).

Phòng Quản lý Dự án KCN Quế Võ 3

Quản lý dự án khu công nghiệp và khu dịch vụ đô thị Quế Võ III mà Công ty làm chủ đầu tư.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Tính đến thời điểm 30/06/2010, danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty như sau:

Bảng 4: Danh sách nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 30/06/2010:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Cổ đông Nhà nước (Người đại diện: Nguyễn Như So)	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước SCIC, 15A, Trần Khánh Dư, Hoàn Kiếm, Hà Nội	3.600.000	36.000.000.000	14,15%
2	Nguyễn Như So	P. Suối Hoa, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	1.793.300	17.933.000.000	7,05%
3	Red River Holding	11A Tú Xương, P7, Q3, TP HCM	3.023.100	30.231.000.000	11,88%
Tổng cộng			87.416.400	84.164.000.000	33.08%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm 30/06/2010 được trình bày ở bảng dưới đây:

**Bảng 5: Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ cổ phần tại thời điểm 30/06/2010**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Cổ đông Nhà nước (Người đại diện: Nguyễn Như So)	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước SCIC, 15A, Trần Khánh Dư, Hoàn Kiếm, Hà Nội	3.600.000	36.000.000.000	14,15%
2	Nguyễn Như So	P. Suối Hoa, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	1.793.300	17.933.000.000	7,05 %
3	Nguyễn Khoảng Cách	P. Suối Hoa, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	86.000	860.000.000	0,34%
4	Nguyễn Văn Tuấn	P. Kinh Bắc, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	63.000	630.000.000	0,25%
5	Nguyễn Văn Quân	Xã Võ Cường, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	106.000	1.060.000.000	0,42%
6	Nguyễn Thị Thu Hương	P. Suối Hoa, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	66.000	660.000.000	0,26%
7	Nguyễn Thế Tường	P. Vũ Ninh, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	121.600	1.216.000.000	0,48%
8	Tạ Hữu Khôi	Khu TT Công ty CP Nông sản Bắc Ninh, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	62.000	620.000.000	0,24%
Tổng cộng			5.897.900	58.979.000.000	23,18%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)

4.3. Cơ cấu cổ đông

Tính đến thời điểm 30/06/2010, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

Bảng 6: Cơ cấu cổ đông tại ngày 30/06/2010

STT	Tên cổ đông	Số lượng	Số cổ phần nắm giữ	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ nắm giữ
	Trong nước	2.332	20.894.860	208.948.600.000	82,1%
	- Tổ chức	23	8.270.209	82.702.090.000	32,5%
	- Cá nhân	2.308	12.624.651	126.246.510.000	49,6%



STT	Tên cổ đông	Số lượng	Số cổ phần nắm giữ	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ nắm giữ
	Nước ngoài	37	4.551.800	45.518.000.000	17,89%
	- Tổ chức	14	4.478.300	44.783.000.000	17,6%
	- Cá nhân	23	73.500	735.000.000	0,29%
	Tổng cộng	2.368	25.446.660	254.466.600.000	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)

5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành tham gia góp vốn

5.1. Công ty mẹ của tổ chức phát hành

Không có.

5.2. Các công ty con của tổ chức phát hành

Đến thời điểm hiện tại, Công ty có 15 công ty con, bao gồm:

- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển chăn nuôi gia công
- Công ty TNHH Dịch Vụ thương mại Bắc Ninh
- Công ty TNHH Cảng Dabaco Tân Chi
- Công ty TNHH MTV Dabaco Tây Bắc
- Công ty TNHH Lợn giống Dabaco
- Công ty TNHH Đầu tư phát triển chăn nuôi lợn Dabaco
- Công ty TNHH chế biến thực phẩm Dabaco
- Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang
- Công ty TNHH Bất động sản Dabaco
- Công ty TNHH Lợn giống hạt nhân Dabaco
- Công ty TNHH MTV Lợn giống Lạc Vệ
- Công ty TNHH MTV Gà giống Dabaco
- Công ty TNHH NUTRECO
- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Dabaco
- Công ty cổ phần Dabaco Sông Hậu.



Chi tiết xem phần 2 mục III

5.3. Các công ty liên kết của tổ chức phát hành

Đến thời điểm hiện tại, Công ty có 1 công ty liên kết, bao gồm:

- Công ty CP Thủy sản CSC Dabaco

Chi tiết xem phần 2 mục III

5.4. Các công ty mà tổ chức phát hành tham gia góp vốn

Đến thời điểm hiện tại, Công ty tham gia góp vốn vào các công ty sau:

Công ty Cổ phần Thương mại Bạch Long

- Địa chỉ: Huyện đảo Bạch Long Vĩ, huyện Bạch Long Vĩ, thành phố Hải Phòng
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 0203003405 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 27/08/2007.
- Ngành nghề kinh doanh: Thu mua, chế biến lâm sản, thủy sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa; Sản xuất và phục vụ đánh bắt thủy, hải sản xa bờ; Sản xuất và chế biến thức ăn phục vụ chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản, hải sản; Kinh doanh dịch vụ vận tải.
- Vốn điều lệ: 4.680.000.000 đồng (Bốn tỷ sáu trăm tám mươi triệu đồng).
- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 0203003405 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 27/08/2007, Công ty Cổ phần Nông sản Bắc Ninh góp vốn: 321.200.000 đồng (Ba trăm hai mươi một triệu hai trăm nghìn đồng), chiếm 6,86% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại Bạch Long. Hiện tại, Công ty Cổ phần Nông sản Bắc Ninh đã góp đủ số vốn này.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty

Hiện nay, Công ty đang sản xuất và kinh doanh 06 nhóm sản phẩm: thức ăn chăn nuôi; nguyên liệu; kinh doanh con giống, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

6.1.1. Kinh doanh thức ăn chăn nuôi

Thức ăn chăn nuôi là sản phẩm chủ yếu của Công ty (chiếm hơn 90% doanh số hàng năm của Công ty). Sản phẩm này được phân thành 02 loại:

Sản phẩm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy cầm:

Hiện tại, Công ty có 06 thương hiệu thức ăn chăn nuôi gồm DABACO, TOPFEEDS, NASACO, GROWFEEDS, KHANGTIVINA và KINH BẮC, mỗi thương hiệu có 49 loại sản phẩm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy cầm ở các giai đoạn sinh trưởng và phát triển khác nhau. Thức ăn cho một thương hiệu bao gồm:



- Thức ăn cho lợn: bao gồm các loại thức ăn cho lợn con theo mẹ, lợn sữa, lợn nái, lợn hậu bị, lợn đực giống và lợn thương phẩm. Công ty hiện đang sản xuất 28 loại sản phẩm thức ăn cho lợn, trong đó:
 - Thức ăn đậm đặc: 15 loại sản phẩm.
 - Thức ăn hỗn hợp: 13 loại sản phẩm.
- Thức ăn cho gà: 12 loại sản phẩm cho gà siêu thịt và gà siêu trứng.
- Thức ăn cho thủy cầm: 05 loại sản phẩm cho ngan thịt, vịt thịt, vịt đẻ trứng và ngan đẻ trứng.
- Thức ăn cho chim cút: 02 loại sản phẩm.
- Thức ăn cho bò sữa: 02 loại sản phẩm.

Sản phẩm thức ăn cho thủy sản: bao gồm 18 loại sản phẩm cho hai loại cá da trơn và cá có vảy ở các giai đoạn sinh trưởng khác nhau.

6.1.2. Kinh doanh nguyên liệu

Công ty kinh doanh nguyên liệu dùng để sản xuất thức ăn chăn nuôi như ngô, khô đỗ, cám mì, đậu tương, sắn, ...



6.1.3. Kinh doanh con giống

Gà giống

Sản phẩm chính được Công ty cung cấp là gà con 01 ngày tuổi. Sản phẩm này gồm 03 loại là gà siêu thịt, gà siêu trứng và gà giống.



Lợn giống

Lợn giống ông bà được Công ty nuôi dưỡng để cung cấp giống cho người chăn nuôi. Sản phẩm chính bao gồm: lợn con cai sữa, lợn hậu bị và lợn đực giống với các dòng sản phẩm: Nái sản xuất galaxy; Tinh lợn đực SP Tinh lợn đực PIC 40; Dòng tổng hợp Đực sản xuất MC; Dòng đực yorshire; Dòng Nái Landrace.



Baba giống

Công ty cung cấp Ba ba giống: Sản xuất vụn cung cấp giống ba ba trơn ở mọi kích cỡ: từ khi mới nở, ương 1 tháng, 2 tháng...(cỡ 5g – 150g) và Ba ba thịt.



6.1.4. Kinh doanh thực phẩm



Lợn, gà gia công là lợn siêu nạc và gà siêu thịt được sử dụng làm thực phẩm.



6.1.5. Kinh doanh dịch vụ

Xăng, dầu

Hiện tại, Cửa hàng xăng dầu Lạc Vệ của Công ty thực hiện các hoạt động kinh doanh xăng, dầu trên địa bàn. Cửa hàng xăng dầu này do Công ty trực tiếp quản lý, hạch toán kế toán theo hình thức báo sổ trực tiếp cho Công ty. Tỷ trọng của mảng dịch vụ này trong doanh thu của Công ty đang có xu hướng ngày càng tăng lên.

Ăn uống:

Công ty có trung tâm dịch vụ ăn uống phục vụ không chỉ cho các cán bộ nhân viên công ty và cho cả bên ngoài. Trung tâm Dịch vụ ăn uống cũng do Công ty quản lý trực tiếp, hạch toán phụ thuộc.

Siêu thị:

Siêu thị Dabaco Smart Lạc Vệ kinh doanh thương mại phục vụ cho nhu cầu của Khu công nghiệp Lạc Vệ. Siêu thị do Công ty quản lý trực tiếp và cũng hạch toán phụ thuộc.

6.1.6. Kinh doanh bất động sản

Năm 2010, Công ty đầu tư mở rộng mạng lưới kinh doanh bất động sản, thực hiện một số dự án Khu đô thị lớn trong đó có Khu đô thị làng nghề Phù Khê, Thị xã Từ Sơn và Khu đô thị Dabaco Vạn An tại Thành phố Bắc Ninh với hình thức BT. Trước mắt, trong Quý 2 và 3 năm 2010, Công ty sẽ tập trung đầu tư hạ tầng Khu đô thị Đền Đô – TX. Từ Sơn với diện tích 18ha. Đây là Khu đô thị lớn, hiện đại nằm trong quần thể Khu di tích lịch sử - văn hoá Đền Đô, phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn - nơi thờ 8 vị vua nhà Lý, một địa chỉ tiêu biểu nhất của quê hương Bắc Ninh – Kinh Bắc. Bên cạnh đó Công ty xúc tiến thực hiện một số dự án Khu nhà ở Huyện Quang 2 (TP. Bắc Ninh) và Khu nhà ở thị trấn Hồ, Huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Công ty phấn đấu thu lợi nhuận từ các dự án trên khoảng 250 tỷ đồng trong năm 2010.

Sàn giao dịch Bất động sản Dabaco

Trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ, Sàn giao dịch bất động sản DABACO cung các dịch vụ: tư vấn pháp lý về bất động sản, dịch vụ giao dịch, môi giới, định giá và đấu giá bất động sản, dịch vụ về tư vấn giá và quản lý bất động sản, dịch vụ hỗ trợ vay vốn ngân hàng cho các nhà đầu tư và khách hàng, dịch vụ REPO bất động sản, dịch vụ tư vấn phong thủy bất động sản và các dịch vụ khác có liên quan đến lĩnh vực kinh doanh đầu tư bất động sản mà pháp luật cho phép.

Một số các dự án công ty đã và đang triển khai:

1. Khu công nghiệp Quế Võ III

**Thông tin dự án:**

Ngày 9/3/2009 Ban Quản Lý Các Khu Công Nghiệp đã cấp giấy chứng nhận số 21221000207 cho Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Quế Võ III.

Khu công nghiệp Quế Võ III với tổng diện tích quy hoạch 598 Ha giai đoạn I là 303.8 Ha. Tổng mức đầu tư giai đoạn I là 1.167.213.900.000 đồng. Khu công nghiệp Quế Võ III nằm trên trục Quốc Lộ 18 đồng thời nằm trong tam giác tăng trưởng kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

Khu công nghiệp Quế Võ III được quy hoạch với hạ tầng hiện đại và đồng bộ. Với 2 đường vào và một nút giao thông lập thể nối giữa Quốc Lộ 18 cũ và Quốc lộ 18 mới.



Phối cảnh tổng thể khu công nghiệp

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)

Thời gian dự kiến hoàn thành: Tháng 12/2012.

Tình hình thực hiện tại thời điểm hiện nay: Đang thi công đường vào Khu công nghiệp và tiến hành đền bù đất được 140ha. Công ty đã ký kết các hợp đồng nguyên tắc về thuê mặt bằng khu công nghiệp với nhiều đối tác.

2. Khu đô thị Đền Đô, thị xã Từ Sơn**Thông tin dự án:**

Tại Quyết định số 119/QĐ-SXD ngày 14/6/2010 của Giám đốc Sở Xây dựng Bắc Ninh phê duyệt:

- Tổng diện tích đất quy hoạch là 184.939,7m², gồm 161.565,2m² đất điều chỉnh quy hoạch và 23.374,5m² được mở rộng.
- Tính chất: Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, tỷ lệ 1/500.

Theo Quyết định, Khu đô thị gồm 257 căn nhà biệt thự diện tích từ 180m² đến 360m²/lô và 136 căn nhà liền kề kết hợp kinh doanh diện tích 130m²/lô.



Phối cảnh tổng thể Khu đô thị Đền Đô

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)

Cơ cấu sử dụng đất của dự án được bố trí như sau:

- Đất xây dựng nhà ở: 77.023,2m² chiếm 41,65% tổng diện tích đất quy hoạch.
- Đất thương mại dịch vụ: 21.227,1 m².
- Đất rãnh thoát nước: 3.118,9 m².
- Đất công viên - cây xanh: 6.726,7 m².
- Đất bãi đỗ xe - cây xanh: 5.752 m².
- Đất giao thông: 71.091,8 m².

Dự án Khu đô thị Đền Đô có hạ tầng kỹ thuật hiện đại, đồng bộ, hệ thống giao thông kết nối với thủ đô Hà Nội và đường TL227, đường Đền Đô - Đền Đàm liên hoàn, thuận tiện. Hệ thống cấp điện đi ngầm dưới vỉa hè các tuyến đường và hệ thống cấp nước sạch được đấu nối vào hệ thống điện, nước của thị xã Từ Sơn.

Đây là Khu đô thị nằm ở cửa ngõ thủ đô Hà Nội, hiện đại nhất tỉnh Bắc Ninh, được chủ đầu tư triển khai đồng bộ với đầy đủ các công trình chức năng như Trung tâm thương mại dịch vụ, Nhà trẻ - mẫu giáo, Nhà văn hóa, Bãi đỗ xe, Công viên cây xanh...

Sau khi công bố bản quy hoạch chi tiết được duyệt, Công ty đã làm việc với đơn vị thi công hạ tầng để đẩy nhanh tiến độ xây dựng các hạng mục: Đường giao thông, hệ thống điện, thoát nước... phần đấu hoàn thành bàn giao trong quý III năm 2010.

Thời gian dự kiến hoàn thành: Năm 2011

Tình hình thực hiện tại thời điểm hiện nay: Đang thi công xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu đô thị như đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước...



3. Khu nhà ở Huyện Quang II

Thông tin dự án: Khu đất nghiên cứu quy hoạch nằm phía Đông Nam Thành phố Bắc Ninh thuộc địa bàn phường Võ Cường có quy mô khoảng 15.430 m². Trong đó, diện tích khu đất nghiên cứu : 15.430 m²; đất ở bao gồm 09 lô biệt thự và 78 lô nhà liền kề với diện tích từ 80 m² đến 228 m²; phần còn lại là đất cây xanh và giao thông nội bộ.



Phối cảnh tổng thể Khu nhà ở Huyện Quang 2

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)

Tình hình thực hiện tại thời điểm hiện nay: Công ty đã hoàn thành việc bán các lô đất tại khu nhà ở Huyện Quang 2.

4. Khu nhà ở Dabaco tại thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành

Thông tin dự án:

Khu đất dự án đầu tư nằm trong quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 nằm về phía Tây thị trấn Hồ - huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh với tổng diện tích là 48.889m². Trong đó, đất liền kề là 24.426m² chiếm 60,2% diện tích, còn lại là đất cây xanh là đất giao thông.



(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)

Thời gian dự kiến hoàn thành: quý IV năm 2010.



6.2. Sản lượng sản phẩm qua các năm

a) Doanh thu của từng nhóm sản phẩm qua các năm

Bảng 7: Cơ cấu doanh thu theo từng sản phẩm

Đơn vị: Nghìn đồng

TT	Sản phẩm-dịch vụ	Năm 2008		Năm 2009		Quý 3 năm 2010	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thức ăn chăn nuôi	1.075.401.875	72,07%	1.292.410.445	72,54%	396,337,120	57.6%
2	Nguyên liệu	210.475.688	14,10%	246.851.599	13,86%	127,982,599	18.6%
3	Doanh thu bất động sản	-		-			
4	Vật tư, thiết bị	9.933.014	0,67%	-		-	-
5	Con giống và gia cầm gia công	178.903.973	11,99%	221.452.951	12,43%	104,037,072	15.1%
9	Xăng, dầu	9.958.209	0,67%	6.945.832	0,39%	2,624,399	0.4%
10	Trợ cấp, trợ giá	2.169.302	0,15%	-		-	-
11	Bao bì	-		10.755.622	0,60%	8,418,540	1.2%
12	Hàng hóa tổng hợp	5.383.348	0,36%	3.262.243	0,18%	48,987,673	7.1%
	Tổng cộng	1.492.225.410	100%	1.781.678.693	100%	688,387,403	100%

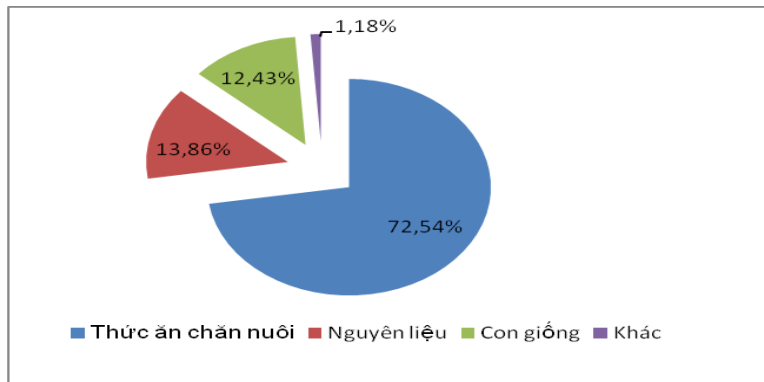
(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)

Nhìn chung, doanh thu mảng thức ăn chăn nuôi luôn chiếm hơn 70% tổng doanh thu của Dabaco. Sự tăng trưởng của mặt hàng thức ăn chăn nuôi đóng một vai trò quan trọng trong tăng trưởng của công ty trong những năm trở lại đây.

Ngoài sản phẩm thức ăn chăn nuôi, Công ty ngày càng đa dạng hóa lĩnh vực hoạt động khác để phát huy chuỗi giá trị theo ngành, hướng tới mục tiêu trở thành tập đoàn trong quy trình sản xuất liên hoàn từ giống – thức ăn – gia công – chế biến và xuất khẩu thực phẩm.

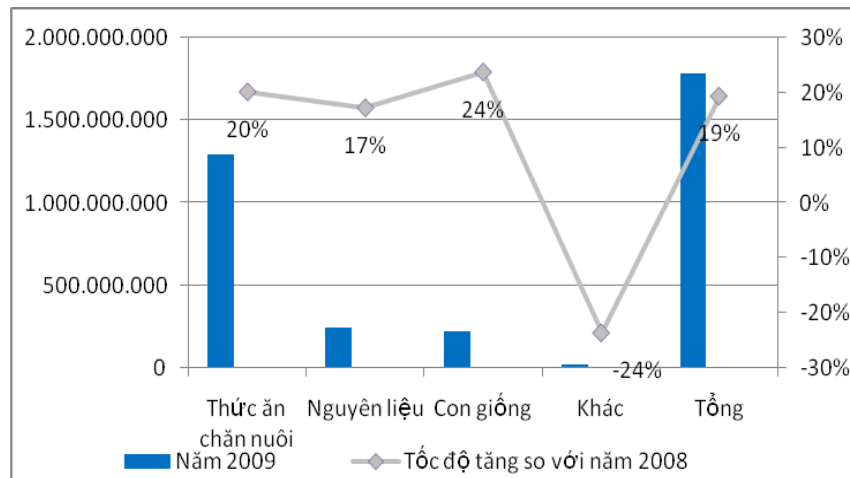


Biểu 2: Cơ cấu doanh thu theo các nhóm sản phẩm năm 2009



(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)

Biểu 3: Tốc độ tăng trưởng của từng sản phẩm năm 2009



Bước sang năm 2010, Công ty mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực bất động sản, và chỉ trong 6 tháng đầu năm, doanh thu từ bất động sản đã được 161 tỷ đồng, chiếm 23% trong tổng doanh thu 6 tháng. Các dự án mà công ty đang tham gia đầu tư bao gồm Dự án Đền Đô, dự án nhà thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, dự án khu đô thị mới Vạn An và nhiều dự án khác. Do vậy dự kiến doanh thu từ bất động sản sẽ còn tăng mạnh trong 6 tháng cuối năm và các năm tiếp theo.

b) Sản lượng tiêu thụ của từng nhóm sản phẩm qua các năm

Bảng 8: Sản lượng tiêu thụ theo từng nhóm sản phẩm qua các năm

STT	Sản phẩm-dịch vụ	Đơn vị	Năm 2008	Năm 2009
			Sản lượng	Sản lượng
1	Thức ăn chăn nuôi	Tấn	174.164	216.472
3	Gà giống	con	3.200.000	3.500.000

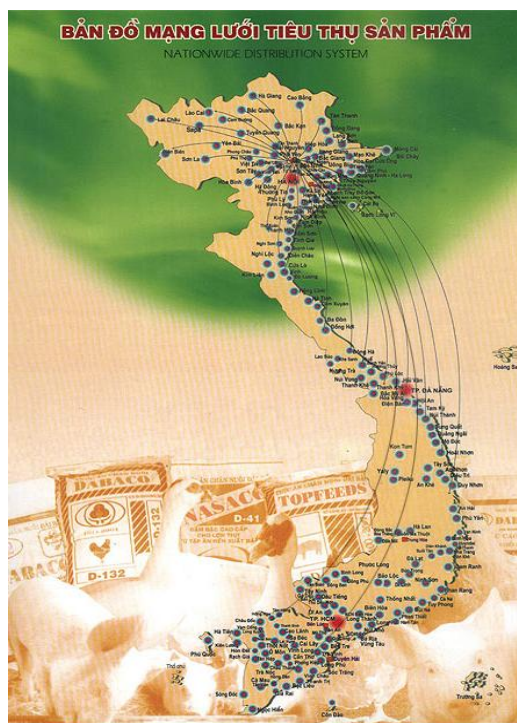


STT	Sản phẩm-dịch vụ	Đơn vị	Năm 2008	Năm 2009
			Sản lượng	Sản lượng
4	Lợn giống	kg	670.000	690.000
5	Ngan, vịt giống	con	875.000	1.000.000
6	Lợn, gà gia công	kg	-	9.260.703

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)

6.3. Thị trường tiêu thụ

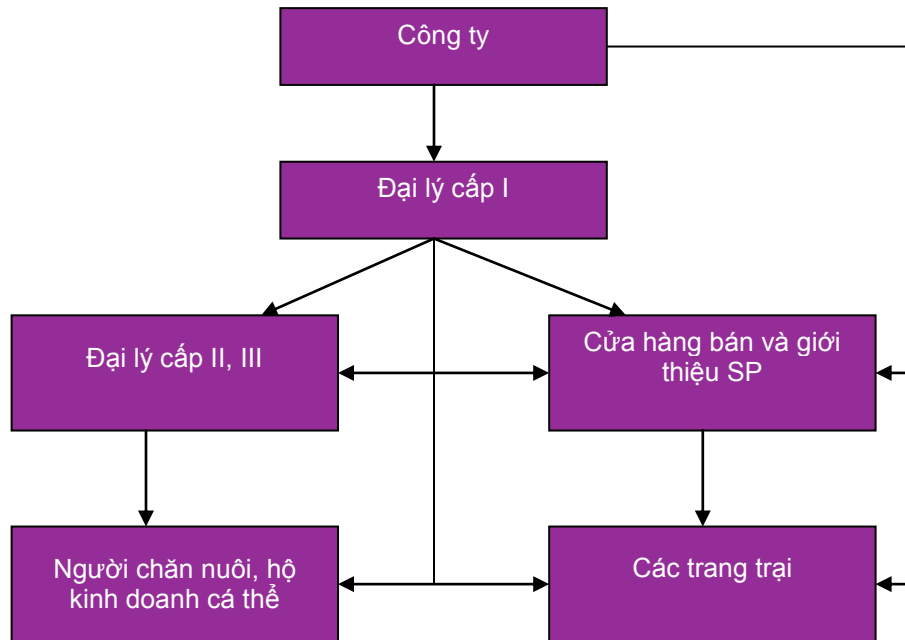
Việc phân phối sản phẩm của Công ty chủ yếu được thực hiện thông qua hệ thống đại lý với số lượng trên 650 đại lý cấp 1 được thiết lập trải khắp các tỉnh miền Bắc và miền Trung. Mức giá bán sản phẩm cho các đại lý cấp 1 được áp dụng thống nhất tại từng thời điểm. Tuy nhiên, đối với những thị trường mới, thị trường khó khăn hoặc những địa bàn có sự cạnh tranh của các công ty lớn, Công ty có thể áp dụng các chính sách hỗ trợ, khuyến khích linh hoạt. Biểu đồ mạng lưới tiêu thụ sản phẩm của Công ty như sau:



(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)



Sơ đồ 3: Sơ đồ phân phối sản phẩm của Công ty



(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)

Mạng lưới phân phối sản phẩm đến người chăn nuôi bao gồm đại lý cấp I, cấp II, cấp III, cửa hàng bán và giới thiệu sản phẩm. Tùy thuộc vào mức độ tiêu thụ của từng thị trường mà Công ty thiết lập đại lý cấp I, cấp II, các cửa hàng hoặc chỉ một trong các hình thức trên. Đại lý cấp I vừa là khách hàng của Công ty nhưng cũng có thể coi là một bộ phận của Công ty, giữ chức năng tiêu thụ được nhiều nhất các sản phẩm của Công ty.

Sản phẩm của Công ty được vận chuyển trực tiếp đến các đại lý phân phối cũng như tới người tiêu dùng nhanh chóng, thuận lợi vào bất kỳ lúc nào khách hàng có yêu cầu, bằng phương tiện của Công ty hoặc của bên mua. Việc cung ứng sản phẩm hàng hoá được phát trên một kênh gồm con giống, thức ăn, thuốc thú y, hỗ trợ kỹ thuật đi cùng nhau thành một phương án hoàn chỉnh tạo nên sự đồng bộ tối ưu.

Hiện tại sản phẩm của Công ty đã có mặt ở hầu hết các tỉnh, thành phố trên cả nước. Tuy nhiên, thị trường tiêu thụ sản phẩm thức ăn chăn nuôi chủ yếu vẫn là ở miền Bắc chiếm khoảng trên 80% sản lượng tiêu thụ của Công ty.

6.4. Nguyên vật liệu

6.4.1. Nguồn nguyên vật liệu

Trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty, chế biến thức ăn chăn nuôi là hoạt động chủ yếu và chiếm tỷ trọng lớn nhất. Nguồn nguyên vật liệu được sử dụng trong hoạt động này được phân thành 2 loại:



- Nguyên liệu chính được Công ty sử dụng trong sản xuất thức ăn chăn nuôi bao gồm các nguyên liệu có khối lượng lớn như: khô đậu, ngô, cám mỳ viên, cám gạo, sắn, đậu tương,.... Các nguyên liệu này một phần được nhập trong nước và một phần được nhập từ nước ngoài. và phần lớn được mua từ trong nước. Công ty đã chủ động tạo lập được vùng nguyên liệu tại tỉnh Hòa Bình.
- Nguyên liệu phụ (còn được gọi là nguyên liệu bổ sung) được trộn vào thức ăn chăn nuôi nhằm bổ sung các chất dinh dưỡng, vitamin, khoáng chất hoặc tạo màu, tạo mùi,...

6.4.2. Sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên vật liệu

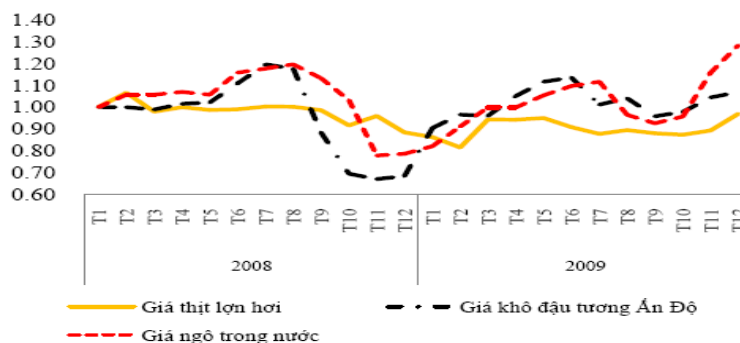
Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty đã hình thành được một hệ thống kênh cung cấp nguyên liệu với nhiều nguồn cung cấp ổn định. Bên cạnh đó, Công ty cũng duy trì mối quan hệ kinh doanh với nhiều đối tác lớn cả ở trong nước và nước ngoài. Đây là những đối tác đã có quan hệ thương mại lâu năm với Công ty, trong đó một số đã trở thành cổ đông của Công ty. Chính nhờ những mối quan hệ gắn bó, chặt chẽ này mà Công ty có thể chủ động hơn về nguồn cung nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất, qua đó Công ty có thể xây dựng được các kế hoạch sản xuất kinh doanh mang tính dài hạn.

6.4.3. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Do chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên sự biến động của giá cả nguyên vật liệu trên thị trường cũng có tác động lớn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Trong 2 năm trở lại đây, thị trường nguyên vật liệu không chỉ trong nước mà cả trên thế giới đều biến động rất phức tạp.

Biểu 4: Biến động giá khô đậu thị trường trong nước và thị trường Ấn Độ

Tương quan biến động giá khô đậu tương Ấn Độ - ngô nội địa – thịt lợn trên thị trường Hà Nội (T1/08 = 1)



Nguồn: Agromonitor

Tuy nhiên, các nhà cung cấp của Công ty đều có quan hệ lâu dài với Công ty, nên ảnh hưởng của biến động được Công ty đánh giá là không lớn đối với Công ty.

**Bảng 9: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên liệu chính cho Công ty**

STT	Nguyên liệu chính	Nhà cung cấp
1	Đậu tương	Mills Bros International (Mỹ)
2	Bột cá	Cà Mau (Việt Nam)
3	Bột huyết	Global Nutrition (Pháp)
4	Bột thịt xương	Vietfarm (Việt Nam)
5	Cám gạo	Contigrain International PTE LTD (Ấn độ)
6	Cám mỳ	Nissin Feedmills PTE LTD (Singapore)
7	Gluten ngô	The Delong Co Inc (Mỹ)
8	Bột ngũ cốc lên men	The Delong Co Inc (Mỹ), Mills Bros International (Mỹ)
9	Khô đậu tương	Bunge Agribusiness Singapore PTE LTD (Singapore), Crossland (Argentina), Concordia (Argentina), Great Ocean Oil (Trung Quốc)
10	Lysin	Ajinomoto (Thái Lan)
11	Methionine	Degussa (Singapore)
12	Ngô	Bunge Agribusiness Singapore PTE LTD (Singapore)

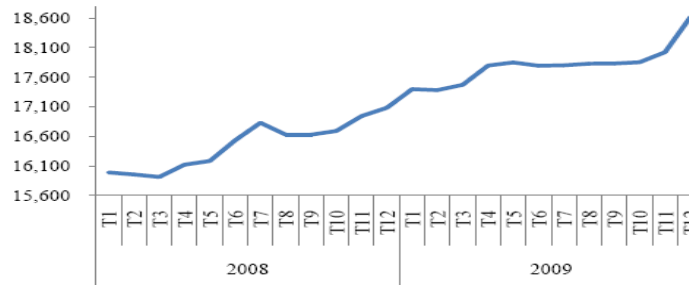
(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)

Trong hoàn cảnh phụ thuộc quá nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, yếu tố tỷ giá cũng được xem là tác nhân quan trọng góp phần gây áp lực lên ngành chăn nuôi Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng. Năm 2009, thị trường ngoại hối Việt Nam chứng kiến việc tỷ giá USD/VND leo thang với tốc độ chóng mặt bất chấp sự sụt giá của đồng USD trên thế giới (trong năm này đồng VND đã trượt giá 8,99% so với đồng USD). Vấn đề căng thẳng nhất của thị trường là tình trạng thiếu hụt ngoại tệ đã khiến cho không chỉ các ngân hàng thiếu vốn cho vay mà còn đẩy tỷ giá ngoài thị trường tự do tăng nóng, mức chênh lệch giữa 2 thị trường thậm chí có những lúc đã lên tới 1.600 - 1.700 VNĐ/USD.

Biểu 5: Biến động tỷ giá USD/VND năm 2008 - 2009



Tỉ giá niêm yết USD/VND trung bình theo tháng, 2008-2009



Nguồn: Vietcombank

Tuy vậy, Công ty đã có quan hệ hợp tác không chỉ vay vốn mà còn kinh doanh ngoại tệ lâu dài với các ngân hàng trên địa bàn tỉnh, nên Công ty luôn chủ động được nguồn USD khi cần thiết để thanh toán các hợp đồng đến hạn.

6.5. Chi phí sản xuất

Công ty thực hiện kiểm soát các chi phí thông qua việc kiểm soát quá trình sản xuất. Quy trình sản xuất của Công ty được thiết lập cụ thể, chặt chẽ và đồng bộ, đảm bảo thực hiện đúng các khâu công việc ngay từ ban đầu để ngăn ngừa phát sinh các sai sót, hư hỏng. Hàng tháng, bộ phận kế toán của Công ty lập báo cáo kiểm soát chi phí sản xuất và báo cáo này được luân chuyển qua nhiều cấp khác nhau.

Ngoài ra, do phần lớn các dây chuyền sản xuất của Công ty đều còn mới và hiện đại nên mức tiêu hao nguyên vật liệu cho một đơn vị sản phẩm ở mức thấp.

Do quản lý chi phí tốt, mức tiêu hao nguyên vật liệu thấp nên chi phí sản xuất của Công ty có tính cạnh tranh cao hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty so với doanh thu thuần cung cấp hàng hoá và dịch vụ trong 2 năm 2008, 2009 và 6 tháng đầu năm 2010 được trình bày ở bảng dưới đây:

Bảng 10: Cơ cấu chi phí năm 2008 – 2009 và 9 tháng đầu năm 2010

Đơn vị: Nghìn đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		9 tháng năm 2010	
		Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu
1	Giá vốn hàng bán	1.283.251.155	86,00%	1.521.339.629	85,39%	1,544,453,625	84.6%



TT	Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		9 tháng năm 2010	
		Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu
2	Chi phí lãi vay	46.384.750	3,11%	38.622.908	2,17%	57,140,054	3.1%
3	Chi phí bán hàng	30.281.380	2,03%	34.027.029	1,91%	33,626,439	1.8%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.378.653	1,37%	36.502.296	2,05%	39,083,023	2.1%
Tổng cộng		1.380.295.938	92,50%	1.630.491.862	91,51%	1,674,303,141	91.7%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)

Với việc quản lý chi phí hiệu quả, tỷ trọng chi phí của Công ty so với doanh thu thuần cung cấp hàng hoá và dịch vụ đang có xu hướng giảm dần qua các 2008 và 2009.

6.6. Trình độ công nghệ

Trong những năm qua, Công ty đã tập trung đầu tư nâng cao trình độ công nghệ sản xuất. Hiện tại, Công ty đang sử dụng một số dây chuyền chế biến thức ăn chăn nuôi hiện đại trong cả hai lĩnh vực sản xuất chủ yếu của Công ty là: (i) chế biến thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, thủy cầm; và (ii) chế biến thức ăn cho thủy sản.

6.5.1. Công nghệ chế biến thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy cầm

a) Quy trình công nghệ

- Nguyên liệu trước khi đưa vào nhà máy dự trữ sản xuất đều được kiểm tra độ ẩm, độ sạch và chất lượng bằng các thiết bị chuyên dùng. Sau đó, nguyên liệu này được đưa vào kho dự trữ. Tùy theo loại nguyên liệu mà vị trí dự trữ khác nhau: nguyên liệu dạng hạt được dự trữ ở các silô; nguyên liệu dạng bột, mảnh được dự trữ ở kho.
- Nghiền nguyên liệu: Các nguyên liệu dùng trong sản xuất được nghiền trước và đưa vào hệ thống bin chứa khác nhau. Mỗi loại nguyên liệu được chứa vào một bin.
- Định lượng: Các công thức chế biến thức ăn chăn nuôi đều được mã hoá trong hệ thống trung tâm điều khiển. Thành phần và tỷ lệ các nguyên liệu tham gia sản xuất thức ăn được quy định trước. Qua hệ thống tự động hoá, các nguyên liệu được cân tự động và đưa vào bin chứa tập trung để chuẩn bị trộn.
- Trộn: Nguyên liệu bột hỗn hợp sau khi định lượng xong được đưa vào buồng trộn. Thời gian trộn khoảng 5-6 phút. Trong quá trình trộn, thành phần nguyên liệu được bổ sung thêm các chất khoáng, phụ gia để nâng cao chất lượng thức ăn.



- Thành phẩm: Nếu thành phẩm ở dạng bột thì sau khi qua buồng trộn chính sẽ được đưa qua hệ thống đóng gói và xuất bán. Nếu thành phẩm ở dạng viên thì hỗn hợp trên được đưa qua hệ thống hơi nóng, sau đó vào hệ thống ép viên. Viên tạo thành được chuyển qua hệ thống sàng tuyển. Những hạt đảm bảo quy cách chất lượng được đưa qua hệ thống làm mát, sấy khô và đưa ra đóng gói tiêu thụ. Những hạt không đảm bảo chất lượng sẽ được đưa quay lại hệ thống ép viên và ép tiếp.

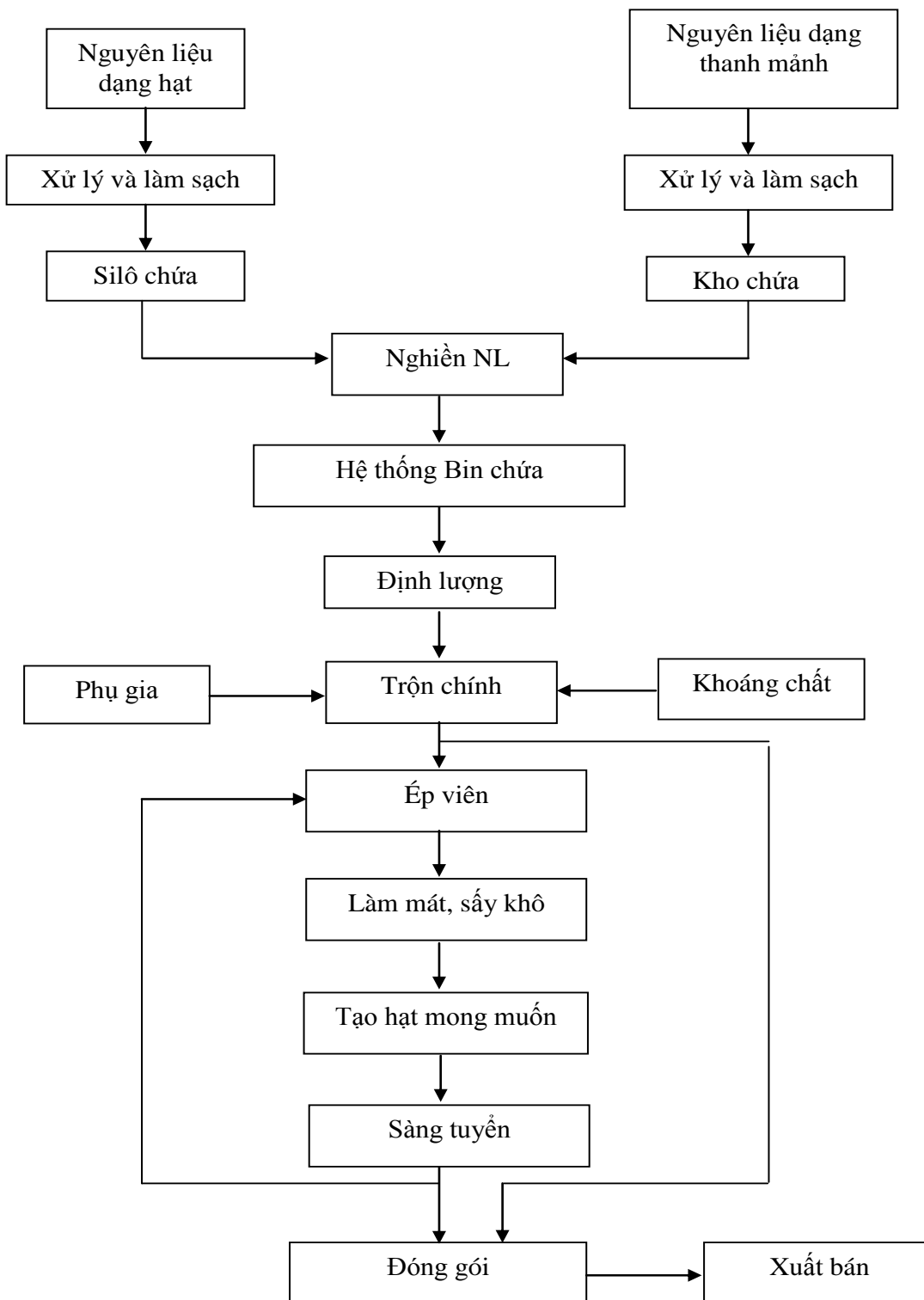
b) Dây chuyền công nghệ

Toàn bộ máy móc thiết bị của Công ty được trang bị mới 100% (thời gian khấu hao đối với máy móc thiết bị được áp dụng tại Công ty là 07 năm). Hiện tại, dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi đang sử dụng tại các nhà máy của Công ty bao gồm:

- Dây chuyền sản xuất của Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi DABACO:
 - Giá trị: 1.849.800 USD
 - Công suất: 25 tấn/giờ
 - Nhập khẩu từ: Đài Loan
 - Năm đưa vào sử dụng: 2009
- Dây chuyền sản xuất của Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp TOPFEEDS:
 - Giá trị: 1.975.000 USD
 - Công suất: 30 tấn/giờ
 - Nhập khẩu từ: Đài Loan
 - Năm đưa vào sử dụng: 2002
- Dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi đậm đặc:
 - Giá trị: 110.000 USD
 - Công suất: 5 tấn/giờ
 - Nhập khẩu từ: Đài Loan
 - Năm đưa vào sử dụng: 2005
- Dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi NUTRECO:
 - Giá trị: 1.512.580 USD
 - Công suất: 20 tấn/giờ
 - Nhập khẩu từ: Đài Loan
 - Năm đưa vào sử dụng: 2010

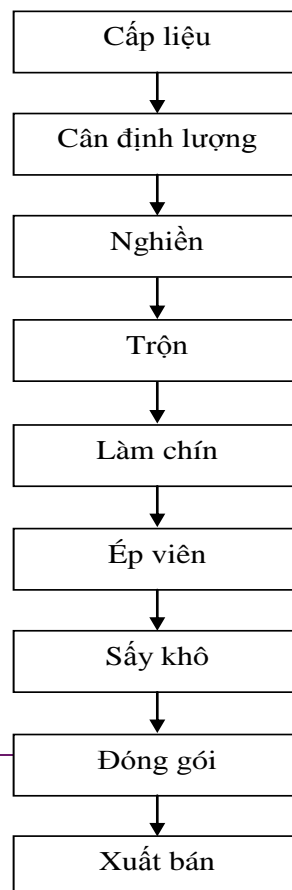


Sơ đồ 5: Quy trình công nghệ chế biến thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, thủy cầm



**6.5.2. Công nghệ chế biến thức ăn thủy sản****a) Quy trình công nghệ**

- Lựa chọn nguyên liệu: Nguyên liệu đưa vào sản xuất phải được kiểm tra và xử lý bằng thiết bị chuyên dùng để đảm bảo độ sạch và chất lượng.
- Định lượng: Các công thức sản xuất thức ăn được mã hoá qua trung tâm điều khiển. Từ các lệnh sản xuất được trung tâm điều khiển đưa ra, các nguyên liệu được tự động đưa lên bin chứa thông qua hệ thống cân tự động.
- Nghiền: Hỗn hợp nguyên liệu thô trong bin chứa sẽ được nghiền nhỏ. Tuỳ theo các loại thức ăn khác nhau mà kích thước các hạt nghiền cũng khác nhau.
- Trộn: Hỗn hợp nghiền được trộn trong một buồng trộn chính khoảng 5-6 phút.
- Làm chín: Dùng hơi nước đạt 90oC để làm chín hỗn hợp nguyên liệu trong thời gian 3 phút bằng một hệ thống trộn nhào.
- Ép viên: Hỗn hợp nhào được đưa vào máy ép viên theo hình thức ép đùn.
- Sấy khô: Bán thành phẩm khi qua hệ thống ép đùn sẽ được sấy khô đạt độ ẩm 12-13%. Những sản phẩm không đảm bảo kích thước sẽ được đưa quay lại hệ thống ép viên để tham gia ép tiếp qua một hệ thống sàng tuyển.
- Đóng gói: Sản phẩm viên đạt chất lượng được đóng gói qua hệ thống cân tự động.

Sơ đồ 6: Quy trình công nghệ chế biến thức ăn thủy sản

**b) Dây chuyền công nghệ**

Dây chuyền công nghệ được vận hành tại Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Kinh Bắc với công suất 4 tấn/giờ. Toàn bộ máy móc thiết bị được Công ty trang bị mới 100% (thời gian khấu hao đối với máy móc thiết bị được áp dụng tại Công ty là 07 năm). Dây chuyền này được Công ty nhập từ Đài Loan với trị giá 791.400 USD và đưa vào sử dụng năm 2006.

6.7. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Công ty đặc biệt chú trọng đến công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. Trong những năm qua, Công ty đã tiến hành nhiều khảo nghiệm, thực nghiệm để đánh giá chất lượng sản phẩm đối với từng giai đoạn sinh trưởng và phát triển của gia súc, gia cầm như:

- Đánh giá chỉ tiêu tiêu tốn thức ăn cho các giống gà ở các giai đoạn khác nhau.
- Đánh giá chỉ tiêu tiêu tốn thức ăn và tăng trưởng của lợn thời kỳ 20 kg đến khi xuất bán,...

Dựa vào các kết quả đánh giá như trên, Công ty đã nghiên cứu và phát triển nhiều sản phẩm mới. Các giai đoạn sinh trưởng, phát triển của gia súc, gia cầm được chia nhỏ hơn. Tương ứng với mỗi giai đoạn này sẽ có một loại sản phẩm phù hợp để tạo điều kiện cho người chăn nuôi nâng cao hiệu quả kinh tế.

Nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động nghiên cứu và phát triển, Công ty đã nhận thức rõ được tầm quan trọng của nhân tố con người. Điều này được thể hiện ở chiến lược đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Công ty. Trong những năm qua, Công ty đã tổ chức cử cán bộ tham gia nhiều khoá đào tạo, tham quan, nghiên cứu ở các tổ chức khoa học kỹ thuật trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, Công ty còn mở các khoá đào tạo ngắn hạn về công nghệ sản xuất mới cho đội ngũ cán bộ phụ trách hoạt động nghiên cứu và phát triển. Sự đầu tư đúng mức cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của Công ty đã mang lại những kết quả khả quan. Cho đến nay, Công ty đã có 06 thương hiệu sản phẩm thức ăn chăn nuôi trên thị trường: DABACO, TOPFEEDS, NASACO, KHANGTI VINA, GROWFEEDS và KINH BẮC. Mỗi thương hiệu có 49 loại sản phẩm khác nhau để đáp ứng nhu cầu của thị trường trong từng giai đoạn sinh trưởng và phát triển của vật nuôi.

6.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ**a) Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng**

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 do tổ chức BVQI của nước Anh cấp chứng nhận tháng 8/2001 và ISO 17025 cấp tháng 9/2006.

b) Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm

Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm được thực hiện bởi Phòng kỹ thuật chất lượng sản phẩm. Bộ phận này được Công ty đầu tư trang bị đầy đủ các loại máy móc nhập khẩu hiện đại nhất để thực hiện việc kiểm tra chất lượng của sản phẩm như: máy chiết xơ, chiết mỡ (Ý); máy cát đạ (Thuy



Điện); máy đo độ ẩm hạt nhanh (Nhật); kính lúp (Nga); máy nghiền (Đức); hệ thống thiết bị phân tích thức ăn và nguyên liệu thức ăn bằng tia hồng ngoại (Thụy Điển),... Với các thiết bị này, Phòng kỹ thuật chất lượng sản phẩm có thể tiến hành phân tích các chỉ tiêu như độ đạm, đạm thực, canxi, photpho, xơ, béo, muối NaCl, độ ẩm, cát sạn,... Phòng kỹ thuật chất lượng sản phẩm của Công ty đã được Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng công nhận đạt tiêu chuẩn VILAS 242.

c) Vấn đề an toàn vệ sinh

An toàn vệ sinh đối với các sản phẩm là vấn đề được Công ty đặc biệt quan tâm. Việc đảm bảo an toàn vệ sinh được Công ty thực hiện liên tục và chặt chẽ từ khâu nhập nguyên liệu đầu vào, các khâu sản xuất và cho đến khâu bán hàng:

- Đối với nguyên liệu: Công ty sử dụng nguồn nguyên liệu nhập từ những nhà cung cấp có tên tuổi, uy tín. Tất cả các nguyên liệu đưa vào sản xuất đều được kiểm tra chất lượng. Nguyên liệu kém chất lượng, đặc biệt nguyên liệu bị ẩm mốc có thể chứa aflatoxin hoặc chứa các chất kích thích sinh trưởng đều tuyệt đối không được Công ty sử dụng.
- Trong quá trình sản xuất: Các khâu trong quá trình sản xuất đều được kiểm tra, giám sát chặt chẽ ở từng công đoạn thực hiện. Hệ thống kiểm tra nguyên liệu được áp dụng để tạo ra mối liên kết giữa các khâu trong quá trình đồng thời phòng tránh nhầm lẫn nguyên liệu sản xuất. Ngoài ra, các quy định về vệ sinh trong quá trình sản xuất cũng được Công ty đặt ra. Công nhân tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm được trang bị những kiến thức về vệ sinh an toàn. Dụng cụ sản xuất được làm vệ sinh thường xuyên và định kỳ theo chế độ riêng cho từng bộ phận trên dây chuyền sản xuất.
- Đối với thành phẩm: Các sản phẩm thức ăn chăn nuôi được đóng gói trong bao bì kín để đảm bảo vệ sinh. Đối với các sản phẩm gia súc, gia cầm, Công ty không sử dụng các chất kích thích sinh trưởng. Trong quá trình phân phối sản phẩm, Công ty tổ chức hướng dẫn nhân viên bán hàng và các nhà phân phối phương pháp bảo quản sản phẩm theo đúng yêu cầu của từng loại sản phẩm để tránh tình trạng sản phẩm bị hư hỏng trước hạn sử dụng.

6.9. Hoạt động Marketing

a) Hoạt động nghiên cứu thị trường

Công tác nghiên cứu thị trường luôn được Công ty coi trọng vì đây là khâu nối liền giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Công ty đã triển khai hoạt động nghiên cứu thị trường dưới nhiều hình thức khác nhau, cụ thể là:

- Tiến hành thu thập ý kiến khách hàng trong quá trình cung cấp sản phẩm để có được những thông tin phản hồi về sản phẩm. Trên cơ sở đó, Công ty tiến hành cải tiến sản phẩm hay nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới.



- Đánh giá chất lượng cung ứng sản phẩm (số lượng, năng lực tài chính, địa điểm kinh doanh,...) của các nhà phân phối để từ đó Công ty có những biện pháp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.
- Đối với các vùng có tập quán canh tác lạc hậu, Công ty kết hợp với các cơ quan chức năng tại địa phương thực hiện chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho người nông dân theo mô hình 4 nhà: Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp và Nhà nông. Cho đến nay, Công ty đã tổ chức chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi cho hơn 10.000 lượt bà con nông dân các tỉnh miền Bắc và miền Trung. Các hoạt động này đã giúp người nông dân có được những kiến thức và kỹ thuật mới và đồng thời qua đó cũng góp phần tích cực vào việc khẳng định thương hiệu của Công ty trên thị trường.

b) Hoạt động quảng cáo, tiếp thị và quan hệ cộng đồng

Chính sách quảng cáo tiếp thị của Công ty được thực hiện nhất quán với mục tiêu là vừa đảm bảo tính hiệu quả của quảng cáo lại vừa giữ cho chi phí quảng cáo ở mức hợp lý để không làm tăng giá thành sản phẩm. Trên thực tế, Công ty đã tiến hành nhiều hoạt động quảng cáo, tiếp thị khá đa dạng như: tham gia các hội chợ thương mại trong nước (Hội chợ Hà Nội Xanh 2002, Hội chợ thương mại Bắc Ninh, Hội chợ Hàng Việt Nam chất lượng cao hàng năm,...); áp dụng các chính sách hỗ trợ cước vận chuyển hàng hoá cho khách hàng; trích hoa hồng và thưởng cho các đại lý có doanh số lớn,...

Bên cạnh đó, Công ty cũng tham gia tích cực vào các hoạt động mang tính xã hội như: xây nhà tình nghĩa cho các đối tượng chính sách; ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, thiên tai; đóng góp, ủng hộ địa phương trong việc xây dựng các công trình công cộng, các hoạt động bảo vệ môi trường của Địa phương. Cụ thể năm 2009 và 6 tháng năm 2010, Công ty và CBCNV đã tích cực tham gia các hoạt động ủng hộ như sau:

Bảng 11: Các hoạt động ủng hộ năm 2009

TT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)
1	Ủng hộ Quỹ Nối vòng tay nhân ái do Tỉnh ủy, UBND tỉnh Bắc Ninh phát động năm 2009	2.000.000.000
2	Ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo	88.000.000
3	Ủng hộ Hội nông dân	15.000.000
4	Ủng hộ quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Bắc Ninh	10.000.000
5	Ủng hộ quỹ khuyến học	5.000.000



TT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)
6	Ứng hộ xây dựng cầu Poko	50.000.000
Tổng		2.168.000.000

6.10. Nhãn hiệu hàng hoá và đăng ký bảo hộ

Hiện tại, Công ty đang sử dụng 06 nhãn hiệu hàng hoá cho các sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm, thủy cầm và 01 nhãn hiệu hàng hoá cho thức ăn thủy sản:

- Thức ăn chăn nuôi cao cấp DABACO.
- Thức ăn chăn nuôi cao cấp TOPFEEDS.
- Thức ăn chăn nuôi cao cấp NASACO.
- Thức ăn chăn nuôi cao cấp KHANGTIVINA.
- Thức ăn chăn nuôi cao cấp GROWFEED.
- Thức ăn chăn nuôi cao cấp KINH BẮC.
- Thức ăn thủy sản KINH BẮC.

Trong số các nhãn hiệu hàng hoá trên, Công ty đã đăng ký bảo hộ đối với 04 nhãn hiệu hàng hoá là:

Nhãn hiệu của Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam và nhãn hiệu Thức ăn chăn nuôi cao cấp KHANGTI VINA theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 47420 do Cục Sở hữu Công nghiệp Việt Nam cấp ngày 12/6/2003.



Nhãn hiệu Thức ăn chăn nuôi cao cấp DABACO theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 44572 do Cục Sở hữu Công nghiệp Việt Nam cấp ngày 23/12/2002.



Nhãn hiệu Thức ăn chăn nuôi cao cấp TOPFEEDS theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 46574 do Cục Sở hữu Công nghiệp Việt Nam cấp ngày 07/5/2003.



Nhãn hiệu Thức ăn chăn nuôi cao cấp NASACO theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 65506 do Cục Sở hữu Công nghiệp Việt Nam cấp ngày 03/04/2006.



6.11. Các hợp đồng lớn đã ký kết và thực hiện

Bảng 12: Danh sách các hợp đồng ký kết và thực hiện năm 2009/2010



STT	Ngày ký hợp đồng	Tên đối tác	Nội dung	Giá trị Hợp đồng (USD)
1	Từ 25/11/2009 đến 21/01/2010	Great Ocean Oil (Trung Quốc)	Nhập khẩu khô đỗ	2.425.000
2	Từ 18/12/2009 đến 25/03/2010	Concordia (Argentina)	Nhập khẩu khô đỗ	2.255.000
3	Từ 20/01/2010 đến 15/4/2010	Crossland (Argentina)	Nhập khẩu ngô	1.095.750
	Từ 26/01/2010 đến 30/03/2010	Bunge Agribusiness Singapore PTE LTD (Singapore)	Nhập khẩu khô đỗ	2.555.000
4	Từ 25/02/2010 đến 30/6/2010	Concordia (Argentina)	Nhập khẩu ngô	2.119.500

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm 2008 – 2009 và quý III/2010

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm 2008 – 2009 và quý III/2010

Bảng 13: Chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh

(Đơn vị: Nghìn đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	% tăng/giảm	9 tháng năm 2010
Tổng giá trị tài sản	812.543.952	1.394.589.025	71,63%	1.861.081.994
Doanh thu thuần	1.439.166.478	1.714.529.872	19,13%	1.825.602.918
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	58.026.371	89.977.351	55,06%	169.621.948
Lợi nhuận khác	2.891.856	1.576.955	-45,47%	920.386
Lợi nhuận trước thuế	60.918.223	91.554.305	50,29%	170.542.335
Lợi nhuận sau thuế	54.154.009	81.667.744	50,81%	147.511.961
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	15%	15%	-	-

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2008, 2009 và Báo cáo tài chính quý 3 năm 2010)



Ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi được đánh giá là khá triển vọng tại thị trường Việt Nam do năng lực sản xuất vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu của thị trường. Thị trường cũng khá tập trung với số lượng các công ty ít nên tỷ suất sinh lợi cao.

Nhìn chung, kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2009 được đánh giá là rất khả quan xét từ góc độ phân tích các chỉ tiêu tài chính. Năm 2009, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có sự tăng trưởng cả về tài sản, doanh thu và lợi nhuận, cụ thể:

Bảng 14: Tốc độ tăng trưởng của Tổng tài sản

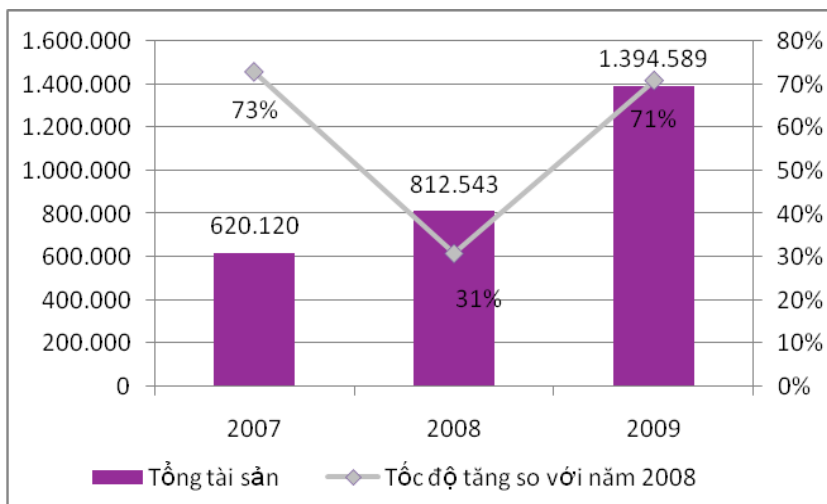
Đơn vị: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	% tăng/giảm	30/09/2010
Tài sản ngắn hạn	531.615.721	845.825.718	59%	1.125.074.464
Tài sản dài hạn	280.928.230	548.763.307	95%	736.007.530
Tổng	812.543.952	1.394.589.025	71%	1.861.081.994

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)

Tổng tài sản của Công ty năm 2009 tăng 71% so với năm 2008. Vốn chủ sở hữu và tổng tài sản liên tục tăng lên nhưng với tốc độ tăng thấp hơn tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận. Điều này chứng tỏ việc tăng vốn để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh đã mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp. Với các kết quả tốt đạt được trong các năm qua, có thể thấy Dabaco đang trong giai đoạn tăng trưởng mạnh nhất, kể từ sau giai đoạn cổ phần hóa năm 2005.

Biểu 6: Tốc độ tăng trưởng của tổng tài sản



(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)

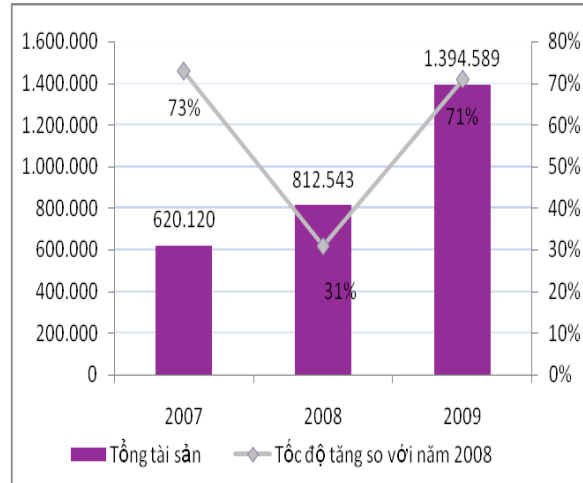
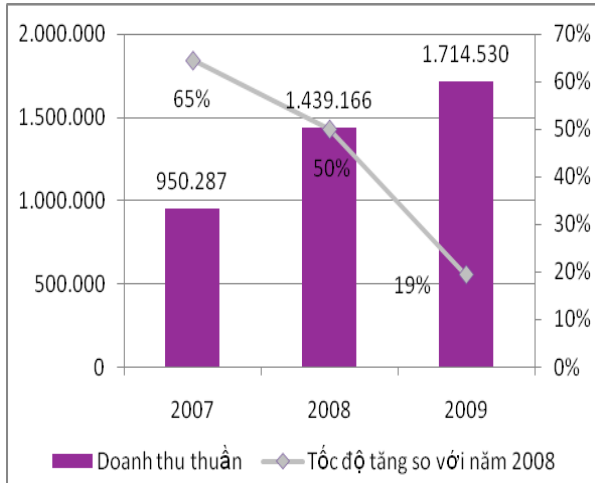
Doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty liên tục tăng mạnh kể từ năm 2006. Tốc độ tăng trưởng doanh thu năm 2009 so với năm 2008 đạt 19%. Đặc biệt, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế đạt trên 50%, mức tăng gấp ba lần so với mức tăng trưởng doanh thu.



Biểu 7: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Doanh thu thuần và tốc độ tăng trưởng

Lợi nhuận sau thuế và tốc độ tăng trưởng



(Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2008, 2009 và BCTC quý II/2010)

Chỉ trong 6 tháng đầu năm 2010, doanh thu của công ty đã đạt 1.169 tỷ đồng. Đóng góp vào doanh thu 6 tháng đầu năm 2010 phải kể đến doanh thu đột biến từ lĩnh vực bất động sản, chiếm 23% trong tổng doanh thu.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2008, 2009 và Báo cáo tài chính quý III/2010 của Công ty được nêu tại Phụ lục IV của Bản cáo bạch này.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2008 - 2009

a) Thuận lợi

- Sau 14 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong công tác tổ chức, chỉ đạo sản xuất thức ăn chăn nuôi, nuôi giữ đàn giống gốc và sản xuất gia súc, gia cầm và thủy cầm. Do vậy, mặc dù lĩnh vực luôn chịu nhiều tác động từ biến động giá nguyên vật liệu đầu vào sản xuất thức ăn chăn nuôi, dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, nhưng kết quả sản xuất thức ăn chăn nuôi của Công ty luôn đạt tốt, bảo vệ thành công đàn gia súc gia cầm của các xí nghiệp, sản phẩm của công ty ngày càng được đa dạng hóa, được người tiêu dùng đánh giá cao và khẳng định được vị thế trên thị trường.
- Năm 2009 là năm Công ty có sự đổi mới mạnh mẽ về công tác tổ chức và quản trị nhằm thích ứng tốt hơn với tình hình mới, sẵn sàng với những cơ hội và thách thức trong thời kỳ hội nhập.



- Đội ngũ quản lý lãnh đạo của công ty đều có nhiều năm làm việc, gắn bó và có tâm huyết với với sự phát triển của Công ty.

b) Khó khăn

- Năm 2009 là năm có nhiều biến động bất thường đối với nền kinh tế thế giới và là năm hết sức khó khăn đối với kinh tế Việt Nam. Ngành sản xuất nông nghiệp cũng chịu ảnh hưởng chung từ khủng hoảng kinh tế, giá cả nguyên liệu để sản xuất thức ăn chăn nuôi biến động phức tạp; tình hình dịch bệnh diễn biến bất thường khiến người chăn nuôi không có hiệu quả, thu hẹp quy mô chăn nuôi, số lượng đầu gia súc gia cầm giảm, tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Trong điều kiện hội nhập khi Việt Nam gia nhập WTO vừa tạo ra cơ hội mới vừa đem lại những thách thức lớn đối với các doanh nghiệp ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi. Sản phẩm thức ăn chăn nuôi của Việt Nam, trong đó có sản phẩm của công ty phải chịu sự cạnh tranh gay gắt từ các sản phẩm của các doanh nghiệp nước ngoài.
- Tốc độ phát triển của công ty cao trong những năm gần đây, hoạt động quản trị doanh nghiệp của công ty chưa đáp ứng kịp với tốc độ phát triển của công ty.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Vị thế của Công ty đã và đang từng bước được khẳng định trong quá trình hoạt động và phát triển những năm qua. Từ chỗ là một doanh nghiệp nhà nước có xuất phát điểm thấp với số lượng cán bộ công nhân viên ban đầu chỉ có 30 người, cơ sở vật chất nghèo nàn, thiết bị máy móc lạc hậu, số vốn điều lệ hạn chế với 200 triệu đồng, qua 14 năm hoạt động, Công ty đã đạt được những sự tiến bộ vượt bậc. Mức vốn điều lệ hiện tại của Công ty đạt 254 tỷ đồng và dự kiến Công ty sẽ tăng mức vốn điều lệ lên 436 tỷ đồng. Tổng số lao động trong Công ty đã tăng lên trên 1.600 người, trong đó 25% có trình độ đại học và cao đẳng.

Trong 14 năm hoạt động, quy mô sản xuất kinh doanh của Công ty đã tăng trưởng mạnh mẽ. Từ một nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi được Công ty thành lập năm 1996 với công suất 4 tấn/giờ, cho đến nay, Công ty đã có 17 nhà máy, xí nghiệp và công ty trực thuộc, trong số đó có nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp với công suất lên tới 250.000 tấn/năm. Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng được phát triển theo hướng chuyên nghiệp và đa dạng hơn. Sản xuất thức ăn chăn nuôi vẫn là thế mạnh chính của Công ty, trong đó các sản phẩm của Công ty ngày càng được đa dạng hoá về chủng loại, mẫu mã cũng như được nâng cao về chất lượng để có thể đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng của thị trường chăn nuôi gia súc, gia cầm. Bên cạnh đó, Công ty cũng tập trung phát triển hoạt động sản xuất và cung cấp con giống (gà, lợn,



ngan, vịt) cho thị trường. Các lĩnh vực sản xuất này vừa khai thác được các thế mạnh của Công ty trong việc sản xuất con giống và chăn nuôi tập trung quy mô lớn (nguồn cung cấp nguyên liệu, kỹ thuật, đất đai, nhà xưởng...) và đồng thời cũng góp phần thúc đẩy hoạt động chế biến thức ăn chăn nuôi của Công ty.

Với chiến lược đầu tư phát triển hợp lý trong những năm qua, Công ty đã trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong ngành công – nông nghiệp của tỉnh Bắc Ninh nói riêng cũng như trên phạm vi cả nước nói chung. Sản phẩm thức ăn chăn nuôi của Công ty luôn nằm trong danh sách các sản phẩm thức ăn chăn nuôi đứng đầu của Việt Nam, cạnh tranh trực tiếp với sản phẩm của các doanh nghiệp nước ngoài (CP, PROCONCO,...). Các thương hiệu sản phẩm của Công ty như KHANGTI VINA, DABACO, TOPFEEDS đã trở nên quen thuộc và giữ vị trí vững chắc trên thị trường thức ăn chăn nuôi trong nước. Theo điều tra đánh giá tổng thể, các sản phẩm của Công ty chiếm khoảng 20% thị trường thức ăn chăn nuôi tại các tỉnh miền Bắc và miền Trung - thị trường chủ yếu của Công ty và chiếm khoảng 6% tổng thị trường của cả nước. Để giữ vững và phát triển thị phần hoạt động của mình, Công ty không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, thực hiện các biện pháp kiểm soát tốt chi phí để hạ giá thành sản phẩm, từ đó tăng sức cạnh tranh của các sản phẩm thức ăn chăn nuôi của Công ty trên thị trường. Kết quả của những nỗ lực này là các danh hiệu, phần thưởng cao quý mà Công ty đã được các ngành, các cấp từ trung ương đến địa phương trao tặng: 7 năm liền đạt Giải thưởng Chất lượng Việt Nam (2000-2006); Danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2007”; Giải thưởng Sao vàng đất Việt (2004); Cúp vàng Thương hiệu và Nhãn hiệu (2005),... Đặc biệt, Công ty vinh dự được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới” (2004) để công nhận những đóng góp to lớn của Công ty cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nói riêng và của cả nước nói chung.

Từ năm 2010, Công ty mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực kinh doanh bất động sản. Là một doanh nghiệp mới trong ngành, nhưng Công ty nhanh chóng vươn lên thành một doanh nghiệp có vị thế lớn tại thị trường bất động sản tỉnh Bắc Ninh. Công ty có lợi thế lớn từ việc chuyển mục đích sử dụng đất từ các nhà máy, xí nghiệp cũ gần khu dân cư gây ô nhiễm sang đất xây dựng nhà ở để bán. Cụ thể như, khu nhà ở Huyện Quang 1 rộng 4ha, Huyện Quang 2 rộng 1,5ha có được từ chuyển mục đích sử dụng từ Nhà máy thức ăn chăn nuôi, do di chuyển sang khu vực xa khu dân cư; Khu nhà ở để bán ở huyện Thuận Thành rộng 5.2ha có được từ chuyển mục đích sử dụng của Xí nghiệp giống gia súc gia cầm. Ngoài ra, Công ty còn có rất nhiều dự án đáng chú ý như Khu công nghiệp Quế Võ III, Khu đô thị Đền Đô, Khu đô thị và dịch vụ Vạn An, tất cả các dự án này đều dự kiến mang lại lợi nhuận đáng kể cho Công ty, hỗ trợ mạnh mẽ ngành kinh doanh truyền thống là sản xuất thức ăn chăn nuôi.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

**Triển vọng phát triển ngành thức ăn chăn nuôi**

Nước ta là một nước nông nghiệp lấy ngành chăn nuôi làm trọng điểm. Hiện nay, ngành chăn nuôi nước ta đang có ưu thế về tốc độ tăng trưởng, luôn ở mức cao hơn so với tốc độ tăng trưởng của cả ngành nông nghiệp. Năm 2008, tỷ trọng của ngành chăn nuôi trong nông nghiệp chiếm 22,5%, tổng giá trị toàn ngành chăn nuôi đạt 21.980 tỷ đồng. Chất lượng giống và kỹ thuật chăn nuôi đã được cải thiện, phương thức chăn nuôi trang trại, hàng hoá bước đầu hình thành và phát triển nhanh về số lượng và quy mô. Bên cạnh đó công nghệ chăn nuôi đã có những tiến bộ đáng kể. Đây là điều kiện thuận lợi cho ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi phát triển. Những năm gần đây, công nghệ chế biến thức ăn chăn nuôi phát triển nhanh với tỷ trọng thức ăn công nghiệp chiếm gần 39% tổng lượng thức ăn tinh.

Về cơ cấu vật nuôi, đàn vật nuôi của nước ta hiện nay đã phát triển hoàn chỉnh và phong phú: gồm có đàn bò, đàn trâu, ngựa, đàn lợn, đàn dê, cừu, và đàn gia cầm. Trong đó, giá trị sản xuất ngành chăn nuôi lợn và gia cầm chiếm tỷ trọng cao, tiếp đến là bò thịt. Chăn nuôi lợn từ trước đến nay luôn giữ vai trò chủ đạo trong ngành chăn nuôi cả nước. Ngoài ra, ngành nuôi trồng thủy hải sản nước ta cũng đang ngày được quan tâm, hiện nay sản lượng thủy hải sản nước ta hiện nay là 2063,8 nghìn tấn, với qui mô sản xuất như vậy, lượng thức ăn chăn nuôi cho ngành này là một nhu cầu cấp thiết. Chiến lược phát triển nông nghiệp từ năm 2000 đến năm 2010 đã xác định rõ: Chăn nuôi là hướng phát triển quan trọng, lâu dài của sản xuất nông nghiệp, là ngành có thể mạnh, có tỷ suất hàng hóa cao. Cần tập trung đầu tư phát triển ngành chăn nuôi đặc biệt là chăn nuôi lợn trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Theo đó, việc đầu tư cho ngành chế biến thức ăn chăn nuôi của nước ta cũng đang trong giai đoạn cần được quan tâm đúng mức.

Trong những năm qua ngành chăn nuôi Việt Nam có tốc độ phát triển mạnh, trung bình từ 8-9%/năm. Mặc dù vậy, bình quân thực phẩm trên đầu người còn thấp. Thống kê năm 2006, trung bình mỗi người chỉ sử dụng 36kg thịt, 47 quả trứng, 2,5kg sữa tươi. Đàn gia súc gia cầm tương đối lớn nhưng tốc độ tăng trưởng thấp, phát triển chậm cùng với dịch bệnh thường xuyên xảy ra. Trong khi đó, ngành sản xuất TĂCN tuy ra đời muộn nhưng có tốc độ phát triển nhanh, bình quân từ năm 2001 – 2006 là 17,8%. Theo Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, mỗi năm Việt Nam sản xuất được gần 6 triệu tấn thức ăn chăn nuôi công nghiệp cho gia súc, gia cầm; 2,4 triệu tấn thức ăn chăn nuôi thủy sản. Tuy vậy, với quy mô và tiềm năng tăng trưởng của ngành chăn nuôi Việt Nam hiện nay, nhu cầu thức ăn chăn nuôi vào khoảng 17-18 triệu tấn/năm, như vậy sản lượng thức ăn chăn nuôi công nghiệp mới chỉ đáp ứng được 50% nhu cầu, còn lại người chăn nuôi phải thức ăn chăn nuôi tự chế hoặc nhập khẩu.



Nhu cầu lớn trong nước và tầm quan trọng của ngành chăn nuôi trong cơ cấu ngành nước ta là cơ sở để đầu tư cho ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi. Định hướng đầu tư mới cho ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi Việt Nam hướng tới việc khuyến khích phát triển hệ thống sản xuất hiện đại và hiệu quả. Nhà nước đã và đang định hướng hỗ trợ cho các doanh nghiệp Việt Nam rõ ràng hơn, như hỗ trợ đào tạo kỹ thuật, đào tạo nghiên cứu sản xuất để các doanh nghiệp Việt Nam có đủ nhân lực đáp ứng được nhu cầu phát triển của ngành và cạnh tranh với sản phẩm của nước ngoài có thể tràn vào Việt Nam.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới

Căn cứ vào triển vọng phát triển chung của ngành, các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, xu thế hội nhập quốc tế của đất nước cũng như khả năng tăng trưởng của Công ty trong giai đoạn sắp tới, có thể thấy chiến lược phát triển được Công ty lựa chọn là hoàn toàn phù hợp. Mục tiêu đang được Công ty hướng đến đó là phải trở thành một tập đoàn mạnh hoạt động theo một chu trình công nghệ sản xuất tiên tiến, liên hoàn và khép kín từ giống - thức ăn - gia công - chế biến và xuất khẩu thực phẩm.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 30/06/2010 là 1.600 người, tuổi đời trung bình là 31 tuổi. Trong đó, 100 % cán bộ quản lý cấp trưởng phòng, ban Giám đốc, phó Giám đốc các đơn vị trực thuộc có trình độ chuyên môn Đại học và trên Đại học, 100% người lao động được huấn luyện và đào tạo thành thạo các quy trình chuyên môn kỹ thuật khi tham gia lao động. Số lượng lao động phân theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 15: Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/06/2010

Đơn vị: Người

Trình độ học vấn	Gián tiếp		Lao động trực tiếp	Tổng cộng:	Tỷ lệ (%)
	LĐ gián tiếp	Trong đó: Quản lý			
Cao học	20	20		20	1,3
Đại học	350	90		350	21,9
Cao đẳng	100	0	30	130	8,1
Trung cấp	50	0	250	300	18,8
Nghề			450	450	28,1
Khác	10	0	340	350	21,9



Trình độ học	Gián tiếp		Lao động	Tổng	Tỷ lệ (%)
Tổng cộng:	530	109	1.070	1.600	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)

9.2. Chính sách đối với người lao động

a) Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày; 6 ngày/tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ luật Lao động. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty, nhân viên lại được cộng thêm 01 ngày phép.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, nhân viên còn được hưởng thêm 01 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm Xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện, trang thiết bị hiện đại nhất để thực hiện công việc, đảm bảo vệ sinh và an toàn lao động. Công ty tổ chức ăn ca cho toàn thể cán bộ nhân viên; tạo điều kiện cho người lao động tham gia các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp.

Tạo điều kiện cho người lao động có thể thi tài năng, công nhận thành quả lao động của họ, đồng thời có biện pháp hỗ trợ người lao động hoàn thành vượt mức yêu cầu. Một mặt là trách nhiệm, mặt khác thể hiện sự quan tâm và tình cảm của ban lãnh đạo Công ty đối với CNCNV.

Xây dựng các mối quan hệ nhân sự gắn bó, thu hút mọi người tham gia ý kiến vào những vấn đề quản lý quan trọng; xây dựng tinh thần đồng đội, bầu không khí tâm lý, tinh thần đoàn kết là môi trường quan trọng nhất của Công ty.

b) Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc để đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Mặc dù tùy theo từng vị trí cụ thể, Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, có tinh thần làm việc nhiệt tình, ham học hỏi, chủ động trong công việc. Đối với



các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, trình độ về ngoại ngữ và tin học.

Thu hút nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để nhân viên gắn bó lâu dài với Công ty, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Đào tạo: Công ty chú trọng vào việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, đặc biệt là bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ, nhân viên trong Công ty. Ngoài việc đào tạo tại chỗ, Công ty cũng thường xuyên cử cán bộ, nhân viên tham gia các khoá đào tạo tại các trường, các trung tâm trong và ngoài nước.

Tạo điều kiện về thời gian cho người lao động có nhu cầu được tự túc việc học tập nâng cao trình độ. Trong những trường hợp cần thiết, xuất phát từ nhu cầu chung của Công ty, hoặc xét hoàn cảnh đặc biệt của người lao động, Công ty sẽ có chính sách hỗ trợ toàn bộ hoặc một phần kinh phí đào tạo. Những năm qua, công ty đã hỗ trợ kinh phí cho 30 cán bộ quản lý tốt nghiệp cao học và hiện đang hỗ trợ cho 10 cán bộ theo học chương trình ca học của Khoa quản trị kinh doanh – Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nhằm phát huy tinh thần sáng tạo của CBCNV trong sản xuất, kinh doanh liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, Công ty đã thành lập Hội đồng sáng kiến hàng tuần (khi có sáng kiến cải tiến) sẽ họp và đánh giá các sáng kiến, đồng thời có ý kiến phản hồi trong mọi trường hợp và ra quyết định. Những sáng kiến có giá trị thực tế, Hội đồng sáng kiến phân công người thực hiện và tạo mọi điều kiện thuận lợi để sáng kiến được thực hiện và áp dụng rộng rãi.

c) Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Lương: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. Cán bộ công nhân viên khối văn phòng và gián tiếp được hưởng lương tháng, công nhân sản xuất trực tiếp được hưởng lương công nhật. Hệ số lương được xét dựa theo cấp bậc và tay nghề.

Thưởng: Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả làm việc, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật.

Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên: Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động khá hiệu quả, các phong trào thể dục thể thao, văn nghệ của công nhân viên diễn ra hàng năm rất sôi nổi, tạo điều kiện cho công nhân viên trong Công ty nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khoẻ. Ngoài ra, cán bộ công nhân viên Công ty còn được tổ chức đi nghỉ mát vào các dịp nghỉ lễ



hàng năm. Bên cạnh đó, công ty còn quan tâm đến thân nhân của CBCNV như thường cho con người lao động học giỏi vào các dịp khai giảng và các ngày lễ trong năm, thăm hỏi cha mẹ, vợ chồng người lao động ốm đau, việc hiếu,...

Chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên: Nhằm tạo sự gắn bó lâu dài của cán bộ công nhân viên với Công ty và tạo động lực khuyến khích các cán bộ công nhân viên làm việc, Công ty thực hiện chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên dưới hình thức bán cổ phiếu với giá ưu đãi so với giá thị trường.

10. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới.

Trong những năm gần đây, Công ty đều duy trì mức lợi nhuận khá cao và mức cổ tức cho cổ đông:

- Tỷ lệ trả cổ tức của Công ty năm 2008: 15%/năm.
- Tỷ lệ trả cổ tức của Công ty năm 2009: 15%/năm.

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

a) Trích khấu hao tài sản cố định

Công ty áp dụng trích khấu hao theo Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	13-15
Máy móc, thiết bị	6-10
Phương tiện vận tải	6-10
Thiết bị quản lý	3-5
Tài sản cố định vô hình	45

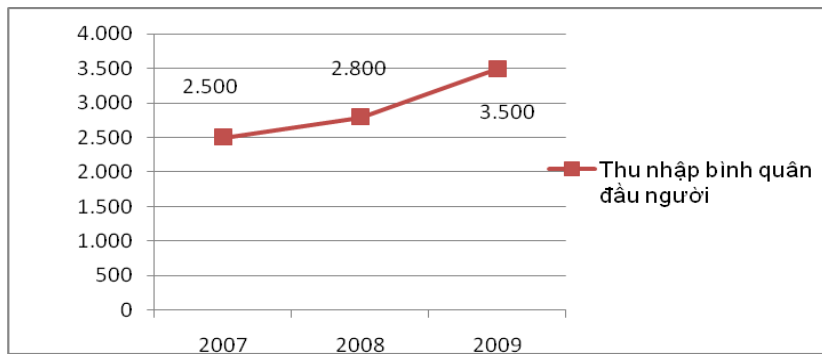


(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)

b) Mức thu nhập bình quân của người lao động

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty trong năm 2008 và 2009 trong khoảng 2.800.000 – 3.500.000 đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập tương đối cạnh tranh so với mức thu nhập bình quân của người lao động ở các doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực và cùng địa bàn.

Biểu 8: Thu nhập bình quân đầu người qua các năm (Đơn vị: Nghìn đồng)



(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)

c) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ đến hạn của Công ty đều được thanh toán đầy đủ trong các năm qua. Hiện tại, Công ty không có nợ quá hạn.

Biểu 16: Chi tiết nợ ngắn hạn và dài hạn của Công ty năm 2008, 2009 và 30/09/2010

Đơn vị: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008		31/12/2009		30/09/2010	
	Tổng số	Số quá hạn	Tổng số	Số quá hạn	Tổng số	Số quá hạn
Nợ ngắn hạn	348.338.815	-	538.980.442	-	814.824.197	-
Nợ dài hạn	162.481.322	-	232.600.572	-	293.649.412	-
Tổng số	510.820.137	-	771.581.014	-	1.108.473.608	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)

d) Các khoản phải nộp theo luật định

Các nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước được Công ty nghiêm chỉnh thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật.

Tổng số tiền thuế đã nộp năm 2008: 50.860 triệu đồng.

Tổng số tiền thuế đã nộp năm 2009: 61.220 triệu đồng



Các nghĩa vụ nợ khác như: Phải trả người bán, Phải trả công nhân viên, Phải trả phải nộp khác đều được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ.

e) Trích lập các quỹ

Sau khi kết thúc niên độ tài chính (31/12), Công ty tiến hành trích lập các quỹ trên cơ sở từ lợi nhuận sau thuế đạt được. Các quỹ như quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ dự phòng tài chính sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tỷ lệ trích lập tùy theo kết quả hoạt động sản xuất trong năm và mục tiêu phát triển của Công ty.

Bảng 17: Số dư các quỹ của năm 2008 và 2009

Đơn vị: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009
Quỹ dự phòng tài chính	1.887.575	5.786.002
Quỹ đầu tư phát triển	13.733.918	54.086.035
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	4.702.787	7.831.000
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	2.147.242	5.529.716
Tổng số	22.471.522	73.232.753

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là quỹ khen thưởng phúc lợi được sử dụng để thưởng cho nhân viên Công ty.

f) Tổng dư nợ vay tính đến thời điểm 30/06/2010

Bảng 18: Số dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn năm 2008 – 2009 và 30/09/2010

Đơn vị: Nghìn đồng

Đối tượng	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010	Ghi chú
Vay ngắn hạn	240.558.671	358.099.820	510.360.452	
Văn phòng công ty và 4 nhà máy	239.018.671	319.707.341		



Đối tượng	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010	Ghi chú
NH Công thương Bắc Ninh	22.496.925	120.873.521	114.863.099	(b)
NH TMCP Quốc tế VIB	1.949.265	-	71.248.709	(d)
NH NN&PTNT Bắc Ninh	134.580.377	95.188.734	154.108.594	
NH TMCP Kỹ thương Việt Nam	18.833.390	52.206.784	-	(e)
NH Hồng Kông và Thương Hải – CN Hà Nội	61.158.714	-	-	
NH Hàng Hải – Bắc Ninh	-	34.111.006	82.612.621	
NH Ngoại thương Việt Nam – Bắc Ninh	-	17.327.296	49.890.361	(a)
NH NN Từ Sơn Bắc Ninh	-	-	36.787.066	
Khác	1.540.000	1.870.261	850.000	
Cty TNHH TM&DV Bắc Ninh				
- NH TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	25.755.428		
Cty TNHH Thương mại Hiệp Quang				
- NH Công thương – Bắc Ninh	-	10.766.790		
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	19.565.785	8.664.803	
NH TMCP Quốc tế Việt Nam VIB	-	13.432.607		
NH TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	6.133.178		
Vay dài hạn	123.265.277	199.659.893	292.006.127	
NH TMCP Quốc tế Việt Nam	44.344.607	30.022.767	30.022.767	(d)
NH NN&PTNT tỉnh Bắc Ninh	5.313.828	7.400.000	12.996.325	



Đối tượng	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010	Ghi chú
NH TMCP Kỹ thương Bắc Ninh	10.585.967	29.779.772	44.200.623	(e)
NH Hàng Hải – Bắc Ninh	-	1.900.000	1.600.000	(c)
NH Công thương Bắc Ninh	-	22.811.196	72.100.350	(b)
NH Ngoại thương Bắc Ninh		23.904.603	36.586.061	(a)
NH Phát triển Bắc Ninh	4.808.000	-	-	
NH Công thương Sadec	58.212.875	83.841.555	92.000.000	
Vay các đối tượng khác	16.879.360	1.625.000	2.500.000	
Tổng	363.823.948	577.325.498	811.031.382	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)

(a): Khoản vay NH TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh với hạn mức tín dụng là 135.000.000.000đ để đầu tư xây dựng Nhà máy thức ăn chăn nuôi cao cấp Nutreco Hoàn Sơn.

(b): Khoản vay từ NH TMCP Công thương – chi nhánh Bắc Ninh là để đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Quế Võ III với hạn mức tín dụng là 200.000.000.000đ.

(c): Khoản vay từ NH TMCP Hàng Hải – Chi nhánh Bắc Ninh là để đầu tư xây dựng trụ sở cho chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh có hạn mức tín dụng là 1.900.000đ.

(d): Khoản vay từ NH TMCP Quốc Tế - Sở giao dịch Hà Nội là để đầu tư Nhà máy Dabaco II, Nhà máy thức ăn công nghiệp thủy sản với hạn mức tín dụng lần lượt là 45.000.000.000đ và 30.000.000.000đ.

(e): Khoản vay từ NH TMCP Techcombank – chi nhánh Bắc Ninh là để đầu tư xây dựng Nhà máy giết mổ, Khu công nghiệp và môi trường sinh thái và kế hoạch 1.600 nái với hạn mức tín dụng lần lượt là 16.000.000.000đ, 50.000.000.000đ và 10.000.000.000đ.

g) Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 19: Các khoản phải thu đến thời điểm 30/09/2010

Đơn vị: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008		31/12/2009		30/06/2010	
	Tổng số	Số quá hạn	Tổng số	Số quá hạn	Tổng số	Số quá hạn
Phải thu từ khách	54.577.373	-	31.264.494	-	136.303.693	-



Chỉ tiêu	31/12/2008		31/12/2009		30/06/2010	
	Tổng số	Số quá hạn	Tổng số	Số quá hạn	Tổng số	Số quá hạn
hàng						
Trả trước cho người bán	117.263.346	-	55.351.601	-	125.315.791	-
Thuế GTGT được khấu trừ	504.272	-	687.368	-	3.765.680	-
Phải thu khác	1.348.147	-	961.341	-	1.417.839	-
Tổng số	173.693.138	-	88.264.804	-	266.803.003	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)

Các khoản phải thu khách hàng tại thời điểm 31/12/2009 giảm so với năm 2008, do Công ty tăng cường việc thu tiền từ khách hàng.

Bảng 20: Các khoản phải trả

Đơn vị: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008		31/12/2009		30/09/2010	
	Tổng số	Số quá hạn	Tổng số	Số quá hạn	Tổng số	Số quá hạn
Nợ ngắn hạn	348.338.815	-	538.980.442	-	814.824.197	-
Vay ngắn hạn	240.558.671	-	377.665.605	-	519.025.255	-
Phải trả cho người bán	43.188.844	-	76.625.315	-	138.904.699	-
Người mua trả tiền trước	34.036.657	-	56.101.336	-	14.175.868	-
Các khoản thuế phải nộp	9.549.002	-	11.951.159	-	99.489.977	-
Phải trả cho công nhân viên	6.916.444	-	10.810.260	-	10.965.049	-
Phải trả khác	14.089.198	-	5.826.767	-	23,403,828	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	8.859.518	-
Nợ dài hạn	162.481.323	-	232.600.572	-	293.649.412	-



Chỉ tiêu	31/12/2008		31/12/2009		30/09/2010	
	Tổng số	Số quá hạn	Tổng số	Số quá hạn	Tổng số	Số quá hạn
Nợ khác	-		-		-	-
Tổng cộng	510.820.138		771.581.014		1.108.473.608	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)

Tổng vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty tại thời điểm quý III/2010 tăng lên so với năm 2009 và năm 2008 do Công ty đầu tư đảm bảo dự trữ nguyên liệu cho các 6 tháng cuối năm và tài trợ cho các dự án kinh doanh bất động sản trong năm 2010.

Số tiền phải trả người bán tăng do khoản thanh toán của khách hàng nhập nguyên liệu chưa đến hạn thanh toán.

h) Các khoản mục đầu tư xây dựng cơ bản dở dang

Bảng 21: Danh sách các khoản mục xây dựng cơ bản dở dang đến thời điểm 30/06/2010

Đơn vị: Nghìn đồng

TT	Tên	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010	Ghi chú
	Văn phòng Công ty và 4 Nhà máy				
1.	Nhà máy TOPFEEDS	381.424	1.603.202	3.704.982	
2.	Nhà máy giết mổ gia cầm	6.870.245	16.005.457	8.350.048	
3.	Khu Chăn nuôi Tân Chi	-	18.887.144	49.656.457	
4.	Nhà máy Nutreco Hoàn Sơn	-	36.497.838	60.471.769	
5.	KCN Quế Võ 3	-	7.420.909	76.101.286	
6.	Dabaco Tây Bắc	1.332.948	1.332.948	1.332.948	
7.	Siêu thị Bắc Ninh (đường Lý Thái Tổ)	1.222.880	2.479.923	5.090.742	
8.	Công trình nhà máy Dabaco 2	5.886.818	61.722	-	
9.	Dự án Nhà trẻ mẫu giáo TP Bắc Ninh	-	-	1.220.959	
10.	Nhà máy xử lý trứng sạch Yên	-	-	27.227	



TT	Tên	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010	Ghi chú
	Phong				
11.	Dự án rau sạch	-	-	232.222	
12.	Xí nghiệp Ngan Lạc Vệ	-	1.067.597	124.915	
	Khác	36.852	36.852	1,975,253	
13.	Công ty giống lợn Dabaco	10.536.318	5.587.451	1.654.652	
14.	CTCTP Dabaco Sông Hậu	19.805.868	41.565.926	74.007.542	
15.	Cty ĐTPPT Chăn nuôi gia công	-	2.843.858	-	
16.	Cty TNHH Thương mại Dịch vụ Bắc Ninh	-	1.177.600	1.177.600	
Tổng cộng		46.073.353	136.568.427	285.128.604	

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008 và 2009 và Báo cáo tài chính quý 3 năm 2010

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 22: Các chỉ tiêu tài chính của công ty năm 2008 – 2009 và 30/09/2010

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2008	Năm 2009	30/09/2010
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,53	1,57	1,38
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,91	0,93	0,50
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	62,87	55,33	43,58
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	173,11	127,39	109,48
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Hệ số Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho	Lần	6	4	2
Hệ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	177%	123%	98%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4%	5%	8%



Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	18%	13%	20%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7%	6%	8%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4%	5%	9%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)

Nhận xét:

Về khả năng thanh toán: Nhìn chung, các hệ số thanh toán của công ty là tương đối tốt so với các doanh nghiệp cùng ngành. Điều này cho thấy, Công ty đã kiểm soát tốt khả năng thanh toán của mình, cụ thể năm 2008, 2009, hệ số thanh toán ngắn hạn của công ty được duy trì ở mức lần lượt là 1,53; 1,57. Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh có giảm nhẹ trong quý III/2010 do công ty đầu tư nhiều vào các dự án bất động sản của mình.

Về cơ cấu vốn: Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn qua các năm 2008 và 2009 cho thấy công ty đang tài trợ cho các hoạt động kinh doanh của mình phần lớn từ nợ vay và chiếm dụng vốn. Hệ số Nợ/tổng tài sản năm 2008 và 2009 lần lượt là 55,33 và 62,87 lần trong khi đó Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu lần lượt là 171,86 và 126,24 lần.

Về năng lực hoạt động: Hệ số doanh thu thuần/tổng tài sản của công ty là tương đối cao, cụ thể là trong các năm 2008 và 2009, hệ số này lần lượt là 177% và 123%. Trong năm 2010, công ty còn mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực bất động sản và có được lợi nhuận cao từ lĩnh vực này. Do vậy, hệ số doanh thu thuần/tổng tài sản dự kiến sẽ còn tăng cao trong các năm tới.

Về khả năng sinh lời: lợi nhuận của Công ty liên tục tăng trong giai đoạn 2008 – 2009 và quý III/2010 do đó các chỉ tiêu về lợi nhuận của Công ty cũng tăng trưởng tương ứng. Các chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần, ROA và ROE trong năm 2009 lần lượt là 5%; 6% và 32% đều tăng so với năm 2008.

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị - ÔNG NGUYỄN NHƯ SƠ

Họ và tên : **Nguyễn Như Sơ**
 Giới tính : Nam
 Ngày, tháng, năm sinh : 23/08/1957
 Nơi sinh : Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh
 Số CMND : 125355679 cấp ngày 29/3/2006 tại tỉnh Bắc Ninh
 Quốc tịch : Việt Nam



Dân tộc : Kinh
Quê quán : Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú : Phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại liên lạc : 0913257197
Trình độ văn hoá : 10/10
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác :
- Từ 10/1974 đến 10/1988 : Bộ đội sỹ quan Quân đội nhân dân Việt Nam
- Từ 11/1988 đến 03/1996 : Phó giám đốc Công ty Vật tư Hà Bắc
- Từ 04/1996 đến 12/2004 : Giám đốc Công ty Nông sản Bắc Ninh
- Từ 01/2005 đến 05/2008 : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông sản Bắc Ninh
Chức vụ hiện tại : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam
Tổng số cổ phần nắm giữ : 5.393.300 cổ phần (Chiếm 21,20% vốn điều lệ)
Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 1.793.300 cổ phần (Chiếm 7,05 % vốn điều lệ)
Số cổ phần Nhà nước uỷ quyền : 3.600.000 cổ phần (chiếm 14,15% vốn điều lệ)
Hành vi vi phạm pháp luật : Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không
Ông Nguyễn Văn Chuyện (Em trai) nắm giữ : 70.000 cổ phần.
Ông Nguyễn Văn Khương (Em trai) nắm giữ : 40 cổ phần
Bà Nguyễn Thị Thanh (Em gái) nắm giữ : 13.480 cổ phần
Bà Nguyễn Thị Thuỷ (Em gái) nắm giữ : 33.160 cổ phần
Bà Nguyễn Thị Tân Hoà (Con gái) nắm giữ : 103.020 cổ phần
Bà Nguyễn Thu Hiền (Con gái) nắm giữ : 110.000 cổ phần
Các khoản nợ đối với công ty : Không
Các quyền lợi mâu thuẫn với công ty : Không

b) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - ÔNG NGUYỄN VĂN QUÂN
Họ và tên : Nguyễn Văn Quân
Giới tính : Nam
Ngày, tháng, năm sinh : 20/11/1957
Nơi sinh : Hoà Đình, Võ Cường, Bắc Ninh
Số CMND : 120996411 cấp ngày 03/02/1996 tại tỉnh Hà Bắc
Quốc tịch : Việt Nam



Dân tộc : Kinh
Quê quán : Hoà Đình, Võ Cường, Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú : Xã Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại liên lạc : 0913260202
Trình độ văn hoá : 10/10
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác :
- Từ 01/1982 đến 04/2001 : Công tác tại Nhà máy Quy chế Từ Sơn
- Từ 05/2001 đến 09/2002 : Phó phòng Quản lý dự án Công ty Nông sản Bắc Ninh
- Từ 10/2002 đến 12/2004 : Phó giám đốc Công ty Nông sản Bắc Ninh
- Từ 01/2005 đến 05/2008 : Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Nông sản Bắc Ninh
Chức vụ hiện tại : Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam
Tổng số cổ phần nắm giữ : 106.000 (Chiếm 0,42% vốn điều lệ)
Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 106.000 cổ phần (Chiếm 0,42% vốn điều lệ)
Số cổ phần Nhà nước uỷ quyền : 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ)
Hành vi vi phạm pháp luật : Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không
Các khoản nợ đối với công ty : Không
Các quyền lợi mâu thuẫn với công ty : Không

c) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - ÔNG NGUYỄN VĂN TUẤN

Họ và tên : Nguyễn Văn Tuấn
Giới tính : Nam
Ngày, tháng, năm sinh : 03/04/1958
Nơi sinh : Ninh Xá, Thuận Thành, Bắc Ninh
Số CMND : 121282069 cấp ngày 28/11/1995 tại tỉnh Hà Bắc
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Ninh Xá, Thuận Thành, Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú : Phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại liên lạc : 0913259678
Trình độ văn hoá : 10/10
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư chăn nuôi thú y



Quá trình công tác	:
- Từ 10/1982 đến 12/1994	: Công tác tại huyện Thuận Thành, Hà Bắc
- Từ 01/1995 đến 12/1997	: Công tác tại Công ty Vật tư Nông nghiệp Bắc Giang
- Từ 01/1998 đến 04/1999	: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Nông sản Bắc Ninh
- Từ 05/1999 đến 12/2004	: Phó giám đốc Công ty Nông sản Bắc Ninh
- Từ 01/2005 đến 05/2008	: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nông sản Bắc Ninh
Chức vụ hiện tại	: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam
Tổng số cổ phần nắm giữ	: 63.000 cổ phần (Chiếm 0,25% vốn điều lệ)
Số cổ phần cá nhân nắm giữ	: 63.000 cổ phần (Chiếm 0,25 % vốn điều lệ)
Số cổ phần Nhà nước uỷ quyền	: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ)
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	: Không
Các khoản nợ đối với công ty	: Không
Các quyền lợi mâu thuẫn với công ty	: Không

d) Thành viên Hội đồng quản trị - Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

Họ và tên	: Nguyễn Thị Thu Hương
Giới tính	: Nữ
Ngày, tháng, năm sinh	: 19/07/1964
Nơi sinh	: Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Số CMND	: 125275459 cấp ngày 14/6/2004 tại tỉnh Bắc Ninh
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú	: Phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại liên lạc	: 0913260114
Trình độ văn hoá	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:
- Từ 06/1986 đến 04/1996	: Công tác tại Trường cán bộ thống kê trung ương
- Từ 05/1996 đến 12/2004	: Phó phòng Tài vụ, Trưởng phòng Tài vụ, Kế toán trưởng Công ty Nông sản Bắc Ninh



- Từ 01/2005 đến 05/2008 : Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nông sản Bắc Ninh

Chức vụ hiện tại : Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam

Tổng số cổ phần nắm giữ : 66.000 cổ phần (Chiếm 0,26 vốn điều lệ)

Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 66.000 cổ phần (Chiếm 0,26% vốn điều lệ)

Số cổ phần đại diện cho tổ chức : 0 cổ phần (chiếm 0 % vốn điều lệ)

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Những người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không

Các khoản nợ đối với công ty : Không

Các quyền lợi mâu thuẫn với công ty : Không

e) Thành viên Hội đồng quản trị - Ông NGUYỄN THẾ TƯỜNG

Họ và tên : Nguyễn Thế Tường

Giới tính : Nam

Ngày, tháng, năm sinh : 04/09/1970

Nơi sinh : Cô Mễ, Vũ Ninh, Bắc Ninh

Số CMND : 121069556 cấp ngày 28/08/1988 tại tỉnh Hà Bắc

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Địa chỉ thường trú : Phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại liên lạc : 0913260411

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ thú y

Quá trình công tác :

- Từ 05/1996 đến 06/1999 : Phó phòng Kỹ thuật Công ty Nông sản Hà Bắc

- Từ 07/1999 đến 12/2004 : Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Nông sản Bắc Ninh

- Từ 01/2005 đến 05/2008 : Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Kỹ thuật Chất lượng Công ty Cổ phần Nông sản Bắc Ninh

Chức vụ hiện tại : Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Kỹ thuật Chất lượng Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam

Tổng số cổ phần nắm giữ : 121.600 cổ phần (Chiếm 0,48% vốn điều lệ)

Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 121.600 cổ phần (Chiếm 0,48% vốn điều lệ)

Số cổ phần đại diện cho tổ chức : 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ)



Hành vi vi phạm pháp luật : Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không
Các khoản nợ đối với công ty : Không
Các quyền lợi mâu thuẫn với công ty : Không

f) Thành viên Hội đồng quản trị - Ông TẠ HỮU KHÔI

Họ và tên : Tạ Hữu Khôi
Giới tính : Nam
Ngày, tháng, năm sinh : 07/08/1966
Nơi sinh : Việt Đoàn, Tiên Du, Bắc Ninh
Số CMND : 125022715 cấp ngày 19/12/1997 tại tỉnh Bắc Ninh
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Việt Đoàn, Tiên Du, Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú : Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại liên lạc : 0913296770
Trình độ văn hoá : 10/10
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ điện, Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác :

- Từ 01/1989 đến 12/1993 : Công tác tại Công ty Kính Đáp Cầu
- Từ 01/1994 đến 02/1997 : Công tác tại Công ty Kính Sơn Hà
- Từ 03/1997 đến 12/2004 : Công tác tại Công ty Nông sản Bắc Ninh
- Từ 01/2005 đến 01/2008 : Phó giám đốc Nhà máy Thức ăn chăn nuôi TOPFEEDS
- Từ 02/2008 đến 07/2009 : Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc công nghệ Công ty cổ phần Nông sản Bắc Ninh

Chức vụ hiện tại : Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty TNHH thương mại Hiệp Quang - Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam.

Tổng số cổ phần nắm giữ : 62.000 cổ phần (Chiếm 0,24% vốn điều lệ)
Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 62.000 cổ phần (Chiếm 0,24% vốn điều lệ)
Số cổ phần đại diện cho tổ chức : 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ)

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Những người có liên quan nắm giữ cổ phần :

Bà Lê Việt Hà (Vợ) nắm giữ : 1.000 cổ phần

Các khoản nợ đối với công ty : Không

Các quyền lợi mâu thuẫn với công ty : Không

**g) Thành viên Hội đồng quản trị - Ông NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN**

Họ và tên : Nguyễn Hoàng Nguyễn
Giới tính : Nam
Ngày, tháng, năm sinh : 02/09/1973
Nơi sinh : An Bồi, Kiến Xương, Thái Bình
Số CMND : 151069342 cấp ngày 04/04/1988 tại tỉnh Thái Bình
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : An Bồi, Kiến Xương, Thái Bình
Địa chỉ thường trú : Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh
Điện thoại liên lạc : 0912342890
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư chăn nuôi thú y
Quá trình công tác :
- Từ 11/1996 đến 12/2001 : Công tác tại Xí nghiệp Gà giống Lạc Vệ
- Từ 01/2002 đến 12/2004 : Giám đốc Xí nghiệp Gà giống Lạc Vệ
- Từ 01/2005 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Xí nghiệp Gà giống Lạc Vệ
Chức vụ hiện tại : Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Xí nghiệp Gà giống Lạc Vệ
Tổng số cổ phần nắm giữ : 71.400 cổ phần (Chiếm 0,28% vốn điều lệ)
Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 71.400 cổ phần (Chiếm 0,28% vốn điều lệ)
Số cổ phần đại diện cho tổ chức : 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ)
Hành vi vi phạm pháp luật : Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không
Các khoản nợ đối với công ty : Không
Các quyền lợi mâu thuẫn với công ty : Không

h) Thành viên Hội đồng quản trị - Ông NGUYỄN KHẮC THẢO

Họ và tên : Nguyễn Khắc Thảo
Giới tính : Nam
Ngày, tháng, năm sinh : 28/01/1957
Nơi sinh : Đồng Nguyên, Từ Sơn, Bắc Ninh
Số CMND : 120708270 cấp ngày 29/03/2007 tại tỉnh Bắc Giang
Quốc tịch : Việt Nam



Dân tộc : Kinh
Quê quán : Tân Hồng, Từ Sơn, Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú : Số 17 Phố Đội Nhân, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội.
Điện thoại liên lạc : 0913259515
Trình độ văn hoá : 10/10
Trình độ chuyên môn : Cử Nhân Kinh tế
Quá trình công tác :
- Từ 10/1979 đến 09/1982 : Cán bộ nghiệp vụ, thống kê Công ty bán lẻ CNP Sơn Động, Lục Ngạn, Hà Bắc
- Từ 10/1982 đến 10/1985 : Học ĐHTM Hà Nội
- Từ 11/1985 đến 12/1996 : Cán bộ Sở Thương Mại Hà Bắc
- Từ 12/1996 đến 12/2004 : Công tác tại Công ty Nông sản Bắc Ninh
- Từ 01/2005 đến 05/2008 : Giám đốc Vật Tư - Xuất Nhập Khẩu Công ty Cổ phần Nông sản Bắc Ninh
Chức vụ hiện tại : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam
Tổng số cổ phần nắm giữ : 63.200 cổ phần (Chiếm 0,25% vốn điều lệ)
Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 63.200 cổ phần (Chiếm 0,25% vốn điều lệ)
Số cổ phần đại diện cho tổ chức : 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ)
Hành vi vi phạm pháp luật : Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không
Các khoản nợ đối với công ty : Không
Các quyền lợi mâu thuẫn với công ty : Không

i) Phó chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông NGUYỄN VĂN MẠNH

Họ và tên : Nguyễn Văn Mạnh
Giới tính : Nam
Ngày, tháng, năm sinh : 07/06/1954
Nơi sinh : Khúc Xuyên – Yên Phong - Bắc Ninh
Số CMND : 120837773 cấp ngày 31/03/1983 tại tỉnh Hà Bắc
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Khúc Xuyên – Yên Phong - Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú : SN 237 Đường Nguyễn Trãi, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh



Điện thoại liên lạc	: 0983959305
Trình độ văn hoá	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	:
- Từ 12/1971 đến 04/1977	: Nhập ngũ bộ đội đơn vị 485E568 sau về đơn vị Trường Quản trị trường Quân khu 5
- Từ 05/1977 đến 08/1979	: Công tác tại Công ty Vôi gạch ngói - Sở Xây dựng Hà Bắc
- Từ 09/1979 đến 12/1997	: Công tác tại Công ty Xây dựng số 1 Hà Bắc
- Từ 1998 đến 03/2007	: Giám đốc Ban quản lý Dự án - Sở Xây dựng Bắc Ninh
Chức vụ hiện tại	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần DABACO Việt Nam
Tổng số cổ phần nắm giữ	: 11.664 cổ phần (Chiếm 0,04% vốn điều lệ)
Số cổ phần cá nhân nắm giữ	: 11.664 cổ phần (Chiếm 0,04% vốn điều lệ)
Số cổ phần đại diện cho tổ chức	: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ)
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	: Không
Các khoản nợ đối với công ty	: Không
Các quyền lợi mâu thuẫn với công ty	: Không

12.2. Ban Tổng giám đốc**a) Tổng giám đốc – Ông NGUYỄN NHƯ SƠ**

Chi tiết tại Mục “12.1. Hội đồng quản trị” của Bản cáo bạch này

b) Phó Tổng giám đốc – Ông NGUYỄN VĂN MẠNH

Chi tiết tại Mục “12.1. Hội đồng quản trị” của Bản cáo bạch này

c) Phó Tổng giám đốc – Ông NGUYỄN VĂN TUẤN

Chi tiết tại Mục “12.1. Hội đồng quản trị” của Bản cáo bạch này

d) Phó Tổng giám đốc – Ông NGUYỄN VĂN QUÂN

Chi tiết tại Mục “12.1. Hội đồng quản trị” của Bản cáo bạch này

e) Phó Tổng giám đốc – Ông NGUYỄN KHẮC THẢO

Chi tiết tại Mục “12.1. Hội đồng quản trị” của Bản cáo bạch này

f) Phó Tổng giám đốc – Ông NGUYỄN KHOẢNG CÁCH

Họ và tên	: Nguyễn Khoảng Cách
Giới tính	: Nam
Ngày, tháng, năm sinh	: 15/03/1950
Nơi sinh	: An Thịnh, Lương Tài, Bắc Ninh



Số CMND : 125376379 cấp ngày 11/12/2006 tại tỉnh Bắc Ninh
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : An Thịnh, Lương Tài, Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú : Phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại liên lạc : 0913259102
Trình độ văn hoá : 10/10
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư nông nghiệp
Quá trình công tác :
- Từ 09/1981 đến 03/1993 : Cán bộ Sở Nông nghiệp Hà Bắc
- Từ 04/1993 đến 03/1996 : Phó giám đốc Công ty Dâu tằm tơ Hà Bắc
- Từ 04/1996 đến 12/2004 : Phó giám đốc Công ty Nông sản Bắc Ninh
- Từ 01/2005 đến 03/2010 : Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Nông sản Bắc Ninh
Chức vụ hiện tại : Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam
Tổng số cổ phần nắm giữ : 86.000 cổ phần (Chiếm 0,34% vốn điều lệ)
Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 86.000 cổ phần (Chiếm 0,34% vốn điều lệ)
Số cổ phần đại diện cho tổ chức : 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ)
Hành vi vi phạm pháp luật : Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần :
Ông Nguyễn Duy khánh (Con trai) nắm giữ: 8.110 cổ phần
Các khoản nợ đối với công ty : Không
Các quyền lợi mâu thuẫn với công ty : Không

12.3. Ban kiểm soát

a) Trưởng Ban kiểm soát - Ông NGUYỄN VĂN LĨNH

Họ và tên : Nguyễn Văn Lĩnh
Giới tính : Nam
Ngày, tháng, năm sinh : 12/07/1958
Nơi sinh : Hoà Long, Yên Phong, Bắc Ninh
Số CMND : 120363538 cấp ngày 20/11/1978 tại tỉnh Hà Bắc
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Hoà Long, Yên Phong, Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú : Viêm Xá, Hoà Long, Yên Phong, Bắc Ninh



Điện thoại liên lạc : 0983615269
Trình độ văn hoá : 10/10
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác :
- Từ 10/1981 đến 03/1983 : Cán bộ Ban quản lý nông nghiệp trung ương
- Từ 04/1983 đến 03/1990 : Cán bộ Sở Nông nghiệp Hà Bắc
- Từ 04/1990 đến 06/1992 : Phó giám đốc Xí nghiệp dâu tằm tơ Hà Bắc
- Từ 07/1992 đến 03/1996 : Giám đốc Xí nghiệp ươm tơ thuộc Công ty dâu tằm tơ Hà Bắc
- Từ 04/1996 đến 01/2005 : Phụ trách Ban quản lý dự án Công ty Nông sản Bắc Ninh
- Từ 02/2005 đến 03/2007 : Trưởng phòng quản lý dự án Công ty Cổ phần Nông sản Bắc Ninh
Chức vụ hiện tại : Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam
Tổng số cổ phần nắm giữ : 15.600 cổ phần (Chiếm 0,06% vốn điều lệ)
Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 15.600 cổ phần (Chiếm 0,06% vốn điều lệ)
Số cổ phần đại diện cho tổ chức : 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ)
Hành vi vi phạm pháp luật : Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không
Các khoản nợ đối với công ty : Không
Các quyền lợi mâu thuẫn với công ty : Không

b) Thành viên Ban kiểm soát – BÀ NGUYỄN THỊ THÙY

Họ và tên : Nguyễn Thị Thùy
Giới tính : Nữ
Ngày, tháng, năm sinh : 12/02/1986
Nơi sinh : Thị trấn Lim, Tiên Du, Bắc Ninh
Số CMND : 125206839 cấp ngày 13/11/2002 tại tỉnh Bắc Ninh
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Thị trấn Lim, Tiên Du, Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú : Thị trấn Lim, Tiên Du, Bắc Ninh
Điện thoại liên lạc : 0978915465
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác :



- Từ 03/9/2008 đến 02/2010 : Công tác tại Phòng Tài vụ - Công ty cổ phần DABACO Việt Nam
- Từ 02/2010 đến nay : Kế toán trưởng – Công ty TNHH Chế biến thực phẩm DABACO – Công ty cổ phần DABACO Việt Nam.
- Chức vụ hiện tại : Thành viên Ban kiểm soát, kế toán trưởng – Công ty TNHH Chế biến thực phẩm DABACO – Công ty cổ phần DABACO Việt Nam.
- Tổng số cổ phần nắm giữ : 2.000 cổ phần (Chiếm 0,007% vốn điều lệ)
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 2.000 cổ phần (Chiếm 0,007% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện cho tổ chức : 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Các quyền lợi mâu thuẫn với công ty : Không

c) Thành viên Ban kiểm soát - Ông NGÔ HUY TUỆ

- Họ và tên : Ngô Huy Tuệ
- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 20/06/1979
- Nơi sinh : An Thịnh, Lương Tài, Bắc Ninh
- Số CMND : 1251000849 cấp ngày 01/8/2002 tại CA tỉnh Bắc Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : An Thịnh, Lương Tài, Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú : Bồ Sơn, Võ Cường, Bắc Ninh
- Điện thoại liên lạc : 0983615269
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :
- Từ 12/2002 đến nay : Công tác tại Công ty Dabaco Việt Nam và hiện phụ trách Phòng Vật tư Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp TOPFEEDS
- Chức vụ hiện tại : Thành viên Ban kiểm soát, Phụ trách Phòng Vật tư Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp TOPFEEDS
- Tổng số cổ phần nắm giữ : 2.100 cổ phần (Chiếm 0,008% vốn điều lệ)



Số cổ phần cá nhân nắm giữ	: 2.100 cổ phần (Chiếm 0,008% vốn điều lệ)
Số cổ phần đại diện cho tổ chức	: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ)
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần :	
Bà Nguyễn Thị Phương (Vợ) nắm giữ	: 5.500 cổ phần
Các khoản nợ đối với công ty	: Không
Các quyền lợi mâu thuẫn với công ty	: Không

12.4. Kế toán trưởng – Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

Chi tiết tại Mục “12.1. Hội đồng quản trị” của Bản cáo bạch này

13. Tài sản

13.1. Giá trị tài sản cố định theo Báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2009

Bảng 23: Danh mục tài sản cố định tại 31/12/2009

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	502.167.275	(133.241.271)	368.926.003
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	227.647.706	(45.412.869)	182.234.837
2	Máy móc, thiết bị	238.308.201	(68.972.335)	169.335.866
3	Phương tiện vận tải	27.947.240	(13.960.101)	13.987.139
4	Thiết bị văn phòng	8.264.127	(4.895.967)	3.368.160
II	Tài sản cố định vô hình	18.176.156	(61.163)	18.115.792
	Tổng cộng	520.343.431	(133.302.434)	387.041.795

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)

13.2. Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng hiện có của Công ty

Bảng 24: Danh sách 22 khu đất đai, nhà xưởng hiện có của Công ty

STT	Khoản mục	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Hình thức sở hữu	Mục đích sử dụng
1	Trụ sở làm việc của Công ty	Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	11.262,6	Đất thuê 50 năm kể từ 2001	Sổ đỏ
2	Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi DABACO, nhà kho, nhà máy chế biến	Xã Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	19,652.6	Đất thuê 50 năm kể từ 2003	Sổ đỏ



STT	Khoản mục	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Hình thức sở hữu	Mục đích sử dụng
	thức ăn thủy sản.				
3	Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp TOPFEEDS	Xã Khắc Niệm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	38.400	Đất thuê 50 năm kể từ 2000	Nhà máy sản xuất
4	Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản	Xã Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh	26,693.5	Đất thuê 50 năm kể từ 2003	
5	Nhà giới thiệu sản phẩm	Xã Khắc Niệm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	1.287,1	Đất thuê 50 năm kể từ 2002	Trưng bày và giới thiệu sản phẩm
6	Trụ sở và khu nhà kho nguyên liệu của Công ty TNHH Dịch vụ và thương mại Bắc Ninh	Xã Khắc Niệm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	4.882	Đất thuê 50 năm kể từ 1999	
7	Xí nghiệp giống gia cầm Lạc Vệ	Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	71.484	Đất thuê 50 năm kể từ 1996	
8	Cửa hàng xăng dầu Lạc Vệ	Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	440	Đất thuê 50 năm kể từ 1999	
9	Xí nghiệp giống lợn bố mẹ, Xí nghiệp ngan giống, Xí nghiệp gà gia công	Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	106.780,1	Đất thuê 50 năm kể từ 2003	
10	Nhà máy chế biến thịt gia súc gia cầm xuất khẩu	Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	33.603,4	Đất thuê 50 năm kể từ 2006	
11	Cảng bốc xếp hàng hoá	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	37,673.3	Đất thuê 50 năm kể từ 2004	
12	Xí nghiệp Chăn nuôi thủy sản	Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	36,249.1	Đất thuê 50 năm kể từ	



STT	Khoản mục	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Hình thức sở hữu	Mục đích sử dụng
				2009	
13	Trụ sở công ty TNHH ĐTPT Chăn nuôi lợn Dabaco	Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	4,472.0	Đất thuê 50 năm kể từ 2007	Sổ đỏ
14	Khu chăn nuôi và môi trường sinh thái Tân Chi	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	126,306.7	Đất thuê 50 năm kể từ 2008	Sổ đỏ
15	Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Nutreco tại Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn	Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	135.601,2	Đất thuê 50 năm kể từ 2004	Đang đầu tư xây dựng
16	Siêu thị Dabaco	Phường Võ Cường, phường Ninh Xá, TP Bắc Ninh	8,218.3	Đất thuê 50 năm kể từ 2008	Hợp đồng thuê đất
17	Nhà trẻ mẫu giáo	Phường Võ Cường, TP Bắc Ninh	4,108.1	Đất thuê 50 năm kể từ 2008	Hợp đồng thuê đất
18	Xây dựng trung tâm thương mại, khách sạn cao cấp, và nhà làm việc cao tầng	Phường Suối Hoa, TP Bắc Ninh	2,367.5	Đất thuê 50 năm kể từ 2008	Hợp đồng thuê đất
19	Khu nhà ở đường Huyền Quang 1	Phường Võ Cường, TP Bắc Ninh	40,774.0	Giao đất có thu tiền sử dụng	Bán nhà ở
20	Khu nhà ở đường Huyền Quang 2	Phường Võ Cường, TP Bắc Ninh	12,730.7	Giao đất có thu tiền sử dụng	Bán nhà ở
21	Khu nhà ở Dabaco thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành	Thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	52,136.4	Giao đất có thu tiền sử dụng	Bán nhà ở
22	Khu Biệt thự đường Lê Thái Tổ	Đường Lê Thái Tổ, TP Bắc Ninh		Giao đất có thu tiền sử dụng	Bán nhà ở
	Tổng diện tích (m²)		778,240.0		

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam)



14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2010- 2012

14.1. Mục tiêu và chiến lược phát triển của doanh nghiệp

14.1.1. Mục tiêu, định hướng phát triển của Công ty

- Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tối đa hóa giá trị của Công ty, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, xây dựng Công ty phát triển bền vững;
- Lấy đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ và thiết bị làm trung tâm, lấy thị trường để định hướng, lấy tăng trưởng làm động lực, lấy chất lượng để cam kết với khách hàng và tạo lợi nhuận tối đa làm mục tiêu phát triển;
- Định hướng hoạt động của Công ty là lấy nhiệm vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi và con giống vật nuôi, mở rộng mạng lưới tiêu thụ làm trọng tâm và nền móng cho sự phát triển bền vững, đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật đáp ứng yêu cầu công nghệ, ứng dụng và đưa nhanh nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh khác, coi đây là nhiệm vụ quan trọng, hỗ trợ cho sản xuất của Công ty ngày càng phát triển;

14.1.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Căn cứ vào triển vọng phát triển chung của ngành, các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, xu thế hội nhập quốc tế của đất nước cũng như khả năng tăng trưởng của Công ty, Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển đã được xây dựng và mở rộng sang các lĩnh vực mới trong giai đoạn 2010 – 2014, cụ thể như sau

- Triển khai thực hiện thành công mô hình sản xuất tiên tiến, khép kín từ “Sản xuất con giống – Thức ăn – Chăn nuôi gia công – Giết mổ và chế biến thực phẩm”;
- Mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực có khả năng mang lại sự tăng trưởng mạnh cho công ty như đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà ở, khu đô thị,...
- Phát triển hệ thống bán lẻ hiện đại theo mô hình Siêu thị và Cửa hàng thực phẩm sạch Dabaco.

14.2. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2010 – 2012

Bảng 25: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty

Đơn vị: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
	Ước thực hiện	% tăng/giảm so với năm 09	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 10	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 11



Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
	Ước thực hiện	% tăng/giảm so với năm 09	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 10	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 11
Doanh thu thuần	2.132.497.034	24%	2.218.101.438	4%	2.443.232.321	10%
Lợi nhuận sau thuế	248.677.697	204%	253.104.101	2%	286.578.417	13%
Vốn chủ sở hữu	254.466.600	-	440.628.355	73%	494.836.622	12%
EPS bình quân (đồng)	9.773	204%	5.744	-41%	5.791	1%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	12%		11%		12%	
Cổ tức	15%	-	15%	-	15%	

(Nguồn: Công ty Dabaco Việt Nam)

14.3. Một số dự án sẽ triển khai

14.2.1. Tuyến đường từ Đền Đô đến đường Vành đai III và Quốc Lộ 1A; Tuyến đường từ nút giao nút giao khác mức giữa quốc lộ 1A mới với TL277 (cầu Đại Đình) đến TL295B dọc theo Kênh Nam

Thực hiện theo Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27/11/2009 của Chính Phủ về đầu tư theo hình thức Hợp đồng xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao, Hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao – Kinh doanh, Hợp đồng xây dựng – chuyển giao, với mục tiêu huy động và khai thác các nguồn lực xây dựng, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, UBND tỉnh Bắc Ninh giao cho Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam đầu tư xây dựng tuyến đường từ Đền Đô đến đườn Vành đai III và Quốc Lộ 1A; Tuyến đường từ nút giao nút giao khác mức giữa quốc lộ 1A mới với TL277 (cầu Đại Đình) đến TL295B dọc theo Kênh Nam theo hình thức BT kết hợp khai thác quỹ đất khu đô thị và dịch vụ tại xã Phù Khê và Khu đô thị phường Đình Bảng.

a) Thông tin dự án BT:

Tên dự án BT	Chi tiết	Tổng mức đầu tư (VNĐ)
Đường từ Đền Đô đến đường vành đai III và TL295B	K0+000 tại tim nút giao vành xuyên với đường đền Đô đến điểm cuối Km3+585,94, giao với TL295B (3.827,47m)	277.327.000.000



Đường từ nút giao khác mức giữa QL1A mới với TL277 đến TL295B dọc theo kênh Nam	K0+000 tại TL295B đến điểm cuối Km2+700 phường Đình Bảng (2.700m)	342.224.550.000
---	---	-----------------

(Nguồn: Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam)

b) Phương án thu hồi vốn:

Phương án thu hồi vốn khu đô thị và dịch vụ tại xã Phù Khê:

- Tổng diện tích đất dự án khu đô thị tại xã Phù Khê là: 600.000m², trong đó diện tích đất xây dựng thương mại chiếm 42%, trích lại 25% quỹ đất cho địa phương, tương đương: 600.000m² * 42% * 75% = 189.000m².
- Đơn giá quyền sử dụng đất dự án khu đô thị tại xã Phù Khê được chủ đầu tư dự kiến bằng 800.000đ/m²
- Tổng giá trị quyền sử dụng đất thương mại của Dự án = 189.000m² * 800.000đ = 151.200.000.000 đ (Một trăm năm mươi một tỷ hai trăm triệu đồng)

Phương án thu hồi vốn khu đô thị và dịch vụ tại phường Đình Bảng:

- Tổng diện tích dự án tại phường Đình Bảng là 1.000.000 m², trong đó diện tích đất xây dựng thương mại chiếm khoảng 42%, trích lại 25% quỹ đất cho địa phương, tương đương: 1.000.000m² * 42% * 75% = 315.000 m²
- Đơn giá quyền sử dụng đất dự án khu đô thị tại xã Phù Khê được chủ đầu tư dự kiến bằng 1.500.000đ/m²
- Tổng giá trị quyền sử dụng đất thương mại của Dự án = 315.000 m² * 1.500.000đ = 472.500.000.000đ (Bốn trăm bảy mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng)

c) Thông tin dự án đối ứng:

Khu đô thị và dịch vụ xã Phù Khê:

Khu đô thị làng nghề Phù Khê được quy hoạch trên diện tích 60ha thuộc địa phận xã Phù Khê, nằm cách trung tâm thị xã Từ Sơn 4km, nằm trong không gian giao thoa của các làng nghề truyền thống Đồng Kỵ, Phù Khê..., kết nối thuận tiện với các huyện trên địa bàn tỉnh và Thủ đô Hà Nội.





Phối cảnh tổng thể Khu Đô thị - Dịch vụ làng nghề Phù Khê

(Nguồn: Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam)

Dự án gồm 2 phân khu chức năng chính như sau:

- Chức năng ở: Bao gồm Khu nhà ở biệt thự và Khu nhà ở liền kề tạo môi trường sống trong lành, gần gũi với thiên nhiên, hài hòa với các không gian làng xóm xung quanh.
- Chức năng sản xuất kinh doanh nghề truyền thống: Một trung tâm dịch vụ thương mại và là nơi sản xuất thủ đồ thủ công mỹ nghệ chất lượng cao của Tỉnh Bắc Ninh gồm chợ gỗ và đất xưởng sản xuất, kinh doanh.

Khu đô thị và dịch vụ phường Đình Bảng:

Thông tin dự án:



(Nguồn: Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam)

Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam đã được UBND tỉnh Bắc Ninh cho phép chấp thuận khảo sát địa điểm lập dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị, dịch vụ Dabaco Đình Bảng nhằm khai thác quỹ đất để thực hiện các dự án theo hình thức BT trên địa bàn thị xã Từ Sơn tại văn bản số 1182/UBND.CN ngày 06/7/2010. Diện tích khu đất khảo sát khoảng 55 ha.

14.2.2. Tuyến đường H1, H2 tại TP Bắc Ninh; Đường Trường Chinh - Kinh Dương Vương 3 tại TP Bắc Ninh; Công viên hồ điều hoà Văn Miếu tại TP Bắc Ninh.

Thực hiện theo Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27/11/2009 của Chính Phủ về đầu tư theo hình thức Hợp đồng xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao, Hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao – Kinh doanh, Hợp đồng xây dựng – chuyển giao, với mục tiêu huy động và khai thác các nguồn lực xây dựng, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, UBND tỉnh Bắc Ninh giao cho Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam đầu tư xây dựng Tuyến đường H1, H2 tại TP Bắc Ninh; Đường Trường Chinh - Kinh Dương Vương 3 tại TP Bắc Ninh; Công viên hồ điều hoà Văn Miếu tại TP Bắc Ninh theo hình thức BT kết hợp khai thác quỹ đất Khu đô thị Vạn An và Khu đô thị DV Khúc Xuyên, Phong Khê.

a) Thông tin dự án BT:



Tên dự án BT	Chi tiết	Tổng mức đầu tư
Tuyến đường H1 tại TP Bắc Ninh	Chân cầu vượt QL18 đến TL286 (2.600km)	305.000.000.000
Tuyến đường H2 tại TP Bắc Ninh	TL286 đến đường Kinh Dương Vương kéo dài (1.533m)	196.670.112.000
Đường Trường Chinh - Kinh Dương Vương 3 tại TP Bắc Ninh	K0+000 tại nút giao đường Kinh Dương Vương với đường Đẩu Mã đến Km1+089,13 tại nút giao với đường Trần Hưng Đạo (1.089,13m)	57.065.261.000
Công viên hồ điều hoà Văn Miếu tại TP Bắc Ninh	Phường Đại Phúc và Võ Cường, TP Bắc Ninh	197.498.134.000

(Nguồn: Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam)

b) Phương án thu hồi vốn:

Phương án thu hồi vốn khu đô thị tại phường Vạn An:

- Tổng diện tích đất dự án khu đô thị tại phường Vạn An là: 400.000m², trong đó diện tích đất xây dựng thương mại chiếm 44,98%, tương đương: 400.000m² * 44,98% = 179.912m².
- Đơn giá quyền sử dụng đất dự án khu đô thị phường Vạn An được chủ đầu tư dự kiến bằng 1.800.000đ/m²
- Tổng giá trị quyền sử dụng đất thương mại của Dự án = 179.912m² * 1.800.000đ = 341.832.800.000đ (Ba trăm bốn mươi một tỷ tám trăm ba hai triệu tám trăm ngàn đồng)

Phương án thu hồi vốn khu đô thị và dịch vụ tại xã Khúc Xuyên và Phong Khê:

- Tổng diện tích dự án tại xã Khúc Xuyên và Phong Khê là 582.604 m², trong đó diện tích đất xây dựng thương mại chiếm khoảng 47,94%, tương đương: 582.604 m² * 47,94% = 279.289m²
- Đơn giá quyền sử dụng đất dự án khu đô thị và dịch vụ tại xã Khúc Xuyên và Phong Khê được chủ đầu tư dự kiến bằng 1.500.000đ/ m²
- Tổng giá trị quyền sử dụng đất thương mại của Dự án = 279.289 m² * 1.500.000đ = 418.933.500.000đ (Bốn trăm mười tám tỷ chín trăm ba ba triệu năm trăm ngàn đồng)

c) Thông tin dự án đối ứng:

Khu đô thị Vạn An

Theo Quyết định số 128/QĐ-SXD ngày 23/6/2010, tổng diện tích đất quy hoạch là 400.000 m² được cơ cấu như sau:

- Đất ở: 111.934 m² chiếm 27,98%.



- Đất nhà ở chung cư cao tầng, nhà ở xã hội, văn phòng cho thuê kết hợp thương mại, dịch vụ công cộng: 48.523 m², chiếm 12,13%.
- Đất xây dựng trường học: 13.697 m², chiếm 3,42%.
- Đất công trình trung tâm thương mại và dịch vụ: 32.993 m², chiếm 8,25%.
- Đất cây xanh, công viên, sân thể thao và đường giao thông: 192.854 m², chiếm 48,21%.



Phối cảnh tổng thể Khu đô thị Vạn An

(Nguồn: Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam)

Với tính chất là Khu đô thị kết hợp thương mại và dịch vụ, dự án được phân thành các khu chức năng chính là:

- Khu nhà ở thấp tầng gồm 926 căn nhà, trong đó có 736 căn nhà phân lô, 92 căn nhà ở song lập và 98 căn biệt thự.
- Khu hỗn hợp nhà ở và công trình dịch vụ công cộng gồm 934 căn hộ trong đó: Xây dựng nhà ở xã hội kết hợp dịch vụ công cộng gồm 332 căn hộ và Xây dựng nhà ở, thương mại và dịch vụ, văn phòng gồm 602 căn hộ.

Ngoài ra, dự án còn được thiết kế với không gian thương mại dịch vụ tập trung; Không gian nghỉ ngơi thư giãn bao gồm: cây xanh tập trung, khu sân vườn nội bộ, vui chơi trẻ em và Trường học. Toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu đô thị mới bao gồm cấp nước, thoát nước, cấp điện và thông tin liên lạc được tổ chức đi ngầm.

Khu đô thị DV Khúc Xuyên, Phong Khê

Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam đã chính thức được phê duyệt khảo sát, và lập quy hoạch dự án Khu đô thị dịch vụ Khúc Xuyên, Phong Khê tại văn bản số 488/UBND-CN ngày 25/3/2010 của UBND tỉnh Bắc Ninh. Diện tích khảo sát khoảng 50ha.

14.4. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2010 - 2012

- Căn cứ vào sự tăng trưởng của Công ty trong những năm gần đây



Giai đoạn 2007 – 2009, tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân đạt trên 50%, tăng trưởng lợi nhuận bình quân cũng đạt trên 50%. Đây là giai đoạn tăng trưởng tốt của Công ty, tạo tiền đề và tiềm lực cho sự phát triển trong giai đoạn tới.

- Căn cứ vào tiềm năng phát triển của Công ty:
Theo dự báo của Công ty, tình hình thị trường tiêu thụ các sản phẩm của Công ty trong năm nay sẽ có thể diễn biến theo chiều hướng thuận lợi (nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm thức ăn chăn nuôi tăng cao, các loại dịch bệnh ở gia súc, gia cầm được kiểm soát chặt chẽ,...). Đây chính là điều kiện tốt để các nhà máy, xí nghiệp của Công ty khai thác tối đa năng lực sản xuất hiện có. Trong những tháng cuối năm, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thường có sự tăng trưởng mạnh. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ thức ăn chăn nuôi bình quân 3 tháng cuối năm 2009 của Công ty đều đạt 20.800 tấn/tháng, doanh thu bình quân đạt 164 tỷ đồng/tháng.
- Căn cứ vào các dự án trọng điểm dự kiến trong năm 2010: Các dự án mà công ty sẽ tham gia đầu tư triển khai trong năm 2010 bao gồm:
 - Khu nhà ở Huyện Quang 2 (TP. Bắc Ninh)
 - Khu nhà ở thị trấn Hồ, Huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.
 - Khu đô thị Đền Đô – TX. Từ Sơn với diện tích 15ha
 - Khu đô thị làng nghề Phù Khê với hình thức BT
 - Khu đô thị Dabaco Vạn An tại Thành phố Bắc Ninh với hình thức BT

14.5. Các biện pháp đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch năm 2010 - 2012

Để đạt được kết quả doanh thu và lợi nhuận nói trên, Công ty áp dụng một số biện pháp cụ thể như sau:

Sản xuất kinh doanh:

- Tập trung sản xuất sản phẩm chính của Công ty là thức ăn chăn nuôi các loại cho gia súc, gia cầm, thủy cầm và thủy sản.
- Tăng cường công tác thị trường, mở rộng hệ thống đại lý tiêu thụ thức ăn chăn nuôi ở các tỉnh miền Trung.
- Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm trên cơ sở cung cấp con giống, thức ăn chất lượng cao, nâng cao hiệu quả của công tác chăn nuôi gia công, xây dựng hệ thống giết mổ và kiểm soát chặt chẽ các khâu trong quá trình sản xuất nhằm tạo ra nguồn thực phẩm sạch cho xã hội.
- Làm tốt công tác quy hoạch vùng nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu chế biến thực phẩm phục vụ cho các Nhà máy của Công ty đang hoạt động.



- Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng đưa tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất. Không ngừng cải tiến bộ máy quản lý, cải tiến kỹ thuật nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Chỉ đạo các xí nghiệp sản xuất con giống thực hiện nghiêm ngặt công tác vệ sinh phòng dịch, đảm bảo đàn giống gia súc, gia cầm sinh trưởng phát triển tốt và tuyệt đối an toàn trong bất kỳ điều kiện nào.
- Phát triển đàn lợn giống gốc ông bà và bố mẹ lên 15.000 con (trong đó nuôi tại các Xí nghiệp của Công ty 9.000 con và nuôi tại các trại gia công 6.000 con) để cung cấp lợn giống hướng nạc chất lượng cao cho người chăn nuôi trong và ngoài tỉnh.
- Xây dựng, phát triển chuỗi siêu thị Dabaco và hệ thống các điểm bán lẻ thực phẩm sạch.

Lĩnh vực đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản:

- Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án đã được phê duyệt bao gồm: Khu chăn nuôi và môi trường sinh thái tại xã Tân Chi, huyện Tiên Du để di chuyển xí nghiệp giống gia súc Thuận Thành, nhà máy xử lý nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi tại tỉnh Hòa Bình, nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Nutreco Hoàn Sơn, nhà máy chế biến bột cá tại Cát Bà, Hải Phòng, Khu công nghiệp Quế Võ III,
- Chuyển mục đích sử dụng đất Xí nghiệp giống gia súc gia cầm Thuận Thành tại thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành và Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi tại phường Võ Cường, TP Bắc Ninh sang xây dựng nhà ở để bán.
- Đầu tư xây dựng các dự án: Nhà văn phòng và sàn giao dịch bất động sản, Siêu thị, nhà hàng tại TP Bắc Ninh; Khu đô thị Đền Đô – thị xã Từ Sơn, Dự án sản xuất rau an toàn tại xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du; Nhà máy xử lý trứng tại Thị trấn Chờ, huyện Yên Phong.
- Triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị và dịch vụ KCN Quế Võ III.
- Nghiên cứu, khảo sát, lập dự án và triển khai thực hiện các dự án: Khu đô thị - dịch vụ làng nghề tại xã Phù Khê, thị xã Từ Sơn (60ha); Khu đô thị dịch vụ tại xã Hòa Long và Vạn An – TP Bắc Ninh (40ha); Khu đô thị tại các xã Phong Khê, Phúc Xuyên và phường Võ Cường, TP Bắc Ninh (50ha), tạo nguồn thực hiện các dự án BT của tỉnh Bắc Ninh, với tổng mức đầu tư khoảng 900 tỷ đồng.
- Năm 2010, chú trọng tạo lập và phát triển nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp và cán bộ nhân viên Công ty.

14.6. Phân tích SWOT**14.5.1. Điểm mạnh**

- Đội ngũ lãnh đạo giàu kinh nghiệm, năng lực và tâm huyết;



- Mô hình kinh doanh khép kín từ sản xuất con giống – thức ăn – chăn nuôi gia công gà, lợn đến giết mổ và chế biến thịt gia súc, gia cầm, tạo thành chuỗi giá trị của Công ty;
- Lợi thế kinh tế nhờ quy mô các Nhà máy công suất lớn và trang thiết bị hiện đại nhất;
- Thương hiệu có uy tín trên thị trường;
- Tốc độ tăng trưởng doanh thu cao đạt khoảng 50 – 60% trong giai đoạn 2007 – 2008;
- Khả năng phát triển và mở rộng thị trường, mở rộng lĩnh vực hoạt động.

14.5.1. Điểm yếu

- Chưa có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực chế biến thực phẩm và một số lĩnh vực mới như đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, kinh doanh siêu thị, nhà hàng, khách sạn;
- Thiếu nhân lực quản lý phát triển theo mô hình tập đoàn kinh tế.

14.5.1. Cơ hội

- Thị trường thức ăn chăn nuôi còn rất lớn do ngành chăn nuôi có tốc độ phát triển mạnh nhất trong các lĩnh vực hoạt động nông nghiệp;
- Công ty nhận được sự ủng hộ của cộng đồng, sự giúp đỡ của các Bộ, ngành;
- Mối quan hệ hợp tác với các chuyên gia quốc tế của công ty khá tốt;
- Nhà nước có chủ trương khuyến khích, hỗ trợ chăn nuôi và chú trọng thực phẩm sạch là cơ hội mở rộng thị trường tiêu thụ triển vọng cho Công ty.

14.5.1. Thách thức

- Yếu tố dịch bệnh gia súc gia cầm;
- Nguyên liệu đầu vào sản xuất thức ăn chăn nuôi lệ thuộc vào nguồn nhập ngoại nên dễ bị ảnh hưởng khi có sự biến động giá cả trên thị trường quốc tế;
- Cạnh tranh trong ngành sẽ ngày càng trở nên gay gắt do khả năng gia nhập ngành cao và khá dễ.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu, phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam. Đồng thời dựa trên kết quả thực hiện kinh doanh những năm vừa qua, năng lực hiện tại, triển vọng và kế hoạch kinh doanh của Công ty trong những năm tiếp, SSI cho rằng nếu không có những biến động bất thường ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì kế hoạch kinh doanh trên là khả thi.

Những nhận xét trên chỉ mang tính tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.



16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán

Không có.



V. LOẠI CỔ PHIẾU VÀ TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu chào bán

1.1. Loại chứng khoán

- Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu: cổ phiếu phổ thông tự do chuyển nhượng.
- Cổ phiếu phát hành cho CBCNV: cổ phiếu phổ thông hạn chế chuyển nhượng 02 năm kể từ ngày phát hành.

1.2. Mệnh giá 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu

1.3. Tổng số cổ phiếu chào bán

Tổng số cổ phần phần được chào bán là 18.164.440 cổ phiếu, trong đó bao gồm:

- ❖ Phát hành cho cán bộ nhân viên của Công ty: 1.200.000 cổ phiếu
- ❖ Phát hành cho cổ đông hiện hữu: 16.964.440 cổ phiếu

1.4. Giá dự kiến chào bán

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ 2 năm 2010 số 02/NQ-ĐHĐCĐ vào ngày 14 tháng 8 năm 2010, giá bán dự kiến phát hành cho các đối tượng như sau:

- ❖ Giá phát hành cho cán bộ nhân viên của Công ty là 17.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Giá phát hành cho cổ đông hiện hữu của Công ty là 17.000 đồng/cổ phiếu

1.5. Phương pháp tính giá

Giá phát hành cho cán bộ nhân viên Công ty và cổ đông hiện hữu được xác định thông qua hình thức biểu quyết tại ĐHĐCĐ lần 2 năm 2010 thể hiện tại Nghị Quyết ĐHĐCĐ số 02/2010-ĐHĐCĐ ngày 14/08/2010.

Giá trị sổ sách được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Nguồn vốn CSH - Nguồn kinh phí, quỹ khác}}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Tại thời điểm 30/06/2010 (Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần):

$$= \frac{706.643.164.799}{25.446.660} = 27.770 \text{ đồng}$$

Dựa vào tình hình thị trường, và nhu cầu vốn của Công ty cũng như đánh giá khả năng chào bán cổ phiếu của Công ty, Công ty quyết định giá chào bán là 17.000 đồng/ cổ phiếu.

**1.6. Phương thức phân phối****1.6.1 Phát hành cho cán bộ nhân viên Công ty**

- ❖ Khối lượng phát hành: 1.200.000 cổ phiếu
- ❖ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Giá phát hành: 17.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông hạn chế chuyển nhượng 02 năm kể từ ngày phát hành.
- ❖ Các bước thực hiện:

Bước 1: Xác định danh sách người lao động được lựa chọn

Danh sách các cán bộ, công nhân viên được lựa chọn sẽ được Công ty công bố trên “Bảng thông tin” của Công ty và đến từng nhân viên được lựa chọn trong danh sách sau khi Công ty được Ủy ban chứng khoán chấp thuận việc chào bán cổ phiếu.

Bước 2: Thực hiện quyền mua của người lao động được lựa chọn

Cán bộ trong danh sách được phát hành phải đăng ký với Công ty về việc mua cổ phần và nộp tiền mua trong vòng 20 ngày kể từ ngày Công ty công bố trên bảng thông tin.

Người lao động trong danh sách phải nộp tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua vào tài khoản phong tỏa (chi tiết dưới đây) hoặc nộp tiền mặt về Phòng Kế toán của Công ty. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

Nếu hết hạn đăng ký thực hiện mà cán bộ công nhân viên không thực hiện quyền mua của mình sẽ bị mất quyền mua cổ phần mới mà không nhận được bất cứ sự đền bù nào của Công ty.

Người lao động không được phép chuyển nhượng quyền mua.

Bước 3: Kết thúc thực hiện quyền mua với giá ưu đãi của người lao động được lựa chọn

Kết thúc thời hạn đăng ký thực hiện quyền, Công ty lập báo cáo danh sách cán bộ công nhân viên thực hiện quyền và bao gồm tổng số tiền huy động được để báo cáo lên UBCK sau khi kết thúc đợt phát hành. Công ty chuyển toàn bộ số tiền bán cổ phần vào tài khoản phong tỏa.

Bước 4: Phân phối chứng khoán

Cổ phiếu được phân phối tại Công ty theo thời gian thông báo.

1.6.2 Phát hành cho cổ đông hiện hữu:

- ❖ Khối lượng phát hành: 16.964.440 cổ phiếu
- ❖ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Giá phát hành: 17.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng
- ❖ Tại ngày chốt danh sách cổ đông, mỗi cổ đông sở hữu 3 cổ phiếu được quyền mua thêm 2 cổ phiếu mới.



- ❖ Chuyển nhượng quyền mua: cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua 1 lần cho các đối tượng khác trong thời gian đăng ký mua cổ phiếu.
- ❖ Số lượng cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- ❖ Các bước thực hiện:

Bước 1: Thông báo quyền mua cổ phần.

Tại ngày chốt danh sách cổ đông phân bổ quyền mua cổ phiếu, Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam (DBC) phối hợp với Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam thông báo quyền mua cổ phần cho các cổ đông thông qua thành viên lưu ký. Đối với các cổ đông chưa thực hiện lưu ký, DBC sẽ thông báo quyền mua trực tiếp đến cổ đông.

Bước 2: Thực hiện quyền mua cho cổ đông hiện hữu và thanh toán tiền mua cổ phần.

Các cổ đông trên danh sách sở hữu cuối cùng thực hiện đăng ký quyền mua cổ phần theo tỉ lệ quy định. Các cổ đông đã mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền mua và nộp tiền mua cổ phiếu mới tại thành viên lưu ký đó.

Cổ đông chưa mở tài khoản và lưu ký chứng khoán thực hiện đăng ký và nộp tiền trực tiếp tại trụ sở công ty.

Khi đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, trong vòng 20 ngày làm việc cổ đông sẽ nộp tiền mua cổ phần theo mức giá quy định vào tài khoản phong tỏa của Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có yêu cầu, nhưng chỉ được chuyển nhượng quyền mua 01 lần (không chuyển nhượng cho người thứ 3).

Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thoả thuận việc chuyển nhượng và thực hiện tại thành viên lưu ký với thủ tục cụ thể như sau:

- Việc đăng ký chuyển nhượng quyền mua chứng khoán được thực hiện tại các thành viên lưu ký bên chuyển nhượng quyền hoặc thực hiện tại Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam
- Thành viên lưu ký của bên chuyển nhượng quyền kiểm tra việc sở hữu của người chuyển nhượng quyền và xác nhận việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu
- Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng thuộc cùng một thành viên lưu ký: Thành viên lưu ký sẽ xác nhận việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho bên nhận chuyển nhượng để thực hiện việc đăng ký, nộp tiền mua cổ phần mới phát hành thêm.
- Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng khác thành viên lưu ký: Thành viên lưu ký bên chuyển nhượng lập và gửi TTLKCKVN yêu cầu chuyển nhượng quyền mua



chứng khoán. Sau khi TTLKCKVN xác nhận việc nhận chuyển nhượng và gửi cho các thành viên lưu ký có liên quan, căn cứ vào thông báo của TTLKCKVN, thành viên lưu ký bên nhận chuyển nhượng gửi Xác nhận quyền mua chứng khoán cho cổ đông nhận chuyển nhượng để thực hiện việc đăng ký, nộp tiền mua chứng khoán mới phát hành thêm.

- Các cổ đông chưa lưu ký hoặc việc chuyển nhượng quyền mua sang cho các cổ đông chưa lưu ký được thực hiện tại trụ sở Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam.

Bước 3: Kết thúc thực hiện quyền.

Kết thúc thời hạn đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần, thành viên lưu ký lập báo cáo thực hiện quyền mua chứng khoán tại thành viên lưu ký và danh sách cổ đông thực hiện quyền 01 ngày sau khi kết thúc thời hạn thực hiện quyền.

Thành viên lưu ký chuyển tiền mua chứng khoán của người đầu tư vào tài khoản tiền gửi đăng ký mua chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tại Ngân hàng chỉ định thanh toán. Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chuyển tiền vào tài khoản của DBC.

Bước 4: Phân phối chứng khoán.

Sau khi Công ty được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chấp thuận đăng ký chứng khoán bổ sung, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam gửi báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các thành viên lưu ký. Thành viên lưu ký hạch toán số chứng khoán phát hành thêm vào tài khoản chứng khoán của người đầu tư.

Đối với cổ đông chưa lưu ký thì cổ phiếu được phân phối trực tiếp tại Trụ sở Công ty.

1.7. Thời gian phân phối cổ phiếu:

Thời gian phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên Công ty dự kiến thực hiện tối đa trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký phát hành có hiệu lực. Trong trường hợp kéo dài hơn quy định trên, Công ty sẽ xin phép UBCKNN cho gia hạn đợt phát hành.

1.8. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không bán hết

Phát hành **1.200.000 cổ phần** cho cán bộ nhân viên Công ty: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT phân phối số cổ phần không được CBCNV đặt mua hết và cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá bán không thấp hơn giá bán cho CBCNV của đợt phát hành này (17.000 đồng/cổ phiếu);

Phát hành **16.964.440 cổ phần** cho cổ đông hiện hữu: Số cổ phần mới được nhận sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT phân phối số cổ phần không được cổ đông đặt mua hết và số cổ phiếu lẻ phát sinh cho các đối tượng khác theo cách thức và



điều kiện phù hợp với giá không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu của đợt phát hành này.

1.9. Đăng ký mua cổ phiếu và thực hiện quyền mua

- Chào bán cho cán bộ nhân viên Công ty:
 - Số lượng chào bán: 1.200.000 cổ phiếu
 - Phương thức thanh toán: cán bộ công nhân viên thực hiện đăng ký và làm thủ tục mua cổ phần tại Công ty và có thể nộp tiền tại Phòng Kế toán Công ty hoặc chuyển trực tiếp vào tài khoản phong tỏa.
- Chào bán cho cổ đông hiện hữu:
 - Số lượng chào bán: 16.964.440 cổ phiếu
 - Phương thức thanh toán: cổ đông đã lưu ký thanh toán qua tài khoản chứng khoán mở tại các Công ty chứng khoán, tổng số tiền thu được được chuyển về tài khoản phong tỏa của Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam. Cổ đông chưa lưu ký nộp tiền mua cổ phần trực tiếp hoặc chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam.

2. Loại trái phiếu chuyển đổi chào bán

2.1. Các giấy tờ pháp lý liên quan đến đợt chào bán

DBC được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Các văn bản pháp lý cho việc phát hành trái phiếu của DBC:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc Hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29/11/2005;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc Hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29/06/2006;
- Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 52/2006/NĐ-CP ngày 19/5/2006 của Chính phủ ban hành về phát hành trái phiếu doanh nghiệp;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2010 vào ngày 14/08/2010 của Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam.

2.2. Loại trái phiếu Trái phiếu chuyển đổi

2.3. Lãi suất 10%/năm



2.4. Kỳ hạn trả lãi Hàng năm tại ngày tròn năm của Trái phiếu, tiền lãi trái phiếu sẽ được chi trả cho người sở hữu trái phiếu bằng tiền mặt

2.5. Mệnh giá: 100.000 đồng/trái phiếu

2.6. Tổng số trái phiếu dự kiến chào bán

Tổng khối lượng trái phiếu phát hành là 2.544.666 trái phiếu (Hai triệu năm trăm bốn bốn ngàn sáu trăm sáu mươi sáu), tương đương với 254.466.600.000 đồng.

2.7. Giá chào bán dự kiến

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2010 được tổ chức vào ngày 14/08/2010, các cổ đông hiện hữu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông sẽ được mua trái phiếu với giá 100.000 đồng/trái phiếu.

2.8. Phương pháp tính giá

Giá trái phiếu được tính toán dựa trên giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 30/06/2010 có tính đến yếu tố pha loãng cổ phiếu do phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên đợt I/2010 và được điều chỉnh giá sau khi thực hiện việc chia cổ tức và thưởng bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

2.9. Phương án phát hành trái phiếu

2.9.1. Kỳ hạn: 24 tháng

2.9.2. Thời gian phát hành dự kiến: quý IV năm 2010

2.9.3. Ngày đáo hạn dự kiến: Tròn 2 năm kể từ Ngày phát hành

2.9.4. Quyền chuyển đổi

50% vào ngày tròn năm thứ nhất của ngày phát hành và 50% vào ngày tròn năm thứ hai. Tuy nhiên nhà đầu tư có thể không thực hiện hoặc thực hiện chuyển đổi một phần. Phần trái phiếu chuyển đổi chưa thực hiện chuyển đổi vào ngày tròn năm thứ nhất của ngày phát hành hàng năm sẽ tiếp tục được quyền chuyển đổi vào ngày tròn năm thứ 2. Phần trái phiếu không thực hiện chuyển đổi vào ngày tròn năm thứ 2 sẽ được công ty thanh toán bằng tiền mặt. Việc thực hiện quyền chuyển đổi sẽ thuộc về trái chủ.

2.9.5. Điều khoản chống pha loãng:

a. Theo nghị quyết ĐHĐCĐ 2010, công ty sẽ thực hiện phát hành cho cán bộ công nhân viên 1.200.000 cổ phiếu và cổ đông hiện hữu 16.964.440 cổ phiếu với tỷ lệ 3 cổ phiếu cũ được 2 cổ



phiếu mới, giá phát hành 17000 đồng/cổ phiếu, do vậy để đảm bảo cho quyền lợi của trái chủ, thì giá chuyển đổi sẽ được điều chỉnh tương ứng với khối lượng và giá phát hành nêu trên. Giá cổ phiếu sẽ bị pha loãng và được điều chỉnh giảm theo tỷ lệ phát hành và giá phát hành tại các thời điểm sau: (i) thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu; (ii) thời điểm thực hiện phát hành cho CBCNV. Tại hai thời điểm nói trên, Giá cổ phiếu sẽ bị pha loãng và được điều chỉnh giảm theo công thức sau:

$$PR_t = \text{Giá thị trường (điều chỉnh)} = \frac{PR(t-1) + I_1 * PR_1}{(1 + I_1)}$$

Trong đó:

$PR(t-1)$: là giá giao dịch của DBC ngày trước của các ngày sau: (i) ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; (ii) ngày phát hành cho CBCNV;

PR là giá phát hành thêm cho các đối tượng sau: (i) cho cổ đông hiện hữu, (ii) giá phát hành cho CBCNV

I_1 : Tỷ lệ vốn tăng được tính theo công thức sau: Số lượng cổ phiếu được phát hành thêm trong đợt phát hành/ Số lượng cổ phiếu trước khi thực hiện đợt phát hành

Giá chuyển đổi sẽ được điều chỉnh trong 2 trường hợp phát hành trên theo tỷ lệ **$PR_t/PR(t-1)$** , theo công thức sau:

Giá chuyển đổi điều chỉnh = Giá chuyển đổi đang được áp dụng trước đợt phát hành * **$PR_t/PR(t-1)$**

b. Trong khoảng thời gian từ thời điểm phát hành đến khi chuyển đổi, để đảm bảo cho quyền lợi của trái chủ, giá chuyển đổi của trái phiếu sẽ được điều chỉnh tương ứng với tỷ lệ điều chỉnh giá tham chiếu của cổ phiếu DBC trên Sở giao dịch chứng khoán trong các trường hợp tổ chức phát hành:

- Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu.
- phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá thấp hơn giá thị trường tại thời điểm phát hành.
- Trả cổ tức bằng tiền mặt
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu

Mọi điều chỉnh giá tham chiếu khác theo quy định của Sở giao dịch thì giá chuyển đổi cũng sẽ được điều chỉnh tương ứng.

2.9.6. Điều khoản cam kết lợi nhuận sau thuế/1 cổ phiếu bình quân

DBC cam kết chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế hợp nhất /1 cổ phiếu bình quân (EPS) hàng năm đạt tối thiểu 4.000 đồng/cổ phiếu kể từ năm phát hành trái phiếu chuyển đổi đến năm đáo hạn trái phiếu với:



- Lợi nhuận sau thuế là chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế hợp nhất tại Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán thời điểm 31 tháng 12 hàng năm của DBC

- Số lượng cổ phiếu lưu hành là số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm

Trong trường hợp $0 < \text{EPS} < 4000$ đồng/cổ phiếu kể từ năm phát hành trái phiếu chuyển đổi đến năm đáo hạn trái phiếu, giá chuyển đổi của trái phiếu sẽ được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ giảm EPS so với EPS cam kết. Công thức như sau:

$$\text{Giá chuyển đổi} = \text{Giá chuyển đổi đang được áp dụng trước đó} * \text{EPS}/4000$$

Trong trường hợp $\text{EPS} \leq 0$ đồng/cổ phiếu kể từ năm phát hành trái phiếu chuyển đổi đến năm đáo hạn trái phiếu, nhà đầu tư có quyền không thực hiện chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi một phần trái phiếu hoặc toàn bộ trái phiếu tại thời điểm đáo hạn. Công ty có trách nhiệm hoàn trả lại gốc trái phiếu không thực hiện chuyển đổi bằng tiền mặt

2.9.7. Nguyên tắc làm tròn trái phiếu

Khi tính số trái phiếu mà cổ đông hiện hữu được quyền mua, nếu ra kết quả là số lẻ thập phân thì sẽ được làm tròn theo nguyên tắc bỏ đi phần số lẻ thập phân. Số trái phiếu lẻ dôi ra do làm tròn sẽ được HĐQT phân phối cho các nhà đầu tư khác với giá không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu.

2.9.8. Nguyên tắc làm tròn số cổ phần được chuyển đổi

Khi tính số cổ phần mà người sở hữu trái phiếu được chuyển đổi, nếu ra kết quả là số lẻ thập phân thì sẽ được làm tròn theo nguyên tắc bỏ đi phần số lẻ thập phân. Ví dụ: số cổ phần chuyển đổi tính ra là 658.986,7 cổ phần thì sẽ được làm tròn thành 658.986 cổ phần.

2.9.9. Chuyển nhượng trái phiếu

Nhà đầu tư được tự do chuyển nhượng trái phiếu; Không chế tỉ lệ sở hữu trái phiếu của nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 49% tổng số trái phiếu của đợt phát hành này.

2.9.10. Nguyên tắc xác định Giá chuyển đổi

70% giá thị trường tại thời điểm phát hành và được điều chỉnh theo quy định của điều khoản chống pha loãng và điều khoản cam kết lợi nhuận sau thuế/1 cổ phiếu bình quân (EPS). Giá thị trường tại thời điểm phát hành là trung bình giá bình quân của 10 ngày giao dịch liên tiếp trước ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua trái phiếu.

Giá chuyển đổi được điều chỉnh theo quy định của điều khoản chống pha loãng

Ví dụ: Giả sử ngày 09/09/2010 là ngày chốt danh sách được hưởng quyền mua Trái phiếu chuyển đổi, giá thị trường tại thời điểm phát hành là trung bình giá bình quân của 10 ngày giao dịch liên tiếp trước ngày thực hiện quyền là 35.700 đồng/cổ phiếu.

STT	Ngày	Giá bình quân
1	8/9/2010	38.800



STT	Ngày	Giá bình quân
2	7/9/2010	41.200
3	6/9/2010	39.600
4	1/9/2010	37.100
5	31/08/2010	34.900
6	30/08/2010	33.100
7	27/08/2010	31.100
8	26/08/2010	32.400
9	25/08/2010	33.300
10	24/08/2010	35.500
Trung bình		35.700

Giá chuyển đổi trước pha loãng = $70\% * 35.700 = 24.990$ đồng/ cổ phiếu

Theo nghị quyết ĐHĐCĐ 2010, công ty sẽ thực hiện phát hành cho CBCNV 1.200.000 cổ phiếu và cổ đông hiện hữu 16.964.440 cổ phiếu với tỷ lệ 3:2, giá phát hành 17.000 đồng/cổ phiếu, giá cổ phiếu sẽ bị pha loãng và được điều chỉnh giảm theo công thức sau:

$$35.700 + 17.000 * 5\% + 17.000 * 67,7\%$$

Giá thị trường (điều chỉnh) = $\frac{\text{Giá chuyển đổi trước pha loãng} + \text{Giá phát hành} * \text{tỷ lệ pha loãng}}{1 + \text{tỷ lệ pha loãng}} = 27.900$ đồng/cổ phiếu

Do vậy, giá chuyển đổi trái phiếu sẽ là $24.990 * 27.900/35.700 = 19.530$ đồng/cổ phiếu.

Giá chuyển đổi được điều chỉnh theo điều khoản cam kết lợi nhuận sau thuế/1 cổ phiếu bình quân (EPS)

Theo điều khoản về cam kết lợi nhuận, DBC cam kết chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế hợp nhất /1 cổ phiếu bình quân (EPS) hàng năm đạt tối thiểu 4.000 đồng/cổ phiếu kể từ năm phát hành trái phiếu chuyển đổi đến năm đáo hạn trái phiếu. Trong trường hợp Công ty không thực hiện được cam kết của mình, giá chuyển đổi sẽ được điều chỉnh giảm tương ứng.

Giá sử: vào ngày 09/09/2011, EPS năm 2010 đạt 3.000 đồng/cổ phiếu, giá chuyển đổi sẽ được điều chỉnh giảm như sau:

$$\begin{aligned} \text{Giá chuyển đổi} &= \text{Giá chuyển đổi đang được áp dụng trước đó} * \text{EPS}/4000 \\ &= 19.530 * 3.000/4.000 = 14,648 \text{ đồng} \end{aligned}$$

2.9.11. Phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu và niêm yết bổ sung

Tại ngày thực hiện Quyền chuyển đổi, công ty sẽ phát hành một số lượng cổ phiếu tương ứng với số lượng trái phiếu được chuyển đổi và thực hiện việc niêm yết bổ sung số cổ phiếu này trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2.9.12. Ủy quyền



Đối với số trái phiếu chuyển đổi phát hành cho cổ đông hiện hữu, số lượng trái phiếu chuyển đổi còn dư phát sinh do các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết (nếu có) sẽ được giao cho Hội đồng Quản trị quyết định chào bán cho các nhà đầu tư khác với giá không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu.

Ủy quyền cho HĐQT xây dựng và thực hiện phương án phát hành chi tiết bao gồm: giá chuyển đổi, thời điểm phát hành, lựa chọn đơn vị bảo lãnh phát hành và giá bảo lãnh phát hành (nếu có), quyết định giá chuyển đổi và các công việc liên quan khác.

Ủy quyền cho HĐQT bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án phát hành theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc huy động vốn của Công ty được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.

2.9.13. Phương án trả gốc trái phiếu

Nguồn trả gốc và lãi trái phiếu sẽ có thể được lấy từ các nguồn:

- (1) nguồn tiền mặt sẵn có;
- (2) nguồn tiền thu về từ các dự án Đền Đô, Vạn An
- (3) nguồn tiền thu về từ hoạt động kinh doanh chính là sản xuất thức ăn chăn nuôi, giống, nguyên liệu
- (4) các nguồn khác.

2.10. Phương thức phân phối

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông, mỗi cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được quyền mua thêm 1 trái phiếu mới.
- Chuyển nhượng quyền mua: cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua 1 lần cho các đối tượng khác trong thời gian đăng ký mua trái phiếu.
- Số lượng trái phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- Các bước thực hiện:

Bước 1: Thông báo quyền mua trái phiếu.

Tại ngày chốt danh sách cổ đông phân bổ quyền mua trái phiếu, Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam (DBC) phối hợp với Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam thông báo quyền mua trái phiếu cho các cổ đông thông qua thành viên lưu ký. Đối với các cổ đông chưa thực hiện lưu ký, DBC sẽ thông báo quyền mua trực tiếp đến cổ đông.

Căn cứ tình hình thực tế, thời điểm chốt danh sách mua trái phiếu chuyển đổi cho cổ đông hiện hữu sẽ trước hoặc trùng với thời điểm chốt danh sách mua cổ phiếu. Thời điểm chốt danh sách cụ thể sẽ được Công ty thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Bước 2: Thực hiện quyền mua cho cổ đông hiện hữu và thanh toán tiền mua trái phiếu.



Các cổ đông trên danh sách sở hữu cuối cùng thực hiện đăng ký quyền mua trái phiếu theo tỉ lệ quy định. Các cổ đông đã mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền mua và nộp tiền mua trái phiếu mới tại thành viên lưu ký đó.

Cổ đông chưa mở tài khoản và lưu ký chứng khoán thực hiện đăng ký và nộp tiền trực tiếp tại trụ sở công ty.

Khi đăng ký thực hiện quyền mua trái phiếu phát hành, trong vòng 20 ngày làm việc cổ đông sẽ nộp tiền mua trái phiếu theo mức giá quy định vào tài khoản phong tỏa của Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có yêu cầu, nhưng chỉ được chuyển nhượng quyền mua 01 lần (không chuyển nhượng cho người thứ 3).

Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thoả thuận việc chuyển nhượng và thực hiện tại thành viên lưu ký. Các cổ đông chưa lưu ký hoặc việc chuyển nhượng quyền mua sang cho các cổ đông chưa lưu ký được thực hiện tại trụ sở Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam.

Bước 3: Kết thúc thực hiện quyền.

Kết thúc thời hạn đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần, thành viên lưu ký lập báo cáo thực hiện quyền mua chứng khoán tại thành viên lưu ký và danh sách cổ đông thực hiện quyền 01 ngày sau khi kết thúc thời hạn thực hiện quyền.

Thành viên lưu ký chuyển tiền mua chứng khoán của người đầu tư vào tài khoản tiền gửi đăng ký mua chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tại Ngân hàng chỉ định thanh toán. Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chuyển tiền vào tài khoản của DBC.

Bước 4: Phân phối trái phiếu.

Trái phiếu được phân phối trực tiếp tại Trụ sở Công ty hoặc tại tổ chức lưu ký trung gian

2.11. Bảo lãnh phát hành trái phiếu chuyển đổi

Khối lượng trái phiếu bảo lãnh phát hành: 2.544.666 trái phiếu

Tổng giá trị trái phiếu cam kết bảo lãnh: 254.466.600.000 đồng

Giá bảo lãnh phát hành:

100.000 đồng/trái phiếu với giá chuyển đổi được xác định là 70% giá thị trường tại thời điểm phát hành và được điều chỉnh theo quy định của điều khoản chống pha loãng và điều khoản cam kết lợi nhuận sau thuế/1 cổ phiếu bình quân (EPS) đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam thông qua tại Nghị quyết số 02/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 08 năm 2010.



Giá thị trường tại thời điểm phát hành là trung bình giá bình quân của 10 ngày giao dịch liên tiếp trước ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua trái phiếu.

Phương thức bảo lãnh:

Bên bảo lãnh nhận bảo lãnh phát hành Trái phiếu cam kết bảo lãnh phát hành của đợt chào bán theo phương thức mua toàn bộ số Trái phiếu cam kết bảo lãnh phát hành còn lại không được phân phối hết của đợt chào bán sau khi đã phối hợp cùng Bên được bảo lãnh tiến hành các bước chào bán theo phương án chào bán và sau khi kết thúc thời hạn chào bán với Giá bảo lãnh phát hành và hưởng phí bảo lãnh phát hành theo cam kết bảo lãnh.

Phương thức phân phối:

Trái phiếu chuyển đổi được phân phối theo Phương thức: Phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu. Tại ngày chốt danh sách cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10 (mười) cổ phiếu được quyền mua 01 (một) trái phiếu. Quyền mua trái phiếu được tự do chuyển nhượng một lần.

Trong trường hợp cổ đông hiện hữu từ chối mua trái phiếu, bên nhận bảo lãnh sẽ thực hiện mua toàn bộ số lượng trái phiếu còn lại theo cam kết bảo lãnh phát hành.

Thời gian phân phối dự kiến: Trong tháng 11 và tháng 12 và có thể thay đổi tùy thuộc vào thời gian chốt danh sách hưởng quyền mua trái phiếu và nhận đăng ký mua trái phiếu của Trung tâm lưu ký.

Thời gian chuyển giao trái phiếu cho người mua: trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Thời hạn và phương thức thanh toán tiền:

Trường hợp phát sinh Trái phiếu mua theo Cam kết bảo lãnh phát hành, trong vòng 10 (mười) ngày làm việc sau khi kết thúc đợt chào bán, Bên bảo lãnh sẽ thanh toán toàn bộ giá trị số trái phiếu mua theo Cam kết bảo lãnh phát hành sau khi trừ đi Phí bảo lãnh phát hành và các khoản chi phí phát sinh nêu (nếu có).

Phương thức thanh toán: Bên bảo lãnh sẽ thực hiện thanh toán tiền tương ứng với số lượng Trái phiếu mua theo Cam kết bảo lãnh phát hành bằng chuyển khoản vào tài khoản do Bên được bảo lãnh chỉ định bằng văn bản.

2.12. Giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài

Tổng số trái phiếu do Công ty cổ phần Dabaco phát hành thuộc nhà đầu tư nước ngoài sở hữu không được vượt quá 49% tổng số trái phiếu đã phát hành.

Nhà đầu tư nước ngoài được khuyến cáo tham khảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với trái phiếu DBC do DBC công bố trên trang web của DBC trước khi quyết định giao dịch trái phiếu chuyển đổi.

**2.13. Thời gian phân phối trái phiếu**

Thời gian phân phối trái phiếu cho cổ đông hiện hữu Công ty dự kiến thực hiện tối đa trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký phát hành có hiệu lực. Trong trường hợp kéo dài hơn quy định trên, Công ty sẽ xin phép UBCKNN cho gia hạn đợt phát hành.

3. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Căn cứ theo Quyết định 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài mua bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được phép nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng. Đến thời điểm hiện nay, nhà đầu tư nước ngoài nắm 480.000 cổ phiếu tương đương 17,89% của Công ty.

4. Các loại thuế có liên quan

- ❖ Thuế suất thuế GTGT phải nộp:
 - Thức ăn chăn nuôi: 5%.
 - Gà giống, lợn giống, ngan vịt giống: 0%.
- ❖ Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp mà Công ty phải nộp là 20%, miễn 02 năm (2005, 2006) và giảm 50% trong 5 năm (2007, 2008, 2009, 2010, 2011).

5. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu và trái phiếu chuyển đổi:

Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu và trái phiếu chuyển đổi:

- ❖ Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam
- ❖ Số tài khoản phong toả: 17701 00000 12979
- ❖ Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Bắc Ninh



VI. MỤC ĐÍCH CỦA ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Mục đích chào bán

Mục đích phát hành tăng vốn của Công ty:

- Là để đảm bảo vốn chủ sở hữu để tham gia các dự án BT theo đúng Luật do hiện tại Công ty chưa đủ nguồn vốn để đáp ứng các điều kiện về vốn đối ứng theo quy định tại Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27/11/2009 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao, Hợp đồng Xây dựng – Chuyên giao Kinh doanh, Hợp đồng Xây dựng – Chuyên giao.

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán này sẽ được Công ty sử dụng để:

- Bổ sung nguồn vốn để tài trợ các dự án BT mà Công ty đang được UBND tỉnh Bắc Ninh giao cho đầu tư xây dựng;

2. Tính khả thi của các dự án BT

- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam
- Giấy tờ pháp lý của các dự án BT:
 - Tờ trình số 58/KH-KTĐN ngày 19/05/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt các dự án xây dựng theo hình thức BT do Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam đề xuất.
 - Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 20/05/2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt các dự án xây dựng theo hình thức BT do Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam đề xuất
 - Công văn số 2048/UBND-KTTH của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh về Các dự án đầu tư xây dựng theo hình thức BT của Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam ngày 29 tháng 10 năm 2010. Theo đó, để đảm bảo triển khai các dự án BT phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội năm 2011, năm đầu của thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội của giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 – 2015, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh sẽ cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho các dự án BT sau khi Công ty tăng vốn điều lệ để đảm bảo nguồn vốn đối ứng thực hiện các dự án.
- Các dự án BT bao gồm:

Dự án BT	Chi tiết	Dự án đối ứng
Tuyến đường H1 tại TP Bắc Ninh	Chân cầu vượt QL18 đến TL286 (2.600km)	Khu đô thị Vạn An và Khu đô thị DV Khúc Xuyên, Phong Khê
Tuyến đường H2 tại TP Bắc Ninh	TL286 đến đường Kinh Dương	Khu đô thị Vạn An và Khu đô thị



Dự án BT	Chi tiết	Dự án đối ứng
Ninh	Vương kéo dài (1.533m)	DV Khúc Xuyên, Phong Khê
Đường Trường Chinh - Kinh Dương Vương 3 tại TP Bắc Ninh	K0+000 tại nút giao đường Kinh Dương Vương với đường Đẩu Mã đến Km1+089,13 tại nút giao với đường Trần Hưng Đạo (1.089,13m)	Khu đô thị Vạn An và Khu đô thị DV Khúc Xuyên, Phong Khê
Công viên hồ điều hoà Văn Miếu tại TP Bắc Ninh	Phường Đại Phúc và Võ Cường, TP Bắc Ninh	Khu đô thị Vạn An và Khu đô thị DV Khúc Xuyên, Phong Khê
Đường từ Đền Đô đến đường vành đai III và TL295B	K0+000 tại tim nút giao vành xuyên với đường đền Đô đến điểm cuối Km3+585,94, giao với TL295B (3.827,47m)	Khu đô thị và dịch vụ xã Phù Khê và Phường Đình Bảng
Đường từ nút giao khác mức giữa QL1A mới với TL277 đến TL295B dọc theo kênh Nam	K0+000 tại TL295B đến điểm cuối Km2+700 phường Đình Bảng (2.700m)	Khu đô thị và dịch vụ xã Phù Khê và Phường Đình Bảng

(Nguồn: Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam)

- Mục tiêu của các dự án BT:

Hoàn thiện hệ thống kỹ thuật hạ tầng đô thị, giao thông của tỉnh Bắc Ninh, đấu nối với các tuyến quốc lộ chạy qua địa bàn tạo thành mạng lưới giao thông thuận lợi phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, khu vực và toàn vùng.

Xây dựng Hồ điều hòa quy mô lớn đảm bảo điều tiết thoát nước cho đô thị. Xây dựng công viên xanh đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi của nhân dân, tạo dựng môi trường sinh thái và cảnh quan đô thị xanh, sạch, đẹp, ...

3. Nhu cầu vốn tài trợ cho các dự án BT

Bảng 26: Các Dự án cần huy động vốn năm 2010

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên Dự án	Tổng vốn đầu tư	Chi phí xây lắp	Chi phí đền bù GPMB	Chi phí thiết bị	Chi phí khác	Chi phí dự phòng
1	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật tuyến đường H1 tại TP Bắc Ninh	305.000	237.680			39.593	27.727



TT	Tên Dự án	Tổng vốn đầu tư	Chi phí xây lắp	Chi phí đền bù GPMB	Chi phí thiết bị	Chi phí khác	Chi phí dự phòng
2	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật tuyến đường H2 tại TP Bắc Ninh	196.670	93.965	63.041		6.886	32.778
3	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Trường Chinh – Kinh Dương Vương 3 tại TP Bắc Ninh	57.065	35.684	13.684		2.510	5.187
4	Dự án xây dựng công trình công viên hồ điều hòa Văn Miếu tại TP Bắc Ninh	197.498	97.282	51.815	3.805	6.477	38.118
5	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật tuyến đường từ Đền Đô đến đường vành đai 3 và TL295B	277.327	166.251	71.883		13.981	25.212
6	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ nút giao khác giữa QL1A mới với TL277 đến TL295B	342.225	206.820	91.884		12.409	31.111
	Tổng cộng	1.375.785					
	Vốn tự có của chủ đầu tư 30%	412.736					
	Vốn từ PH trái phiếu 18%	254.467					
	Vốn vay từ các NHTM 52%	708.583					

(Nguồn: Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam)

4. Cam kết của tổ chức phát hành

Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam cam kết sử dụng nguồn vốn thu được đúng mục đích và sẽ chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn thu được này.



VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Số tiền thu được từ đợt chào bán

Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành của Công ty như sau:

Bảng 27: Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành

Nội dung	Số lượng cổ phiếu	Tỷ trọng đợt phát hành (%)	Giá phát hành dự kiến	Số tiền thu được (đồng)
Phát hành cổ phiếu				
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	18.164.440	100		308.795.480.000
Phát hành cổ đông hiện hữu	16.964.440	93,4%	17.000	288.395.480.000
Phát hành cho CBCNV	1.200.000	6,6%	17.000	20.400.000.000
Số lượng cổ phiếu sau phát hành	43.611.100			
Phát hành trái phiếu chuyển đổi				
Số lượng trái phiếu chuyển đổi	2.544.666	100	100.000	254.466.600.000
Tổng cộng				563.262.080.000

(Nguồn: Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam)

2. Kế hoạch sử dụng vốn từ số tiền thu được

Bảng 28: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

TT	Tên Dự án	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	Thời gian dự kiến triển khai
1	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật tuyến đường H1 tại TP Bắc Ninh	305.000	Quý 2/2011, hoàn thành sau 18 tháng
2	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật tuyến đường H2 tại TP Bắc Ninh	196.670	Tháng 11/2010, hoàn thành sau 18 tháng
3	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật	57.065	Quý 2/2011, hoàn thành



TT	Tên Dự án	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	Thời gian dự kiến triển khai
	thuật tuyến đường Trường Chinh – Kinh Dương Vương 3 tại TP Bắc Ninh		thành sau 12 tháng
4	Dự án xây dựng công trình công viên hồ điều hòa Văn Miếu tại TP Bắc Ninh	197.498	Tháng 12/2010, hoàn thành sau 36 tháng
5	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật tuyến đường từ Đền Đô đến đường vành đai 3 và TL295B	277.327	Tháng 01/2011, hoàn thành sau 20 tháng
6	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ nút giao khác giữa QL1A mới với TL277 đến TL295B	342.225	Tháng 06/2011, hoàn thành sau 24 tháng
	Tổng cộng	1.375.785	
	Vốn tự có của chủ đầu tư 30%	412.736	
	Vốn từ PH trái phiếu 18%	254.467	
	Vốn vay từ các NHTM 52%	708.583	

(Nguồn: Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam)

Vốn tự có của chủ đầu tư dự kiến là 30% tổng nhu cầu vốn, trong đó huy động từ phát hành cổ phiếu là 308.795.480.000 đồng, phần còn lại 103.940.037.100 đồng từ lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Vốn vay từ phát hành trái phiếu chuyển đổi dự kiến chiếm 18% tổng nhu cầu vốn các dự án, tương đương với 254,467 tỷ đồng.

Trong trường hợp đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng (cho CBCNV và cổ đông hiện hữu) và trái phiếu chuyển đổi (cho cổ đông hiện hữu) không thành công theo mong đợi, phần vốn thiếu phát sinh (nếu có), Công ty sẽ thu xếp vay từ các cá nhân và tổ chức có quan hệ tín nhiệm lâu năm với Công ty.

Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:

- Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến nhằm tài trợ cho các dự án BT mà Dabaco được UBND Tỉnh Bắc Ninh giao, chi tiết như sau:



Bảng 29: Chi tiết sử dụng vốn của đợt phát hành

Tên dự án triển khai	Chi phí dự kiến	Tiến độ	2010	2011	2012	2013	2014
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tuyến đường H1	305.000.056		27.905.571	82.700.461	180.239.458	14.154.565	-
Chi phí đền bù, GPMB	28.491.346	Từ T10/2010-QI/2011	17.094.808	11.396.539			
Chi phí khảo sát, thiết kế, thẩm định DA	10.810.764	Xong T4/2010	10.810.764				
Chi phí xây lắp	237.679.742	QII/2011 +18 tháng		71.303.922	166.375.819		
Chi phí đóng DA	290.926					290.926	
Chi phí dự phòng	27.727.278				13.863.639	13.863.639	
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tuyến đường H2	196.670.112		82.601.649	88.719.916	25.348.547	-	-
Chi phí đền bù, GPMB	63.041.000	Từ T5-T10/2010	63.041.000				
Chi phí khảo sát, thiết kế, thẩm định dự án	6.886.375	Xong T5/2010	6.886.375				
Chi phí xây lắp	93.964.386	T11/2010 + 18 tháng	9.396.439	65.775.070	18.792.877		
Chi phí dự phòng	32.778.351		3.277.835	22.944.846	6.555.670		
Xây dựng tuyến đường Trường Chinh - Kinh Dương Vương	57.065.261		2.509.962	20.820.529	31.659.670	2.075.100	-
Chi phí đền bù, GPMB	13.683.774	QI/2011		13.683.774			
Chi phí khảo sát, thiết kế,	2.509.962	Xong T6/2010	2.509.962				



Tên dự án triển khai	Chi phí dự kiến	Tiến độ	2010	2011	2012	2013	2014
thẩm định DA							
Chi phí xây lắp	35.683.774	QII/2011 + 12 tháng		7.136.755	28.547.019		
Chi phí dự phòng	5.187.751				3.112.651	2.075.100	
Xây hồ điều hòa Văn Miếu	197.498.134		58.292.930	30.453.088	49.511.934	41.888.396	17.351.786
Chi phí đền bù, GPMB	51.815.471	Xong T10/2010	51.815.471				
Chi phí khảo sát, thiết kế, thẩm định DA	6.477.459	Xong T5/2010	6.477.459				
Chi phí xây lắp	97.282.478	Từ QI/2011 + 36 tháng		29.184.743	29.184.743	9.184.743	9.728.248
Chi phí thiết bị	3.805.035	Mua trong quá trình XD		1.268.345	1.268.345	1.268.345	
Chi phí dự phòng	38.117.691				19.058.846	11.435.307	7.623.538
Xây đường từ Đền Đô - Vành đai 3 và QL 1A	277.327.000		85.864.280	99.750.684	84.148.562	7.563.474	-
Chi phí đền bù, GPMB	71.883.130	Hết năm 2010	71.883.130				
Chi phí khảo sát, thiết kế, thẩm định DA	13.981.150	T7/2010	13.981.150				
Chi phí xây lắp	166.251.140	QI/2011 + 20 tháng		99.750.684	66.500.456		
Chi phí dự phòng	25.211.580				17.648.106	7.563.474	
Xây đường từ QL1 đến TL277 - L295B	342.224.550		30.786.028	125.212.200	112.743.397	73.482.925	-
Chi phí đền bù, GPMB	91.884.000	Hết T8/2011	18.376.800	73.507.200			
Chi phí khảo sát, thiết kế,	12.409.228	T10/2010	12.409.228				



Tên dự án triển khai	Chi phí dự kiến	Tiến độ	2010	2011	2012	2013	2014
thẩm định DA							
Chi phí xây lắp	206.820.000	T6/2011 + 24 tháng		51.705.000	103.410.000	51.705.000	
Chi phí dự phòng	31.111.322				9.333.397	21.777.925	
Tổng	1.375.785.113		287.960.420	447.656.878	483.651.568	139.164.461	17.351.786
Nguồn tài trợ							
Vốn chủ sở hữu			127.233.300	179.203.318	51.970.019	-	-
trái phiếu			160.727.120	148.068.360	-	-	-
Vay NHTM			-	120.385.120	431.681.549	139.164.461	17.351.786

(Nguồn: Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam)



VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08. 3824 2897

Fax: 08. 3824 7430

Email: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

CN Công ty Chứng khoán Sài gòn tại Hà Nội

1C Ngô Quyền – Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04.39366321

Fax: 04.39366311

2. Tổ chức kiểm toán:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Địa chỉ: Tầng 5-6, số 136, Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 37557446

Fax: (04) 37557448

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Sông Đà, số 165, Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 62670 491

Fax: (04) 62670 494



IX. PHỤ LỤC

- ❖ Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- ❖ Phụ lục 2: Điều lệ Công ty;
- ❖ Phụ lục 3: Các báo tài chính kiểm toán năm 2008 - 2009 và Báo cáo tài chính 9 tháng năm 2010
- ❖ Phụ lục 4: Nghị quyết của ĐHĐCĐ về việc thông qua phương án phát hành;
- ❖ Phụ lục 5: Nghị quyết HĐQT về Phương án phát hành;
- ❖ Phụ lục 6: Nghị quyết HĐQT về thông qua Hồ sơ phát hành
- ❖ Phụ lục 7: Nghị quyết HĐQT về phát hành cho CBCNV
- ❖ Phụ lục 8: Danh sách và sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát;
- ❖ Phụ lục 9: Giấy ủy quyền nhân viên công bố thông tin và SYLL nhân viên CBTT;
- ❖ Phụ lục 10: Hợp đồng tư vấn; Giấy Ủy quyền của Tổng giám đốc SSI;
- ❖ Phụ lục 11: Cam kết của tổ chức phát hành;
- ❖ Phụ lục 12: Tài liệu khác.



Bắc Ninh, ngày 08 tháng 11 năm 2010

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN DABACO VIỆT NAM**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN NHƯ SƠ

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN VĂN LĨNH

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – CHI NHÁNH HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH**

NGUYỄN THỊ THANH HÀ